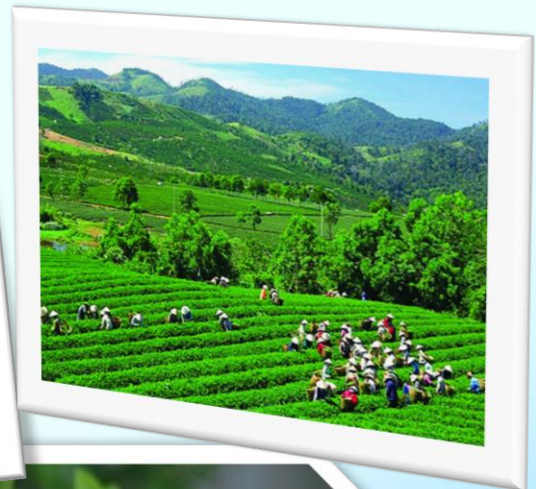


CỤC DU LỊCH QUỐC GIA VIỆT NAM  
VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN DU LỊCH



# KỶ YẾU HỘI THẢO

PHÁT TRIỂN DU LỊCH TẠI CÁC VÙNG CHÈ  
Ở TIỂU VÙNG ĐÔNG BẮC, VIỆT NAM



Hà Nội - Tháng 10/2024

CỤC DU LỊCH QUỐC GIA VIỆT NAM  
VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN DU LỊCH

**ITDR**

## **KỶ YẾU HỘI THẢO**

**PHÁT TRIỂN DU LỊCH TẠI CÁC VÙNG CHÈ  
Ở TIỂU VÙNG ĐÔNG BẮC VIỆT NAM**



**Hà Nội - Tháng 10/2024**



## MỤC LỤC

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU BAN ĐẦU VỀ “PHÁT TRIỂN DU LỊCH TẠI CÁC VÙNG CHÈ Ở TIỂU VÙNG ĐÔNG BẮC VIỆT NAM” .....	2
<b>TS. Lê Quang Đăng</b> <i>Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch</i>	
KHAI THÁC GIÁ TRỊ VĂN HOÁ TRÀ VIỆT PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH TẠI CÁC VÙNG CHÈ TIỂU VÙNG ĐÔNG BẮC VIỆT NAM.....	34
<b>Ông Trịnh Quang Dũng</b> <i>Phó trưởng ban Bảo tồn phát triển Hiệp hội Văn hoá Ẩm thực Việt Nam</i>	
PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA CỘNG ĐỒNG PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH TẠI CÁC VÙNG CHÈ Ở TIỂU VÙNG ĐÔNG BẮC .....	53
<b>PGS.TS Bùi Thanh Thủy</b> <i>Trưởng Khoa Du lịch, Đại học Văn hóa Hà Nội</i>	
MÔ HÌNH DU LỊCH GẮN VỚI XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI VÙNG CHÈ LA BẰNG, TỈNH THÁI NGUYÊN .....	69
<b>TS. Bùi Thị Thanh Hương, TS. Vũ Quỳnh Nam</b> <i>Trường ĐH Kinh tế &amp; QTKD – ĐH Thái Nguyên</i>	
PHÁT TRIỂN DU LỊCH TẠI CÁC VÙNG CHÈ CỦA TỈNH THÁI NGUYÊN: NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ KHUYẾN NGHỊ .....	76
<b>Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thái Nguyên</b>	
PHÁT TRIỂN DU LỊCH TẠI CÁC VÙNG CHÈ CỦA TỈNH HÀ GIANG: TIỀM NĂNG, HIỆN TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG .....	81
<b>Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hà Giang</b>	
TIỀM NĂNG VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH TẠI CÁC VÙNG CHÈ CỦA TỈNH TUYÊN QUANG.....	87
<b>Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Tuyên Quang</b>	
PHÁT TRIỂN KINH DOANH LƯU TRÚ DU LỊCH TẠI CÁC VÙNG CHÈ Ở TIỂU VÙNG ĐÔNG BẮC: NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH.....	91
<b>ThS. Nguyễn Thanh Bình</b> <i>Phó Trưởng phòng Quản lý lưu trú du lịch - Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam</i>	

# KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU BAN ĐẦU VỀ “PHÁT TRIỂN DU LỊCH TẠI CÁC VÙNG CHÈ Ở TIỂU VÙNG ĐÔNG BẮC VIỆT NAM”

TS. Lê Quang Đăng

*Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch*

## 1. Giới thiệu chung về tiểu vùng Đông Bắc, Việt Nam

### 1.1. Điều kiện tự nhiên và đặc điểm kinh tế - xã hội

Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 xác định Vùng trung du và miền núi phía Bắc gồm 02 tiểu vùng: Đông Bắc và Tây Bắc. Trong đó, tiểu vùng Đông Bắc bao gồm 7 tỉnh: Thái Nguyên, Bắc Kạn, Cao Bằng, Hà Giang, Tuyên Quang, Bắc Giang, Lạng Sơn.

- *Vị trí địa lý:* Tiểu vùng Đông Bắc có vị trí phía Bắc và Đông Bắc giáp với Trung Quốc, phía Nam và Đông Nam giáp Vùng đồng bằng sông Hồng, phía Tây giáp tiểu vùng Tây Bắc. Tiểu vùng Đông Bắc có vị trí thuận lợi trong liên kết vùng và liên kết quốc tế để phát triển kinh tế - xã hội và du lịch, nằm trên tuyến du lịch xuyên Á, tuyến du lịch vòng cung phía Bắc; là điểm đầu tuyến “du lịch xuyên Việt” Bắc - Nam và tuyến du lịch hướng ra biển Đông; là cửa ngõ phía Đông Bắc của du lịch Thủ đô Hà Nội... kết hợp với tiểu vùng Tây Bắc, vùng Đồng bằng sông Hồng tạo thành tam giác phát triển du lịch quan trọng.

- *Địa hình:* Tiểu vùng Đông Bắc có đặc điểm địa hình phức tạp, đa dạng, bị chia cắt mạnh giữa các dãy núi cao, thung lũng sâu, vực thẳm, hệ thống sông suối và đồng bằng nhỏ hẹp xen kẽ, với 3 kiểu địa hình chính: (1) Núi cao: tập trung nhiều dãy núi hình vòng cung quay lưng về hướng Đông tạo thành các cánh cung như Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều, với các đỉnh núi cao như Tây Côn Lĩnh, Chiêu Lầu Thi (Kiêu Liêu Ti) có độ cao trên 2.400m so với mực nước biển. (2) Cao nguyên và đồi núi thấp: bao gồm cao nguyên Đồng Văn, Quản Bạ (Hà Giang) có độ cao trung bình khoảng 1.000 - 1.200m so với mực nước biển, các vùng đồi núi thấp ở khu vực trung tâm của tiểu vùng Đông Bắc và khu vực phía Nam (Thái Nguyên, Bắc Giang) với độ cao trung bình khoảng 500 - 600m. (3) Đồng bằng: chủ yếu tập trung ở Bắc Giang, Thái Nguyên có độ cao trung bình khoảng 150 - 200m, một số cánh đồng nhỏ, hẹp nằm xen kẽ các dãy núi cao ở Cao Bằng, Lạng Sơn, Tuyên Quang. Địa hình tiểu vùng Đông Bắc thoải dần theo hướng Tây Bắc - Đông Nam.

- *Khí hậu:* Tiểu vùng Đông Bắc tuy nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm nhưng vì địa hình cao, lại có nhiều dãy núi hình cánh cung mở ra ở phía Bắc nên vào mùa Đông có gió Bắc thổi mạnh, rất lạnh, vùng núi ở Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn có thể có lúc nhiệt độ xuống dưới 0°C và có băng giá, đôi khi có tuyết rơi; vào mùa hè khí hậu mát mẻ. Khí hậu của tiểu vùng Đông Bắc phân 4 mùa rõ rệt, nhiệt độ trung bình hằng năm khoảng 20°C, gió thịnh hành là gió mùa Đông Bắc và gió mùa Đông Nam.

- *Diện tích, dân số:* Tiểu vùng Đông Bắc có diện tích khoảng 41.084 km<sup>2</sup>, chiếm 43,2% diện tích Vùng Trung du và miền núi phía Bắc, chiếm 12,4% diện tích cả nước; dân số gần 6,7 triệu người, chiếm 50,7% dân số Vùng Trung du và miền núi phía Bắc, chiếm 6,6% dân số cả nước; mật độ dân số trung bình của Tiểu vùng khoảng 196 người/km<sup>2</sup>. Về diện tích, Lạng Sơn là địa phương có diện tích lớn nhất Tiểu vùng, với 8.310,2 km<sup>2</sup>, tiếp theo là Hà Giang 7.927,5 km<sup>2</sup>, Cao Bằng 6.700,4 và Tuyên Quang, Bắc Kạn, Bắc Giang, Thái Nguyên; về dân số, Bắc Giang có dân số và mật độ dân số lớn nhất tiểu vùng với 1.922.700 người, mật độ 494 người/km<sup>2</sup>, tiếp theo là Thái Nguyên, Hà Giang, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Kạn (Bảng 1).

- *Kinh tế:* Các địa phương thuộc tiểu vùng Đông Bắc chủ yếu là các tỉnh nghèo, có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, kinh tế chủ yếu dựa vào nông nghiệp. Ngoại trừ Bắc Giang, Thái Nguyên là hai địa phương có công nghiệp - dịch vụ phát triển do có sự tập trung của nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, với sự tham gia đầu tư của nhiều tập đoàn lớn trong nước và quốc tế, các địa phương còn lại cơ cấu công nghiệp - dịch vụ còn hạn chế, công nghiệp chủ yếu dựa vào khai khoáng và chế biến nông - lâm - thủy sản. Năm 2023, tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) của các tỉnh thuộc tiểu vùng Đông Bắc đạt 501.142 tỷ đồng, chiếm khoảng 55% GRDP toàn vùng Trung du và miền núi phía Bắc, chiếm khoảng 4,9% GDP cả nước, trong đó, Bắc Giang là tỉnh có GRDP lớn nhất tiểu vùng với 181.900 tỷ đồng, tiếp theo là Thái Nguyên 153.671 tỷ đồng; Cao Bằng và Bắc Kạn có GRDP thấp nhất tiểu vùng và thấp nhất cả nước, lần lượt là 22.747 tỷ đồng và 16.423 tỷ đồng (Bảng 1).

**Bảng 1. Số liệu thống kê diện tích, dân số, GRDP tiểu vùng Đông Bắc**

<b>Địa phương</b>	<b>Diện tích (Km<sup>2</sup>)</b>	<b>Dân số (Nghìn người)</b>	<b>Mật độ dân số (Người/km<sup>2</sup>)</b>	<b>GRDP 2023 (Tỷ đồng)</b>
Hà Giang	7.927,5	899,9	114	32.439
Cao Bằng	6.700,4	547,9	82	22.747
Bắc Kạn	4.860,0	326,5	67	16.423
Tuyên Quang	5.867,9	812,2	138	45.723
Thái Nguyên	3.522,0	1.350,3	383	153.671
Lạng Sơn	8.310,2	807,3	97	48.239
Bắc Giang	3.895,9	1.922,7	494	181.900
<b>TỔNG</b>	<b>41.083,9</b>	<b>6.666,8</b>	<b>196</b>	<b>501.142</b>

*Nguồn: Niên giám thống kê và Báo cáo hành chính của các tỉnh năm 2023*

- *Giao thông:* Hạ tầng giao thông ở tiểu vùng Đông Bắc thời gian qua được quan tâm đầu tư xây mới, nâng cấp, mở rộng. Nhiều tuyến giao thông huyết mạch cả đường bộ, đường sắt, đường thủy - kết nối các tỉnh trong vùng và

liên vùng có ý nghĩa quan trọng trong giao thương, vận tải hàng hóa, phát triển kinh tế - xã hội và du lịch. Trong đó, các tuyến cao tốc: Hà Nội - Thái Nguyên, Thái Nguyên - Chợ Mới, Hà Nội - Bắc Giang - Lạng Sơn; các tuyến quốc lộ: QL.279, QL.3C, QL.3B, QL.4A, QL.4C, QL.4H, QL.34, QL.37; các tuyến đường sắt: Hà Nội - Đồng Đăng, Đông Anh - Quán Triều, Kép - Hạ Long - Cái Lân, Kép - Lưu Xá; các tuyến đường thủy nội địa: dọc theo các tuyến đường sông Lô, sông Cầu, sông Công, sông Thương. Về cơ bản, hạ tầng giao thông ở tiểu vùng Đông Bắc đáp ứng được nhu cầu phát triển du lịch trong hiện tại, có thể kết nối, đưa khách từ các thị trường gửi khách trọng điểm khu vực miền Bắc và Bắc Trung Bộ như: Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Lào Cai,... Tuy nhiên, hạ tầng giao thông đường tỉnh, đường huyện và giao thông kết nối từ trực chính đến các khu, điểm du lịch ở hầu hết các địa phương trong tiểu vùng còn nhiều hạn chế do các địa phương này đều có điều kiện kinh tế khó khăn. Đây cũng là những rào cản nhất định để các địa phương kêu gọi, thu hút đầu tư phát triển khu, điểm du lịch, trong đó có du lịch tại các vùng chèo.

## **1.2. Du lịch ở tiểu vùng Đông Bắc**

### *a) Tài nguyên du lịch*

Tiểu vùng Đông Bắc sở hữu tài nguyên du lịch đa dạng, phong phú, hấp dẫn, cả tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch văn hóa. Các giá trị tài nguyên du lịch này vừa mang đặc trưng chung của Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, vừa có những đặc trưng riêng của mỗi địa phương trong tiểu vùng.

\* Tài nguyên du lịch tự nhiên:

Về cảnh quan tự nhiên: Do đặc điểm địa hình bị chia cắt mạnh và có tính phân bậc, xen kẽ giữa các dãy núi cao, vực sâu, đèo dốc, thung lũng và đồng bằng nhỏ hẹp tạo cho tiểu vùng Đông Bắc giá trị cảnh quan tự nhiên vô cùng độc đáo, hùng vĩ. Tiểu vùng Đông Bắc sở hữu nhiều đỉnh núi cao như: Tây Côn Lĩnh - Hà Giang (cao 2.428m), Chiêu Lầu Thi - Hà Giang (cao 2.402m), Phja Oắc - Cao Bằng (cao 1.931m), Mẫu Sơn - Lạng Sơn (cao 1.600m), Phja Bjoóc - Bắc Kạn (cao 1.575m). Tiểu vùng Đông Bắc có nhiều cung đường đèo đẹp như: đèo Mã Pí Lèng (một trong “tứ đại đỉnh đèo”), dốc Thảm Mã (Hà Giang); đèo Mã Phục - 7 tầng, đèo Mẻ Pia - 14 tầng (Cao Bằng); đèo De, đèo Gà, đèo Khau Lắc (Tuyên Quang); đèo Gió - Ngân Sơn (Bắc Kạn), đèo Khế - Đông Hỷ (Thái Nguyên); đèo Bén - Chi Lăng (Lạng Sơn), đèo Bụt - Sơn Động (Bắc Giang),... đây là những địa chỉ yêu thích của những người ưa du lịch mạo hiểm, du lịch “Phượt”, du lịch “Bụi”, du lịch một mình, du lịch tự túc, di chuyển bằng các phương tiện tự lái, đặc biệt là mô-tô hai bánh. Ngoài ra, tiểu vùng Đông Bắc cũng có những giá trị cảnh quan độc đáo gắn với nông nghiệp - nông thôn, các bản làng dân tộc vùng cao, cảnh quan hệ thống ruộng bậc thang, đặc biệt là hệ thống ruộng bậc thang Hoàng Su Phì (Hà Giang) được công nhận là Di tích Quốc gia (năm 2012).

Đối với hệ tài nguyên rừng: Tiểu vùng Đông Bắc sở hữu một số vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên rất có tiềm năng và giá trị cho khai thác phát triển du lịch như: Vườn quốc gia Ba Bể (Bắc Kạn), Vườn quốc gia Du Già (Hà Giang), Vườn quốc gia Phja Oắc - Phja Đén (Cao Bằng), Vườn quốc gia Tam Đảo (khu vực sườn Đông Tam Đảo thuộc Thái Nguyên), Khu bảo tồn thiên nhiên Na Hang (Tuyên Quang), Khu bảo tồn thiên nhiên Hữu Liên (Lạng Sơn), Khu bảo tồn thiên nhiên Tây Yên Tử (Bắc Giang), Khu bảo tồn thiên nhiên Thần Sa - Phụng Hoàng (Thái Nguyên).

Đối với hệ tài nguyên hồ nước ngọt, sông, suối, thác: Tiểu vùng Đông Bắc sở hữu rất nhiều hồ lớn, nhỏ, trong đó, một số hồ có giá trị tài nguyên rất lớn, là điểm tham quan thu hút đông đảo khách du lịch trong nước và quốc tế như: hồ Ba Bể (Bắc Kạn), hồ Núi Cốc (Thái Nguyên), hồ Na Hang (Tuyên Quang), hồ Cẩm Sơn (Bắc Giang), hồ Pác Làng, hồ Khuổi In (Lạng Sơn), hồ Bản Viết, hồ Thang Hen (Cao Bằng), hồ Noong (Hà Giang). Một số sông lớn ở Tiểu vùng có tiềm năng cho khai thác du lịch đường sông như: sông Nho Quế, sông Qây Sơn, sông Lô, sông Gâm, sông Kỳ Cùng,... Các thác nước đẹp như: thác Bản Giốc, thác Cò Là, thác Nậm Trá (Cao Bằng); thác Thí, thác Mây, thác Du Già (Hà Giang); thác Khuổi Nhi, thác Nậm Me (Tuyên Quang); thác Nà Khoang, thác Nà Đăng, thác Rọm (Bắc Kạn); thác 7 tầng, thác Khuôn Tát, suối Mỏ Gà (Thái Nguyên); thác Giót, Suối Mỡ (Bắc Giang); thác Đăng Mò, thác Bản Khiêng (Lạng Sơn),...

Đối với hệ tài nguyên hang động: Tiểu Vùng Đông Bắc sở hữu hệ thống hang động nhiều nhất cả nước, trong đó có rất nhiều hang động đẹp như: động Ngườm Ngao, động Ngườm Pục, hang Dơi, hang Ghị Rằng (Cao Bằng); động Hua Mạ, động Puông, động Nàng Tiên, động Thạch Long (Bắc Kạn); động Nhị Thanh, động Tam Thanh, hang Gió, hang Khuôn Bồng (Lạng Sơn); hang Phụng Hoàng - suối Mỏ Gà, động Linh Sơn, hang Chùa (Thái Nguyên); động Lùng Khúy, động Én, hang Nậm Tan, hang Thảm Lín (Hà Giang); động tiên Hàm Yên, hang Khuổi Pín, hang Thảm Nậm (Tuyên Quang);...

Tiểu vùng Đông Bắc là nơi quy tụ của 03/04 Công viên địa chất toàn cầu được UNESCO công nhận ở Việt Nam: Cao nguyên đá Đồng Văn, Non nước Cao Bằng, Công viên địa chất Lạng Sơn. Đây là những giá trị tài nguyên du lịch vô cùng quý giá của Tiểu vùng, là điểm tựa để khai thác phát triển du lịch và giới thiệu, quảng bá hình ảnh du lịch trong nước và quốc tế.

\* Tài nguyên du lịch văn hóa:

Tiểu vùng Đông Bắc là mảnh đất có bề dày về lịch sử - văn hóa, lịch sử cách mạng, là quê hương của Chiến khu Việt Bắc - gắn với lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc. Nhiều địa danh và di tích lịch sử nổi tiếng hiện đang được bảo tồn, phát huy, trở thành điểm thu hút khách của vùng như:

Khu di tích Pác Bó, rừng Trần Hưng Đạo, cứ điểm Đông Khê (Cao Bằng); cụm di tích Thủ đô kháng chiến ATK Tân Trào (Tuyên Quang), ATK Định Hóa (Thái Nguyên), ATK Chợ Đồn (Bắc Kạn); Thành nhà Mạc, Ải Chi Lăng (Lạng Sơn); Dinh vua Mèo, cột mốc số 0, Cột Cờ Lũng Cú (Hà Giang);... ngoài ra, còn có các di tích chùa chiền, đình, đền nổi tiếng như: chùa Vĩnh Nghiêm, chùa Bồ Đà, Thiền Viện Trúc Lâm Phương Hoàng (Bắc Giang); chùa Hang, đền Đuôm, chùa Phù Liễn (Thái Nguyên); chùa Tam Thanh, đền Kỳ Cùng (Lạng Sơn);... và các di tích khảo cổ: Khu di tích khảo cổ Thần Sa (Thái Nguyên), linh địa cổ Mẫu Sơn, hang Thảm Hai, hang Thảm Khuyên (Lạng Sơn), hang Thảm Un (Bắc Kạn), Di tích khảo cổ Sủa Cán Tỷ, di chỉ Lũng Tám (Hà Giang);... Đây là những giá trị tài nguyên quý giá để phát triển đa dạng các loại hình du lịch tìm hiểu văn hóa lịch sử, du lịch về nguồn, du lịch gắn với giáo dục, du lịch tâm linh...

Tiểu vùng Đông Bắc là không gian sinh sống của hơn 30 dân tộc anh em, bao gồm: Kinh, Tày, Nùng, Mông, Dao, Thái, Sán Dìu, Sán Chay, La Chí, Hoa, Lô Lô, Pà Thẻn, Bô Y,... Hầu hết các dân tộc ít người đều giữ được bản sắc văn hóa truyền thống, trong đó, nhiều bản dân tộc đã được khai thác, phát triển loại hình du lịch cộng đồng rất đặc sắc, thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế như: Lô Lô Chải, Lũng Cầm (Hà Giang); Khuổi Ky, Hoài Khao (Cao Bằng); Hữu Liên, Quỳnh Sơn (Lạng Sơn); Bản Biền, Nặm Đíp (Tuyên Quang); Pác Ngòi, Mù Là (Bắc Kạn); Thái Hải, Mỏ Gà, Tân Cương (Thái Nguyên); Bản Ven (Bắc Giang).

Giá trị văn hóa cộng đồng của đồng bào các dân tộc vùng cao Đông Bắc được thể hiện ở từng khía cạnh văn hóa sinh hoạt đời thường, từ các nếp nhà sàn, phong tục tập quán truyền thống (cúng cơm mới, cấp sắc, nhảy lửa), văn hóa văn nghệ (hát Then, hát Sli, hát lượn, múa khèn, xòe Thái, múa bát của người Tày), trò chơi dân gian (đánh Pao, nhảy sạp, Lảy cò, tung còn), lễ hội truyền thống (lễ hội Lồng Tồng, lễ hội Gầu Tào, chợ tình Khâu Vai, lễ hội Thành Tuyên) và các lễ hội đình, chùa (hội Xuân Tây Yên Tử, lễ hội chùa Bồ Đà, lễ hội chùa Vĩnh Nghiêm ở Bắc Giang; lễ hội chùa Hang, hội Đền Đuôm ở Thái Nguyên; lễ hội chùa Tam Thanh, lễ hội chùa Bắc Nga ở Lạng Sơn; lễ hội chùa Sùng Phúc, lễ hội Đền Vua Lê ở Cao Bằng; lễ hội chùa Sùng Khánh, lễ Chúa Sơn & lễ Phật Đản Đền Mẫu ở Hà Giang; lễ hội chùa Thạch Long ở Bắc Kạn). Đồng bào các dân tộc ở tiểu vùng Đông Bắc vẫn lưu giữ được các nghề truyền thống như dệt thổ cẩm, đan lát, nghề rèn, chạm bạc, làm hương, làm giấy.

Ẩm thực ở tiểu vùng Đông Bắc cũng vô cùng độc đáo, đặc sắc với những món ăn được chế biến theo phong cách truyền thống của mỗi dân tộc, được khách du lịch yêu thích như: cơm lam, xôi ngũ sắc, thịt trâu gác bếp, thịt lợn hun khói, thịt chua, nem chua, thắng cố, khâu nhục, vịt quay, cá suối, gà đồi, phở chua, bánh cuốn, cháo ấu tẩu, mềng mềng, bánh trứng kiến, rượu cần, rượu men



lá,... và những đặc sản nông nghiệp như miến dong, bí thơm, măng khô, chè xanh, chè shan tuyết, mật ong, quýt, đào, na, hồng, mận,... nhiều sản phẩm đã được cấp OCOF 3-5 sao đáp ứng nhu cầu mua sắm của khách du lịch.

#### *b) Cơ sở lưu trú du lịch*

Hệ thống các cơ sở lưu trú du lịch của tiểu vùng Đông Bắc những năm qua đã phát triển nhanh về số lượng, quy mô và chất lượng dịch vụ, đặc biệt loại hình nhà dân có phòng cho khách du lịch thuê (homestay) đã góp phần tăng thêm thu nhập cho người dân các vùng sâu, vùng xa. Tính đến năm 2023, tiểu vùng Đông Bắc có gần 3.200 cơ sở lưu trú với hàng chục nghìn buồng. Hệ thống khách sạn cũng được nâng cấp, có thêm nhiều khách sạn 4 sao và đặc biệt các mô hình homestay đạt tiêu chuẩn Việt Nam về homestay TCVN 7800:2017, tiêu chuẩn nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê TCVN 13259:2020 và các tiêu chuẩn homestay ASEAN và CBT ASEAN. Hệ thống cơ sở lưu trú đa dạng và đang được đầu tư xây dựng, nâng cao về số lượng và chất lượng là điều kiện cơ bản để phát triển du lịch. Tuy nhiên, hệ thống cơ sở lưu trú chưa đưa phân bố đều, tập trung chủ yếu tại các khu vực đô thị, đồng bằng; tại các vùng núi cao - nơi có tiềm năng du lịch, các vùng nông nghiệp (như vùng chè) cơ sở lưu trú chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu du lịch, điều này gây ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình thu hút khách du lịch đến tham quan, lưu trú.

#### *c) Khách du lịch và tổng thu từ khách du lịch*

Phát huy lợi thế về tài nguyên du lịch cũng như vị trí địa lý thuận lợi, là khu vực chuyển tiếp, kết nối giữa tiểu vùng Tây Bắc với vùng Đồng bằng sông Hồng, tiểu vùng Đông Bắc thu hút đông khách du lịch hằng năm. Năm 2019, tiểu vùng Đông Bắc đón được 13.275.573 lượt khách, chiếm 39% tổng khách du lịch của Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, bằng 15,6% lượng khách cả nước. Sau hơn 2 năm chịu tác động của đại dịch COVID-19, năm 2022, khách du lịch đến tiểu vùng cơ bản phục hồi, đạt mức năm 2019. Năm 2023, lượng khách đến tiểu vùng đã tăng lên 16.744.074 lượt, tăng hơn 126% so với năm 2019, chiếm 39,4% tổng số khách của cả Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, bằng 14% lượng khách cả nước. Xét về khả năng thu hút khách của từng địa phương cấp tỉnh trong tiểu vùng, Lạng Sơn thu hút khách lớn nhất với hơn 3,9 triệu lượt, tiếp theo là Hà Giang hơn 3 triệu lượt, Tuyên Quang hơn 2,6 triệu lượt, Thái Nguyên hơn 2,5 triệu lượt, Bắc Giang hơn 2 triệu lượt, Cao Bằng 1,9 triệu lượt, Bắc Kạn là địa phương thu hút khách thấp nhất vùng, chỉ với hơn 776.000 lượt (2023).

Nhìn chung, lượng khách du lịch đến tiểu vùng Đông Bắc có sự tăng trưởng tích cực, nhưng còn thấp hơn so với tiểu vùng Tây Bắc. Khách du lịch đến các tỉnh Đông Bắc chủ yếu là khách nội địa, khách quốc tế chiếm tỷ trọng rất nhỏ. Trong đó, khách nội địa phần lớn là khách nội vùng, khách nội tỉnh, khách du lịch cuối tuần, khách tham quan. Tỷ lệ khách lưu trú chưa cao, thời gian lưu trú trung bình và chi tiêu bình quân/ngày/khách còn thấp. (Bảng 2).

**Bảng 2. Thống kê khách và tổng thu từ khách du lịch  
của tiểu vùng Đông Bắc năm 2019 và 2023**

*Đơn vị: lượt khách; tổng thu: tỷ đồng*

TT	Địa phương	Khách du lịch		Tổng thu
		Năm 2019	Năm 2023	Năm 2023
1	Bắc Giang	1.999.000	2.000.000	850
2	Bắc Kạn	528.241	776.100	545
3	Cao Bằng	1.549.346	1.900.000	1.334
4	Hà Giang	1.401.336	3.000.000	7.100
5	Lạng Sơn	2.952.000	3.917.974	3.135
6	Thái Nguyên	2.900.000	2.500.000	2.114
7	Tuyên Quang	1.945.650	2.650.000	1.750
	<b>TỔNG</b>	<b>13.275.573</b>	<b>16.744.074</b>	<b>16.828</b>

*Nguồn: Tổng hợp số liệu thống kê từ các Sở VHTT&DL*

Về tổng thu từ khách du lịch: năm 2019 tổng thu từ khách du lịch của tiểu vùng Đông Bắc đạt 6.946 tỷ đồng, chiếm 24,1% tổng thu toàn vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. Năm 2023, tổng thu của tiểu vùng Đông Bắc tăng lên đáng kể, đạt 16.828 tỷ đồng, chiếm 44,7% tổng thu toàn Vùng. Trong tiểu vùng Đông Bắc, Hà Giang là địa phương có tổng thu từ khách du lịch lớn nhất, đạt 7.100 tỷ đồng, tiếp theo là Lạng Sơn 3.135 tỷ đồng, Thái Nguyên 2.114 tỷ đồng,... Bắc Kạn là địa phương có tổng thu từ khách du lịch thấp nhất, chỉ đạt 545 tỷ đồng (năm 2023). (Bảng 2).

Nhìn chung, phát triển du lịch ở tiểu vùng Đông Bắc thời gian qua đã góp phần tích cực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở các địa phương, tạo nhiều việc làm, tăng thu nhập và góp phần nâng cao mức sống của cộng đồng địa phương, góp phần thúc đẩy lan tỏa phát triển các ngành, lĩnh vực khác, đồng thời tăng cường quảng bá hình ảnh mảnh đất, văn hóa, con người nơi đây.

## **2. Tiềm năng và hiện trạng phát triển du lịch tại các vùng chè ở tiểu vùng Đông Bắc**

### **2.1. Vùng chè**

“Vùng” là một thuật ngữ được sử dụng trong nhiều lĩnh vực khác nhau để chỉ: không gian phát triển kinh tế - xã hội (vùng kinh tế - xã hội), không gian phát triển du lịch (vùng du lịch), khu vực sinh sống của cộng đồng dân cư (vùng đồng bào dân tộc thiểu số), khu vực địa lý (vùng cao, vùng biên giới, vùng biển và hải đảo), khu vực sản xuất (vùng dược liệu, vùng nguyên liệu),... “Vùng” ở mỗi lĩnh vực khác nhau được định nghĩa khác nhau, chưa có sự thống nhất về quy chuẩn và định nghĩa.

Trong địa lý, “vùng” là khu vực rộng được phân chia bởi các đặc tính vật lý (địa lý tự nhiên), các đặc tính tác động của con người (địa lý nhân văn), và các tương tác con người với môi trường (địa lý tích hợp). Các vùng địa lý hay

phân vùng địa lý được mô tả chủ yếu theo các định nghĩa tương đối, và đôi khi là các ranh giới tạm thời, trừ trong địa lý nhân văn, nơi các khu vực tài phán như biên giới quốc gia được định nghĩa rõ ràng theo luật.

Trong du lịch, “vùng du lịch” là cấp cao nhất trong hệ thống phân vị của phân vùng du lịch Việt Nam. Trong mỗi vùng du lịch có sự kết hợp chặt chẽ về tài nguyên du lịch, kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất - kỹ thuật du lịch, các mối liên hệ nội vùng và ngoại vùng để tạo ra các sản phẩm du lịch có bản sắc riêng, có tính chuyên môn hóa cao. Về phạm vi lãnh thổ, vùng du lịch có diện tích lớn, bao gồm nhiều tỉnh và thành phố được quản lý theo các cấp hành chính thống nhất trong cả nước. Trong vùng du lịch có các tiểu vùng du lịch, các trung tâm du lịch, các đô thị du lịch, các khu du lịch và các điểm du lịch (Từ điển Bách khoa toàn thư Việt Nam)<sup>1</sup>.

Trong giới hạn phạm vi của Nhiệm vụ này, “**vùng chè**” được hiểu ở góc độ là vùng sản xuất nông nghiệp và được định nghĩa như sau:

*“Vùng chè là khu vực (không gian địa lý, địa bàn) sản xuất chè tập trung, cây chè là cây trồng chủ lực, chiếm phần lớn diện tích đất trồng nông nghiệp và quyết định chủ yếu đến đời sống, sinh kế của người dân địa phương”.*

Ở định nghĩa trên:

- Vùng chè nhất thiết phải là khu vực chuyên canh cây chè, hoặc xen canh nhưng cây chè là cây chủ lực, đất trồng chè chiếm phần lớn diện tích đất trồng nông nghiệp. Canh tác, sản xuất chè thu hút phần lớn lao động địa phương và đời sống, sinh kế của cộng đồng địa phương lệ thuộc chính vào cây chè.

- Vùng chè có thể là vùng chè trồng (chè trung du, chè hữu cơ, chè cao sản) hoặc vùng chè tự nhiên (chè cổ thụ, chè mọc tự nhiên trên núi).

- Vùng chè không nhất định phải có ranh giới địa lý rõ ràng theo phân bậc đơn vị hành chính của Việt Nam. Tùy thuộc vào quy mô diện tích, sản lượng và tính chất của nông nghiệp sản xuất chè tại địa phương, vùng chè có thể nằm trong một thôn hoặc nhiều thôn, nằm trong một xã hoặc nhiều xã, nằm trong một huyện hoặc nhiều huyện. Độ lớn của vùng chè thường căn cứ trên diện tích (ha). Tên của vùng chè có thể trùng hoặc không trùng với tên với đơn vị hành chính.

+ Tên vùng chè trùng với tên đơn vị hành chính: Nếu vùng chè nằm tập trung và là cây trồng chủ lực của một thôn, tên của vùng chè có thể trùng với tên thôn (ví dụ: vùng chè Bản Ven, thuộc thôn Bản Ven, xã Xuân Lương, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang; vùng chè Đoảng Pán thuộc thôn Đoảng Pán, xã Phúc Sen, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng; vùng chè Hòa An thuộc thôn Hòa An, xã Thái Bình, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn). Nếu vùng chè nằm ở nhiều thôn trong một xã và là cây trồng chủ lực của một xã thì tên vùng chè có thể trùng với

---

<sup>1</sup> Theo Từ điển Bách khoa toàn thư Việt Nam, tại <https://bkt.vn/>, truy cập ngày 20/9/2024

tên của xã (ví dụ: vùng chè Tân Cương thuộc xã Tân Cương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; vùng chè La Bằng thuộc xã La Bằng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; vùng chè Ngọc Linh thuộc xã Ngọc Linh, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang).

+ Tên của vùng chè không trùng với tên đơn vị hành chính: Một số vùng chè được đặt theo tên quen gọi của người dân địa phương ở một khu vực (tên một địa danh), một ngọn núi, một con suối. Ví dụ: vùng chè Khe Cốc được đặt theo tên con suối Khe Cốc thuộc xóm Tân Thái, xã Tức Tranh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; vùng chè Khau Mút được đặt tên theo đỉnh núi Khau Mút tại xã Thổ Bình, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang; vùng chè Lũng Sâu được đặt theo tên một thung lũng thuộc xã Phúc Sen, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

- Mỗi vùng chè đều gắn với cộng đồng địa phương sinh sống, sản xuất, khai thác, chế biến các sản phẩm chè, phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày và kinh doanh, buôn bán. Nhiều vùng chè gắn với lịch sử phát triển lâu đời của cộng đồng địa phương, lưu giữ được nhiều giá trị văn hóa gắn với nông nghiệp sản xuất chè và văn hóa trà.

## ***2.2. Tiềm năng và hiện trạng phát triển du lịch tại các vùng chè ở tiểu vùng Đông Bắc***

Việt Nam là quốc gia nông nghiệp, có quỹ đất nông nghiệp lớn. Tính đến 31/12/2022, diện tích đất nông nghiệp tại Việt Nam là 28.002.600 ha, chiếm 84,5% tổng diện tích tự nhiên cả nước (tổng diện tích tự nhiên cả nước là 33.134.500 ha, bao gồm: diện tích đất nông nghiệp 28.002.600 ha; diện tích đất phi nông nghiệp 3.961.300 ha; diện tích đất chưa sử dụng 1.170.600 ha)<sup>2</sup>. Đây tiềm năng “có một không hai”, là giá trị tài nguyên lớn không chỉ cho phát triển nông nghiệp mà còn cho phát triển các loại hình du lịch nông nghiệp - nông thôn, trong đó có du lịch gắn với các vùng chè.

Trồng chè là một trong những thế mạnh của nền nông nghiệp Việt Nam. Cây chè được coi là cây trồng chủ lực của nhiều địa phương trong cả nước, phổ biến là các tỉnh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, khu vực Bắc Trung Bộ và Tây Nguyên. Một số địa phương có các vùng chè nổi tiếng như: Thái Nguyên (Tân Cương), Hà Giang (Hoàng Su Phì), Phú Thọ (Tân Sơn), Sơn La (Mộc Châu), Nghệ An (Thanh Chương), Hà Tĩnh (Hương Sơn), Lâm Đồng (Bảo Lộc), Đắk Nông (Gia Nghĩa),... Tính đến hết năm 2023, tổng diện tích chè cả nước khoảng 123.000 ha, trong đó diện tích kiến thiết cơ bản 8.000 ha, diện tích chè kinh doanh 115.000 ha<sup>3</sup>. Trong đó, tiểu vùng Đông Bắc là khu vực có nhiều vùng chè tập trung và có diện tích chè lớn nhất so với các tiểu vùng khác trong cả nước.

<sup>2</sup> Niên giám thống kê năm 2023, Nxb Thống kê.

<sup>3</sup> Theo Hiệp hội Chè Việt Nam, tại <http://chevietnam.com.vn/>, truy cập ngày 25/9/2024.



Ở tiểu vùng Đông Bắc, Thái Nguyên là địa phương có diện tích chè lớn nhất (và lớn nhất cả nước) với khoảng hơn 22.000 ha, tiếp theo là các tỉnh: Hà Giang (khoảng 21.000 ha), Tuyên Quang (khoảng 8.500 ha), Bắc Kạn (khoảng hơn 2.000 ha), Bắc Giang (khoảng 500 ha), Lạng Sơn (khoảng 450 ha), Cao Bằng (khoảng gần 100 ha)<sup>4</sup>.

### 2.2.1. Tiềm năng, hiện trạng phát triển du lịch tại các vùng chè ở các địa phương

#### • Thái Nguyên

Thái Nguyên là địa phương có sản lượng, diện tích chè dẫn đầu cả nước, được mệnh danh là “Đệ nhất danh trà”. Cây chè được trồng ở hầu hết các địa phương cấp huyện của tỉnh Thái Nguyên, trong đó, nổi bật với 4 địa phương sở hữu các vùng chè lớn và độc đáo: Thành phố Thái Nguyên (vùng chè Tân Cương), huyện Đại Từ (vùng chè La Bằng), huyện Đồng Hỷ (vùng chè Trại Cài), huyện Phú Lương (vùng chè Khe Cốc). Người dân Thái Nguyên gọi 4 vùng chè này là “Tứ đại danh trà” của mảnh đất “Đệ nhất danh trà”.

- Vùng chè Tân Cương: Nằm ở phía Tây - Nam thành phố Thái Nguyên, nơi có con sông Công chảy qua và cách khu Nam hồ Núi Cốc chừng 5-6 km. Vùng chè Tân Cương hiện có hơn 400 ha chè trồng, vùng chè này được ưu ái của điều kiện tự nhiên (thổ nhưỡng, khí hậu, thủy văn) rất phù hợp cho việc phát triển của cây chè. Ngoài các yếu tố về điều kiện tự nhiên thì còn các yếu tố khác tạo nên danh tiếng của vùng chè này như: phương thức canh tác, kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng cây chè của người dân. Chè Tân Cương nổi tiếng là chè trung du lá nhỏ, chè búp khô thành phẩm có màu xanh đen đặc trưng, cánh nhỏ, xoắn chặt hình chiếc móc câu; nước trà màu vàng xanh, xanh cốm, trà có vị chát nhẹ khi uống lúc đầu và hậu ngọt thanh, sâu và ngậy ngậy của trà. Vùng chè Tân Cương cũng là nơi đặt trụ sở của Không gian văn hóa trà Tân Cương - nơi thường xuyên diễn ra các sự kiện, lễ hội về văn hóa trà của toàn tỉnh cũng như các lễ hội trà quốc tế; đồng thời, nơi đây cũng đặt trụ sở của nhiều doanh nghiệp, hợp tác xã chè lớn của tỉnh như: HTX Chè Hảo Đạt, HTX Trà Tiến Yên, Công ty TNHH Tân Cương xanh, Công ty TNHH Lộc Tân Cương,...

- Vùng chè La Bằng: Nằm trên địa bàn huyện Đồng Hỷ - nơi được coi là vùng nguyên liệu chè lớn nhất của tỉnh Thái Nguyên. Vùng chè La Bằng và các vùng chè lân cận sở hữu các cánh đồng chè bát ngát và những đồi chè bậc thang tạo hình rất đẹp, thu hút đông khách du lịch đến tham quan, chụp ảnh. Chè La Bằng có lịch sử phát triển từ cuối thế kỷ 19, hiện nay, tổng diện tích chè toàn xã có gần 400 ha được phân bố ở cả 10 xóm, năng suất chè bình quân đạt trên 130 tạ/ha. Hằng năm, huyện Đại Từ tổ chức Lễ hội Trà cấp huyện, tổ chức các hoạt động thi hái chè nhanh, sao chè, pha trà, trưng bày các sản phẩm chè đặc trưng

---

<sup>4</sup> Tổng hợp số liệu từ các địa phương ở tiểu vùng Đông Bắc năm 2023, số liệu chưa đầy đủ và có sai số

của huyện, đầu giá sản phẩm chè thành phẩm đoạt giải, thưởng thức trà và tổ chức kết hợp các trò chơi, trò diễn dân gian.

- Vùng chè Khe Cốc: Nằm trên địa bàn xã Tứ Tranh, huyện Phú Lương, được thiên nhiên ưu ái ban tặng cho khí hậu thuận lợi và bao bọc bởi đồi núi, những khe suối nguồn tạo điều kiện cho cây chè phát triển, nâng cao chất lượng sản phẩm trà. Chè Khe Cốc từ lâu đã rất nổi tiếng bởi độ nồng, đượm nhờ dòng nước trong mát từ các khe suối nguồn (tên vùng chè được đặt theo tên của một con suối Khe Cốc). Hợp tác xã chè an toàn Khe Cốc là đơn vị sản xuất chè lớn nhất của vùng chè này, được thành lập từ năm 2018, gồm 15 thành viên chính và 108 thành viên liên kết. Hiện nay, Hợp tác xã đã chuyển đổi 40 ha trồng chè theo tiêu chuẩn VietGAP sang trồng chè hữu cơ đạt tiêu chuẩn Nông nghiệp hữu cơ Quốc gia TCVN 11041 - 2:2017.

- Vùng chè Trại Cài: Nằm trên địa bàn huyện Đông Hỷ, có diện tích chè trồng khoảng 600 ha. Chè Trại Cài là một trong những vùng chè của Thái Nguyên có loại chè ngon với hương vị đặc biệt riêng với hương cốt dịu dịu, nước sánh vàng mật ong, có độ chát vừa phải, ngọt về sau. Chè của vùng Trại Cài có hương vị khá giống với trà Tân Cương, rất khó để phân biệt. Các đồi chè ở đây đều được chăm sóc cẩn thận, phát triển đồng đều. Khu vực chế biến chè tại các gia đình được xây dựng tách riêng, vệ sinh sạch sẽ, bảo đảm an toàn trong sản xuất. Các sản phẩm chè tại đây cùng được sản xuất theo quy chuẩn VietGap.

Tài nguyên du lịch nông nghiệp gắn với sản xuất chè tại các vùng chè Thái Nguyên chủ yếu là chè trồng, bao gồm chè trung du lá nhỏ, chè hữu cơ và chè cao sản. Các sản phẩm chè nổi tiếng của Thái Nguyên chủ yếu là chè xanh, chè mạn với các phẩm cấp: chè móc câu, chè tôm nõn, chè đỉnh. Sản phẩm chè của nhiều doanh nghiệp, hợp tác xã chè Thái Nguyên đã đạt chuẩn OCOP 3-4 sao, trong đó, thương hiệu chè Hảo Đạt có sản phẩm đạt chuẩn OCOP 5 sao. Các sản phẩm chè của Thái Nguyên được tiêu thụ trong cả nước và một số sản phẩm xuất khẩu ra các thị trường quốc tế. Chè Thái Nguyên được người dân yêu thích - đặc biệt là các thị trường khu vực phía Bắc và miền Trung.

Các vùng chè của Thái Nguyên được trồng trên 3 dạng địa hình chính: các cánh đồng chè trải rộng, các đồi chè hình bát úp, các đồi chè ruộng bậc thang, vì thế, các vùng chè có cảnh quan tự nhiên khá đa dạng, độc đáo. Khí hậu tại các vùng chè Thái Nguyên quanh năm mát mẻ, trong lành. Các vùng chè Thái Nguyên là không gian sinh sống của nhiều cộng đồng dân tộc anh em, trong đó, nhiều dân tộc ít người vẫn lưu giữ được bản sắc văn hóa truyền thống như dân tộc Tày, Nùng, Sán Dìu, Sán Chay, Dao... Hầu hết các vùng chè Thái Nguyên đều có các giá trị tài nguyên tự nhiên và văn hóa nằm trong hoặc nằm lân cận như: hồ Núi Cốc, suối Kẹm, suối Cừ Tử, núi Văn - núi Võ, Khu bảo tồn Làng

nhà sàn Dân tộc sinh thái Thái Hải, Đền Trình, Đền Đuôm, chùa Hang, chùa Phù Liễn,... Đây là những giá trị tài nguyên có thể được khai thác kết hợp khi phát triển sản phẩm du lịch tại các vùng chè.



**Hình 1. Khảo sát các vùng chè tỉnh Thái Nguyên**

*(Nguồn ảnh: Đoàn khảo sát Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch, 2024)*

Với giá trị tài nguyên vùng chè được đánh giá đa dạng, độc đáo bậc nhất ở tiểu vùng Đông Bắc, Thái Nguyên hoàn toàn có thể khai thác, phát triển đa dạng các sản phẩm, dịch vụ du lịch.

Tình hình phát triển du lịch tại các vùng chè ở Thái Nguyên thời gian cũng đạt được nhiều kết quả tích cực. Tại một số vùng chè Tân Cương, La Bằng, Khe Cốc đã hình thành các điểm du lịch cộng đồng, người dân địa phương đã tham gia làm du lịch, xây dựng các mô hình du lịch tham quan, trải nghiệm vùng chè gắn với lưu trú homestay và các hoạt động văn hóa cộng đồng (biểu diễn văn hóa văn nghệ, ẩm thực, văn hóa trà...). Tính đến nay, UBND tỉnh Thái Nguyên đã công nhận 6 điểm du lịch cộng đồng, trong đó có hai điểm du lịch cộng đồng sinh thái gắn với văn hóa chè: Khu bảo tồn Làng nhà sàn dân tộc sinh thái Thái Hải (xã Thịnh Đức, TP. Thái Nguyên); Làng văn hóa dân tộc bản Quyền (xã Điềm Mặc, huyện Định Hóa); xóm Mỏ Gà, xã Phú Thượng (Võ Nhai); hồ Ghềnh Chè (TP. Sông Công); xã Tân Cương (TP. Thái Nguyên) và xóm Tân Sơn, xã La Bằng (Đại Từ).

Hoạt động du lịch chủ yếu tại các vùng chè của Thái Nguyên gồm: tham quan văn cảnh các đồi chè, cánh đồng chè; checkin chụp ảnh; tham quan các cơ sở sản xuất, chế biến chè; trải nghiệm hái chè, sao chè; pha trà, thưởng trà và nghe những câu chuyện kể về văn hóa trà, lịch sử phát triển của cây chè Thái Nguyên; du lịch kết hợp mua sắm các sản phẩm chè và đặc sản địa phương. Một số lễ hội, sự kiện văn hóa, du lịch của các địa phương cũng được các địa phương cấp huyện tổ chức hàng năm có liên quan đến chè và sự kiện festival trà quốc tế

được tổ chức không thường xuyên (từ năm 2011 - 2021, Thái Nguyên mới tổ chức 03 sự kiện Festival Trà).

Du lịch tại các vùng chè Thái Nguyên cũng đã bước đầu thu hút được sự quan tâm, tham gia của một số doanh nghiệp chè lớn trên địa bàn như HTX chè Hảo Đạt (Tân Cương), HTX chè La Bằng - Thanh Hải Trà, HTX chè Hoàng Nông (Đại Từ) đón tiếp các đoàn khách đến tham quan, thưởng thức trà miễn phí, nghe giới thiệu về các sản phẩm chè, hướng dẫn viên đưa khách đi tham quan một số đồng, đồi chè, tham quan xưởng chế biến, sản xuất, đóng gói chè; HTX chè Khe Cốc (Phú Lương) ngoài các hoạt động trên còn có nhà sàn cộng đồng phục vụ khách lưu trú (khoảng 20-30 khách), giao lưu văn hóa văn nghệ với đồng bào Sán Chay: múa Tắc Xình, hát Sắng Cọ, hát giao duyên, nhảy sạp và thưởng thức ẩm thực đặc sản của địa phương vùng cao.

Tuy nhiên, hoạt động du lịch gắn với các vùng chè tại Thái Nguyên chủ yếu phục vụ khách đại trà, khách nội tỉnh, cận tỉnh, khách tham quan trong ngày là chủ yếu. Sản phẩm, dịch vụ du lịch tại các vùng chè cơ bản còn nghèo, thiếu dịch vụ lưu trú và các dịch vụ vui chơi, giải trí. Thêm vào đó, hầu hết các vùng chè của tỉnh Thái Nguyên đều nằm cách trung tâm thành phố Thái Nguyên không xa (10 - 30 km), giao thông thuận tiện nên khách chủ yếu đến tham quan các vùng chè rồi về thành phố Thái Nguyên lưu trú. Tại các vùng chè của Thái Nguyên chưa có cơ sở lưu trú nghỉ dưỡng sinh thái, chưa có sản phẩm dịch vụ du lịch chất lượng cao có khả năng thu hút các phân khúc thị trường khách có khả năng chi tiêu cao và lưu trú dài ngày.

#### • Hà Giang

Hà Giang là địa phương sở hữu các vùng chè lớn thứ hai trong tiểu vùng Đông Bắc. Khác với Thái Nguyên, Hà Giang ngoài sở hữu các vùng chè trồng (như vùng chè Ngọc Linh - Vị Xuyên khoảng 200 ha) còn sở hữu các vùng chè cổ (chè shan tuyết) trên núi cao thuộc dãy núi Tây Côn Lĩnh chủ yếu ở các huyện Hoàng Su Phì, Vị Xuyên, Xí Mần. Theo số liệu của địa phương, hiện Hà Giang có khoảng hơn 7.000 ha chè cổ, trong đó, có 1.629 cây được công nhận là Cây di sản Việt Nam. Các sản phẩm chè shan tuyết Hà Giang rất nổi tiếng và là thế mạnh trong ngành sản xuất chè của tỉnh, bao gồm các sản phẩm chè: ô long, hồng trà, bạch trà, phổ nhĩ,... Rất nhiều sản phẩm chè của các doanh nghiệp, hợp tác xã chè ở Hà Giang đã được công nhận đạt chuẩn OCOP 3-4 sao, một số sản phẩm của HTX chè Phìn Hồ được công nhận đạt chuẩn OCOP 5 sao.

Các vùng chè nổi tiếng của Hà Giang như: Phìn Hồ, Thông Nguyên, Hồ Thâu, Túng Sán, Nậm Ty (Hoàng Su Phì); Cao Bò, Ngọc Linh (Vị Xuyên); Lũng Phìn (Đông Văn). Các vùng chè cổ thụ trên địa hình núi cao, có cảnh quan thiên nhiên núi, rừng hùng vĩ, với các cung đường di chuyển khó khăn, chủ yếu di chuyển bằng phương tiện xe máy, đi bộ, phù hợp với các loại hình du lịch trải nghiệm kết hợp leo núi, dã ngoại, du lịch “phượt”.





**Hình 2. Khảo sát các vùng chè tại tỉnh Hà Giang**

(Nguồn ảnh: Đoàn khảo sát Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch, 2024)

Ở hầu hết các vùng chè này đều có HTX sản xuất, chế biến chè và có sự tham gia của phần lớn cộng đồng địa phương. Nhiều bản làng của dân tộc Nùng, Dao, Tày, Mông, La Chí ở lưng chừng núi, có khí hậu trong lành, mát mẻ quanh năm, có cảnh quan tự nhiên thơ mộng, còn lưu giữ được bản sắc văn hóa truyền thống, có thể phát triển du lịch cộng đồng, homestay, nghỉ dưỡng núi.

Ngoài ra, trong phạm vi các vùng chè và phụ cận ở huyện Hoàng Su Phì, Vị Xuyên còn có nhiều giá trị tài nguyên tự nhiên và văn hóa độc đáo, đặc biệt là hệ thống ruộng bậc thang Hoàng Su Phì đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là di tích quốc gia và hệ thống các di tích lịch sử cách mạng ở huyện Vị Xuyên, ngoài ra, vùng chè Lũng Phìn - Đồng Văn nằm trong vùng lõi của CVĐCTC UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn nên rất có lợi thế về các giá trị tài nguyên của công viên địa chất toàn cầu. Đây là những giá trị tài nguyên có thể khai thác, phát triển kết hợp với giá trị tài nguyên du lịch gắn với vùng chè.

Cũng tương tự như các vùng chè khác ở các địa phương trong vùng, du lịch tại các vùng chè ở Hà Giang hầu hết chưa được khai thác, phát triển bài bản. Hoạt động du lịch chủ yếu là tham quan, thưởng cảnh thiên nhiên, cảnh quan đồi chè; trải nghiệm hái chè, sao chè và thưởng trà; trải nghiệm leo núi, dã ngoại, “phượt” trên các cung đường hiểm trở lên những vùng chè shan tuyết cổ ở khu vực núi cao ở dãy Tây Côn Lĩnh và đỉnh Chiêu Lầu Thi; ở homestay một số bản du lịch cộng đồng, thưởng thức ẩm thực đặc sản của đồng bào các dân tộc vùng cao. Một số doanh nghiệp, hợp tác xã du lịch chè của Hà Giang cũng đã bước đầu tham gia làm du lịch như: HTX chè Phìn Hồ, HTX chè Hồ Thầu, Công ty TNHH chè Việt Shan,... nhưng cũng chủ yếu là giới thiệu sản phẩm, tham quan xưởng chế biến, tham quan đồi chè, pha trà, thưởng trà. Một số doanh nghiệp này đang dự kiến đầu tư phát triển thêm các dịch vụ để phục vụ khách như: lưu trú tại homestay, dịch vụ ăn uống, không gian văn hóa - thưởng trà, không gian trưng bày sản phẩm, quầy giới thiệu sản phẩm và bán các sản phẩm trà. Một số vùng chè trồng ở vùng thấp rất có tiềm năng du lịch (như vùng chè Ngọc Linh - huyện Vị Xuyên) nhưng còn nguyên sơ, chưa được đầu tư, khai thác du lịch.

- **Tuyên Quang**

Dựa trên những điều kiện thiên nhiên ưu đãi, những năm gần đây loại hình du lịch nông nghiệp đang phát triển mạnh ở Tuyên Quang. Mỗi liên kết giữa du lịch và nông nghiệp đã đem lại hiệu quả kinh tế cho người dân, đặc biệt là đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa. Các vùng chè của Tuyên Quang tập trung chủ yếu ở huyện Sơn Dương (vùng chè Tân Trào), huyện Na Hang (vùng chè Hồng Thái) và huyện Lâm Bình (vùng chè Khau Mút). Các vùng chè của Tuyên Quang đã có nhiều đổi thay cả về số lượng và chất lượng, đến nay toàn tỉnh hiện có khoảng hơn 8.500 ha chè. Giá trị sản xuất nguyên liệu đối với cây chè đạt khoảng 500 tỷ đồng, chiếm 7-8% giá trị sản xuất lĩnh vực trồng trọt của tỉnh. Hiện đã có trên 850 ha diện tích chè toàn tỉnh (chiếm 10% tổng diện tích chè) được cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế (RA, VietGAP).

Mỗi vùng chè Tuyên Quang gắn với những đặc trưng riêng về giá trị tài nguyên tự nhiên và văn hóa, có thể khai thác, phát triển thành các sản phẩm du lịch khác biệt trên mỗi vùng chè của tỉnh.

- Vùng chè Tân Trào - Sơn Dương: Có diện tích gần 200 ha chè trồng, tập trung chủ yếu ở thôn Vĩnh Tân với hầu hết các hộ gia đình ở đây đều tham gia sản xuất, kinh doanh chè (105/110 hộ), thu nhập bình quân mỗi hộ gia đình khoảng hơn 100 triệu đồng/năm. Vùng chè Tân Trào trồng một số loại cho năng suất cao như O25, Bát Tiên, Ngọc Thúy,... HTX chè Vĩnh Tân được thành lập năm 2015 - là đơn vị sản xuất, kinh doanh và thu mua nguyên liệu, bao tiêu thành phẩm, bán thành phẩm chè của các hộ dân trong vùng; hiện HTX đã có nhiều sản phẩm được công nhận đạt chuẩn OCOP 3-4 sao.

Vùng chè Tân Trào ngoài sở hữu giá trị tài nguyên nông nghiệp gắn với sản xuất chè, còn sở hữu những giá trị tài nguyên tự nhiên độc đáo, mang đặc trưng riêng của vùng núi Đông Bắc. Ngoài ra, vùng chè còn nằm trong khu vực của Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào. Đây là những giá trị tài nguyên quý báu để phát triển du lịch tại vùng chè này gắn với các loại hình du lịch văn hóa tìm hiểu lịch sử - cách mạng, du lịch về nguồn, du lịch giáo dục.

- Vùng chè Hồng Thái - Na Hang: Đây là vùng chè nổi tiếng với dòng chè shan tuyết cổ thụ của tỉnh Tuyên Quang, với tổng diện tích vùng nguyên liệu chè shan tuyết trên địa bàn xã Hồng Thái là 64 ha trong đó có 29 ha chè cổ thụ hàng trăm năm tuổi, có 35 ha chè trồng trên 20 năm tuổi. Điều đặc biệt sản phẩm chè shan tuyết Hồng Thái là chè “ba không”: không có sâu bệnh, cây sinh trưởng tốt; không sử dụng thuốc bảo vệ thực vật; không pha chế, ướp hương liệu và không bón phân vô cơ.

Nằm ở độ cao trên 1.000 mét so với mực nước biển, xã Hồng Thái, huyện Na Hang sở hữu khí hậu tự nhiên mát mẻ quanh năm, nằm bao quanh là rừng tự

nhiên và những dãy núi cao hùng vĩ. Sinh sống trên địa bàn xã là cộng đồng các dân tộc anh em, trong đó, người Dao Tiền chiếm hơn 70%, các bản làng dân tộc vẫn lưu giữ được những giá trị văn hóa truyền thống. Những giá trị tài nguyên này rất thích hợp để phát triển du lịch tại các vùng chè gắn với sinh thái cộng đồng và du lịch nông nghiệp - nông thôn.

- Vùng chè Khu Mút - Lâm Bình: Khác với các vùng chè khác ở Tuyên Quang, vùng chè Khu Mút hầu hết là chè Shan Tuyết cổ thụ nằm lưng chừng trên các dãy núi, đỉnh núi cao. Vùng chè Khu Mút được người dân địa phương đặt tên theo một ngọn núi (núi Khu Mút) thuộc địa phận xã Thổ Bình, huyện Lâm Bình. Tổng diện tích chè của vùng khoảng hơn 200 ha, trong đó có hơn 20 ha là chè cổ thụ hàng trăm năm tuổi, còn lại là chè trồng khoảng 20 - 30 năm.



**Hình 2. Khảo sát vùng chè Khu Mút - Lâm Bình, Tuyên Quang**  
(Nguồn ảnh: Đoàn khảo sát Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch, 2024)

Vùng chè Khu Mút tiếp cận khá khó khăn, nằm cách trung tâm xã Thổ Bình chừng 3km, phải di chuyển bằng xe máy từ đường trục chính lên khu vực chân núi và phải đi bộ phần đường còn lại khoảng 30-45 phút. Nhiều khu vực của vùng chè nằm ở vị trí cao, đường khó di chuyển, chỉ có người dân địa phương thông thạo đường rừng núi mới có thể du chuyển. Trên vùng chè, có nhiều lều, trại của người dân và một số hộ dân sinh sống khai thác, chế biến chè tại chỗ bằng phương pháp thủ công (sao chè bằng tay, chảo gang, củi lửa). Giá trị tài nguyên của vùng chè Khu Mút chủ yếu là rừng chè cổ thụ gắn với cảnh quan tự nhiên núi, rừng hùng vĩ, rất thích hợp cho phát triển các loại hình du lịch trải nghiệm vùng chè gắn với trekking, hiking, leo núi, dã ngoại, khám phá cảnh quan thiên nhiên, tìm hiểu văn hóa trà và thưởng thức trà bằng phương pháp sao chế thủ công truyền thống. Tuy nhiên, hiện tại chưa khai thác hoạt động du lịch



tại vùng chè này, chỉ có một số nhóm khách du lịch tự túc, du lịch “phượt”, chưa có cơ sở dịch vụ và chưa có doanh nghiệp/cộng đồng tham gia làm du lịch.

- **Bắc Kạn**

Các vùng sản xuất chè chuyên canh, tập trung của tỉnh Bắc Kạn chủ yếu ở các huyện Chợ Đồn, Chợ Mới, Ba Bể, Bạch Thông, tổng diện tích chè toàn tỉnh khoảng hơn 2.000 ha. Trong đó, một số vùng chè như Yên Đĩnh, Quảng Chu (huyện Chợ Mới) và Bằng Phúc (huyện Chợ Đồn) rất có tiềm năng cho khai thác phát triển du lịch.

- Vùng chè Bằng Phúc - Chợ Đồn: Xã Bằng Phúc có độ cao hơn 1.200m so với mực nước biển, có khí hậu trong lành, mát mẻ quanh năm. Hiện Bằng Phúc có khoảng hơn 360 ha diện tích chè trồng và hơn 600 gốc chè cổ thụ từ 50 năm đến hơn 100 năm tuổi, phân bố ở 9 thôn trong xã. Chè Bằng Phúc nổi tiếng với dòng chè shan tuyết cổ, trên địa bàn huyện Chợ Đồn có một số doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất chế biến chè. Trong đó, Hợp tác xã Hồng Hà hằng năm thu mua búp tươi của bà con được khoảng 15 tấn, sản lượng sản xuất ra được 2 tấn chè khô (trà xanh và hồng trà). Năm 2021, Công ty TNHH Phát triển nông nghiệp và chế biến dược liệu Ngọc Thắng thực hiện dự án liên kết, sản xuất gắn với tiêu thụ chè Shan tuyết với diện tích 15 ha và thu mua búp tươi của 17 hộ dân tham gia liên kết với sản lượng 8 tấn/năm, sản xuất ra 1,5 tấn chè khô. Sản phẩm của các doanh nghiệp, hợp tác xã này được người tiêu dùng trong và ngoài tỉnh ưa chuộng, nhiều sản phẩm đạt chuẩn OCOP 3-4 sao, một số sản phẩm được xuất sang các thị trường châu Âu và Mỹ.

Ngoài tài nguyên du lịch nông nghiệp gắn với sản xuất chè, xã Bằng Phúc cũng là nơi có các làng nghề nấu rượu và làm thuốc lá, với 320 hộ tham gia nấu rượu men lá truyền thống. Xã Bằng Phúc là nơi chung sống của đồng bào các dân tộc anh em, trong đó chủ yếu là dân tộc Tày (chiếm 80%) vẫn lưu giữ được nhiều giá trị văn hóa truyền thống. Đây là những giá trị tài nguyên quý giá để phát triển du lịch tại các vùng chè gắn với văn hóa cộng đồng, các làng nghề truyền thống và trải nghiệm cuộc sống vùng cao.

- Vùng chè Quảng Chu - Chợ Mới: Huyện Chợ Mới có điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển các cây trồng chất lượng cao. Để giúp người dân vươn lên phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, huyện Chợ Mới đã xây dựng và ban hành Nghị quyết số 04-NQ/HU ngày 15/12/2020 về phát triển sản xuất theo chuỗi một số nông, lâm sản chủ lực của huyện để nâng cao đời sống khu vực nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, trong đó xác định cây chè là một trong những cây trồng chủ lực. Diện tích chè hiện có của toàn huyện là 397 ha, trong đó, diện tích chè Shan tuyết là 194 ha, chè trung du là 203 ha. Các vùng chè chuyên canh của huyện tập trung tại các xã Quảng Chu, Yên Đĩnh, Như Cố, Thanh Thịnh.



Vùng chè Quảng Chu được hình thành khoảng những năm 1990, từ năm 2000 cây chè được chính quyền các cấp quan tâm, phát triển thành cây trồng chủ lực của xã. Nhiều hộ dân trong xã được hỗ trợ thực hiện dự án chuyển đổi diện tích trồng chè, chuyển đổi giống cây chè cho phù hợp với đặc điểm thổ nhưỡng, điều kiện khí hậu và cho năng suất, chất lượng cao hơn. Diện tích chè toàn xã khoảng hơn 140 ha, các đồi chè hình bát úp san sát, nối tiếp nhau tạo cảnh quan xanh mướt, hấp dẫn khách du lịch đến tham quan, chụp ảnh và trải nghiệm. Vùng chè Quảng Chu có vị trí thuận lợi, điều kiện giao thông thuận tiện, cách thị trấn Chợ Mới khoảng 6km, cách thành phố Thái Nguyên 38km, có cao tốc Thái Nguyên - Chợ Mới chạy qua. Đây là những lợi thế rất lớn để phát triển du lịch tại vùng chè Quảng Chu nói riêng và huyện Chợ Mới nói chung.

Tuy nhiên, hiện tại hoạt động du lịch tại các vùng chè ở Bắc Kạn chưa được đầu tư khai thác bài bản, chủ yếu vẫn là du lịch tự túc, một số đoàn khách, nhóm khách đến tham quan, chụp ảnh, trải nghiệm, mua các sản phẩm chè và đặc sản địa phương, chưa có dịch vụ lưu trú, vui chơi giải trí, dịch vụ ăn uống còn hạn chế.

- **Lạng Sơn**

Lạng Sơn được biết đến với các vùng chè Shan tuyết Mẫu Sơn huyện Cao Lộc và các vùng chè trồng tại huyện Đình Lập. Tuy nhiên, theo thời gian vùng chè Shan tuyết Mẫu Sơn bị giảm cả về quy mô diện tích, sản lượng và thương hiệu. Đến nay, nói đến chè Lạng Sơn chủ yếu khách du lịch và khách trà đều chỉ nhắc đến chè Đình Lập.

Đình Lập là huyện vùng cao biên giới nằm ở phía Đông Nam tỉnh Lạng Sơn, có diện tích 1.187 km<sup>2</sup>, là không gian sinh sống của đồng bào các dân tộc Tày, Nùng, Kinh, Dao, Sán Chỉ,... Cây chè được xác định là cây trồng chủ lực của Huyện Đình Lập, với diện tích hiện tại khoảng hơn 200 ha (dự kiến đến năm 2025 mở rộng hơn 500 ha), tập chung chủ yếu tại xã Thái Bình, xã Lâm Ca và xã thị trấn Nông trường Thái Bình. Cây chè được trồng tại đây thường là các giống chè Ô Long, Bát Tiên, Ngọc Thúy... và được sản xuất theo quy trình VietGAP, có sự giám sát nghiêm ngặt về quy trình chăm sóc cũng như chất lượng sản phẩm. Một số vùng chè tiêu biểu trên địa bàn huyện như: vùng chè thôn Hòa An (xã Thái Bình), Đồi Tre Hóa, Khu 1, Khu 401 (thị trấn Nông trường Thái Bình). Trên địa bàn huyện có Công ty cổ phần chè Thái Bình Lạng Sơn (tiền thân là Nông trường chè quốc doanh Thái Bình) và một số doanh nghiệp tư nhân tham gia sản xuất, kinh doanh chè và thu mua, bao tiêu sản phẩm/nguyên liệu chè cho người dân địa phương.

Các vùng chè của huyện Đình Lập rất có tiềm năng khai thác phát triển du lịch bởi các vùng chè này có cảnh quan tự nhiên rất đẹp, nguyên sơ, xanh mát, khí hậu trong lành quanh năm; giá trị tài nguyên nông nghiệp huyện Đình Lập

“3 nhất” của tỉnh Lạng Sơn: vùng chè lớn nhất, vùng dược liệu lớn nhất, diện tích rừng lớn nhất; các vùng chè huyện Đình Lập nằm xen kẽ với nhiều hệ tài nguyên khác của huyện như: hệ sinh thái rừng, hệ sinh thái hồ (3 hồ lớn Pắc Làng, Khuổi In, Bản Lải), nơi đầu nguồn của sông Kỳ Cùng, cảnh quan tự nhiên gắn với các đồi/thảo nguyên cỏ lau dọc đườn biên giới,...



**Hình 3. Khảo sát các vùng chè huyện Đình Lập - Lạng Sơn**

(Nguồn ảnh: Đoàn khảo sát Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch, 2024)

Hiện Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Lạng Sơn, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Lạng Sơn, UBND huyện Đình lập cũng đã có chủ trương để xây dựng, phát triển du lịch tại các vùng chè huyện Đình Lập, đặc biệt là vùng chè thôn Hòa An theo mô hình có sự tham gia của cộng đồng làm homestay, phục vụ các dịch vụ ăn uống, biểu diễn văn nghệ của cộng đồng địa phương, kết hợp với các điểm du lịch sinh thái khác trên địa bàn huyện. Tuy nhiên, hoạt động du lịch trên thực tế còn rất yếu, hầu như chưa có dịch vụ.

#### • **Bắc Giang**

Bắc Giang là địa phương có nhiều tiềm năng phát triển các loại hình du lịch nông nghiệp - nông thôn, đặc biệt nổi tiếng với các vùng cây ăn quả như vải thiều Lục Ngạn và một số vùng dược liệu. Bắc Giang cũng sở hữu một số vùng chè thuộc các huyện Yên Thế, Sơn Động, Lạng Giang... trong đó, các vùng chè huyện Yên Thế chiếm quy mô diện tích và sản lượng chè chủ yếu của toàn tỉnh.

Vùng chè Bản Ven thuộc xã Xuân Lương, huyện Yên Thế là một địa điểm yêu thích của người dân địa phương và khách du lịch tại các địa phương lân cận đến tham quan, trải nghiệm và du lịch cuối tuần. Diện tích vùng chè Bản Ven khoảng hơn 260 ha, với sự tham gia của cộng đồng chủ yếu là dân tộc Cao Lan.

Chè bản Ven được sản xuất, chế biến theo quy chuẩn, được chứng nhận chè hữu cơ, VietGap, ứng dụng công nghệ cao bằng máy móc hiện đại kết hợp với kinh nghiệm sao chè lâu năm của người Cao Lan.

Hiện tại, huyện Yên Thế đã triển khai Mô hình liên kết sản xuất, chế biến chè xanh Bản Ven gắn với dịch vụ du lịch cộng đồng, giáo dục trải nghiệm của HTX Thân Trường, nhằm khôi phục, bảo tồn những nét đẹp nghề truyền thống, văn hóa dân tộc, ẩm thực dân tộc của người dân tộc thiểu số và đưa cây chè - sản phẩm văn hóa hướng tới là sản phẩm của du lịch Bản Ven. HTX đã đầu tư hơn 40 tỷ đồng xây dựng 7 nhà sàn cộng đồng, một số bungalow, một số khu lều trại, khu chức năng, vườn và xưởng sản xuất chè cùng nhiều hạ tầng thiết yếu khác. Hiện Khu du lịch sinh thái cộng đồng Bản Ven đang cung cấp các dịch vụ phục vụ khách du lịch như: Tham quan các đồi chè, cho thuê trang phục chụp ảnh; trải nghiệm hái chè thực hành đóng gói chè, tham quan khu sản xuất, chế biến chè; pha trà và thưởng thức trà; dịch vụ ăn uống; dịch vụ lưu trú nhà sàn cộng đồng, lưu trú bungalow và lưu trú lều trại (camping); tham quan cảnh quan rừng trúc; các trò chơi cho khách học sinh;... Trung bình mỗi tháng Khu du lịch sinh thái cộng đồng Bản Ven đón khoảng 3.000 - 3.500 khách, đối với những tháng cao điểm (mùa hè, dịp lễ tết) có thể đón 10.000 - 50.000 lượt khách/tháng. Khách du lịch đến Bản Ven chủ yếu là khách học sinh trong huyện Yên Thế và các huyện lân cận, một số đoàn khách từ thành phố Bắc Giang, Thái Nguyên, Hà Nội, khách đi theo nhóm bạn, khách đi theo gia đình vào ngày cuối tuần.

#### • Cao Bằng

Ngoài giá trị tài nguyên công viên địa chất toàn cầu Non nước Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng cũng sở hữu nhiều giá trị tài nguyên nông nghiệp - nông thôn. Đối với nông nghiệp sản xuất chè tuy không phải là thế mạnh của tỉnh, diện tích các vùng chè toàn tỉnh chưa đến 100 ha, nhưng Cao Bằng sở hữu một số vùng chè vô cùng độc đáo, đặc sắc. Trong đó, nổi bật là vùng chè Phja Đén với sự tham gia sản xuất, phát triển vùng chè của Công ty TNHH Kolia Cao Bằng ở huyện Nguyên Bình và các vùng chè Đoảng Pán, Lũng Sâu ở huyện Quảng Hòa.

- Vùng chè Phja Đén: Nằm ở độ cao hơn 1.300 m so với mực nước biển, Phja Đén có khí hậu mát mẻ và trong lành, khung cảnh núi non hùng vĩ, điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng nơi đây rất thích hợp để phát triển cây chè, cho ra những sản phẩm trà thơm ngon nổi tiếng và chất trà đặc biệt. Mọi lợi thế, tiềm năng của vùng đất này đã được Công ty TNHH Kolia Cao Bằng khơi dậy, xây dựng thương hiệu riêng cho trà Phja Đén. Năm 2011, công ty TNHH Kolia Cao Bằng đầu tư xây dựng và phát triển Đồn điền Chè Kolia. Hiện Đồn điền Chè Kolia được UNESCO chọn là đối tác để phát triển sinh kế cho người dân trong vùng Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng (nằm trong Tuyến trải nghiệm phía Tây Công viên địa chất toàn cầu - Khám phá Phja Oắc,

Vùng núi của những đồi thay). Đến nay, công ty đã xây dựng, phát triển đồn điền chè thành Khu du lịch sinh thái Organic farm Cao Bằng với nhiều sản phẩm, dịch vụ phục vụ khách du lịch như: tham quan, chụp ảnh các đồi chè; thăm quy trình sản xuất, trải nghiệm hái chè, sao chè; thưởng thức trà; thưởng thức ẩm thực địa phương kết hợp với nguyên liệu từ cây chè và các loại thảo dược; trải nghiệm cầu kính; dịch vụ lưu trú, nghỉ dưỡng sinh thái tại đồi chè; tham quan danh lam thắng cảnh và các di tích trong vùng phụ cận (vườn quốc gia Phja Oắc - Phja Đén, Quần thể nhà trình tường người Dao, Biệt thự cổ người Pháp, vườn trúc Bản Phường, thảo nguyên Phan Thanh, làng du lịch cộng đồng Vài Khao,...

Hiện tại, Đồn điền chè Kolia (công ty TNHH Kolia Cao Bằng) có 03 khu lưu trú: nhà sàn cộng đồng (2 nhà, sức chứa khoảng 150 - 180 khách), khu lưu trú gia đình (10 phòng chất lượng tương đương phòng nghỉ 3 sao, sức chứa 20 khách), khu lưu trú bungalow chất lượng cao (03 bungalow). Trung bình mỗi năm Đồn điền chè Kolia đón khoảng 10.000 lượt khách đến tham quan, lưu trú.

- Vùng chè Đông Pán, Lũng Sâu - xã Phúc Sen, huyện Quảng Hòa: là những vùng chè mới, phát triển dựa trên vùng chè cổ (20 - 30 năm) sẵn có của người Nùng, diện tích khoảng 6-7 ha. Đặc điểm tài nguyên của các vùng chè này nằm trong khu vực thung lũng, đan xen giữa những ngọn núi thấp và đồi bát úp với những con suối trong lành chảy quanh tạo cảnh quan sơn thủy hữu tình, một màu xanh mướt của những đồi chè và núi rừng. Các vùng chè này nằm gần các làng nghề truyền thống của người dân địa phương như: làng rèn, làng dệt thổ cẩm, làng giấy bản, làng hương... Đây là những giá trị tài nguyên du lịch quan trọng để phát triển đa dạng các sản phẩm, dịch vụ du lịch kết hợp với du lịch gắn với các vùng chè ở địa phương.

Hiện tại, vùng chè Đông Pán, Lũng Sâu chưa được đầu tư, khai thác du lịch bài bản. Khách du lịch chủ yếu là khách tự túc, đến tham quan, trải nghiệm, khám phá thiên nhiên, chụp ảnh đồi chè, kết hợp tham quan các làng nghề và một số điểm du lịch lân cận.

### *2.2.2. Đánh giá chung tiềm năng, hiện trạng phát triển du lịch tại các vùng chè ở tiểu vùng Đông Bắc*

Mỗi vùng chè ở mỗi địa phương của tiểu vùng Đông Bắc đều có những giá trị tài nguyên chung (gắn với nông nghiệp sản xuất chè) đồng thời có những giá trị đặc trưng riêng, khác biệt, gắn với mảnh đất, văn hóa và đặc điểm tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội ở từng địa phương. Để có thêm cái nhìn tổng quát về tiềm năng, tài nguyên du lịch tại các vùng chè ở tiểu vùng Đông Bắc, nhóm nghiên cứu đã thực hiện điều tra xã hội học 414 phiếu đối với 03 nhóm đối tượng: khách du lịch (285 phiếu), doanh nghiệp (21 phiếu) và cộng đồng sinh sống tại vùng chè (108 phiếu). Kết quả phiếu điều tra được sử dụng để đánh

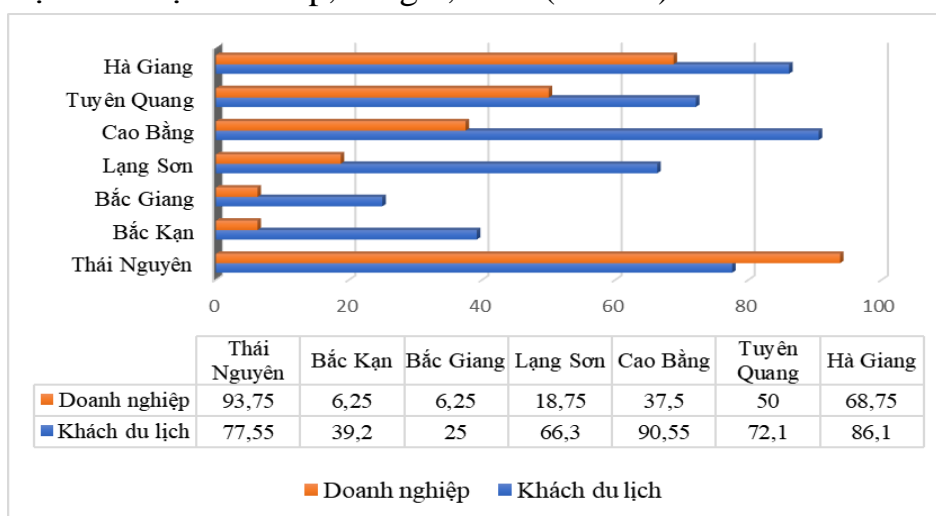


giá chung về phát triển du lịch tại các vùng chè ở tiểu vùng Đông Bắc như sau:

a) Về tiềm năng phát triển du lịch tại các vùng chè

Có 87,5% doanh nghiệp lữ hành được khảo sát đánh giá phát triển du lịch tại các vùng chè ở tiểu vùng Đông Bắc là “rất khả thi” và cần thiết, chỉ có 12,5% doanh nghiệp cho rằng “không khả thi” hoặc có thể khai thác ở mức độ “bình thường”. Tính khả thi của việc khai thác tài nguyên, phát triển du lịch tại các vùng chè ở tiểu vùng Đông Bắc được các doanh nghiệp lữ hành cho rằng: Nông nghiệp sản xuất chè và văn hóa trà là thế mạnh của tiểu vùng Đông Bắc; có thể phát triển thành sản phẩm du lịch đặc thù của tiểu vùng; có thể kết nối với các giá trị tài nguyên khác, phát triển đa dạng sản phẩm du lịch cho địa phương; các doanh nghiệp rất sẵn sàng tham gia kinh doanh du lịch tại các vùng chè; cộng đồng địa phương có ý thức và sẵn sàng tham gia làm du lịch; chính quyền địa phương luôn quan tâm, chú trọng phát triển du lịch tại các vùng chè.

Trong 7 tỉnh của tiểu vùng Đông Bắc, các doanh nghiệp lữ hành đánh giá cao tiềm năng và triển vọng phát triển du lịch tại các vùng chè ở tỉnh Thái Nguyên với 93,75% tỷ lệ bình chọn, tiếp theo là Hà Giang 68,75% tỷ lệ bình chọn, Tuyên Quang 50%, Cao Bằng 37,5%, Lạng Sơn 18,75%, Bắc Kạn và Bắc Giang có lệ bình chọn rất thấp, cùng 6,25%. (Hình 4).



**Hình 4. Tiềm năng và triển vọng phát triển du lịch tại các vùng chè ở tiểu vùng Đông Bắc - bình chọn của doanh nghiệp và khách du lịch**

*Nguồn: Số liệu điều tra của Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch, năm 2024*

Kết quả đánh giá của doanh nghiệp lữ hành gần tương đồng với với đánh giá của khách du lịch khi được hỏi về mức độ hấp dẫn của các vùng chè tại 7 tỉnh của tiểu vùng Đông Bắc. Theo đó, 90,55% khách đánh giá các vùng chè của Cao Bằng “rất hấp dẫn” và “hấp dẫn” (9,45% đánh giá ở mức bình thường), tiếp theo là Hà Giang 86,1% (13,9% đánh giá mức bình thường), Thái Nguyên 77,55% (22,45% đánh giá mức bình thường), Tuyên Quang 72,1%, Lạng Sơn 66,3%, Bắc Kạn 39,2%, Bắc Giang 25%. (Hình 4).

Chỉ số đánh giá của doanh nghiệp đặt Thái Nguyên và Hà Giang lên hàng

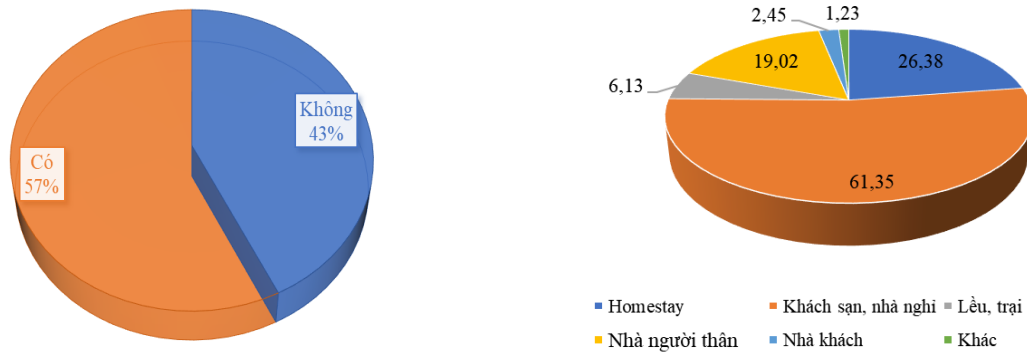
đầu về mức độ hấp dẫn do đây là hai địa phương sở hữu nhiều vùng chè với diện tích và sản lượng lớn nhất tiểu vùng, có tiềm năng rất lớn để đầu tư khai thác phát triển du lịch. Trong khi đó, khách du lịch đặt Cao Bằng lên hàng đầu về mức độ hấp dẫn do hầu hết khách du lịch đến vùng chè Cao Bằng là Đồn điền chè Kolia đã và đang được khai thác rất bài bản, nhiều sản phẩm, dịch vụ du lịch đã đưa vào khai thác, đáp ứng được nhu cầu, mong muốn và kỳ vọng của nhiều đối tượng khách. Bắc Kạn và Bắc Giang đều được doanh nghiệp lữ hành và khách du lịch đánh giá không cao về tiềm năng và khả năng phát triển du lịch tại các vùng chè, có thể thông tin các vùng chè của hai địa phương này chưa đến được khách du lịch hoặc thực tế hoạt động du lịch tại các vùng chè ở hai địa phương này còn rất yếu, chưa hấp dẫn được khách du lịch. Thêm vào đó, một số vùng chè ở Bắc Kạn nằm ở vị trí vùng sâu, vùng xa (như vùng chè Bằng Phúc - Chợ Đồn), giao thông đi lại khó khăn nên khó để kêu gọi, thu hút đầu tư phát triển du lịch.

b) Về hiện trạng các điều kiện để phát triển du lịch tại các vùng chè

- Đối với hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ du lịch: Đa số khách du lịch, cộng đồng địa phương và doanh nghiệp lữ hành đều cho rằng hạ tầng giao thông trực chính kết nối các tỉnh trong tiểu vùng kết nối tiểu vùng với Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh chất lượng khá tốt, đặc biệt mạng lưới cao tốc và quốc lộ trong tiểu vùng giúp thời gian di chuyển của khách được rút ngắn đáng kể so với trước đây (68,42% khách đánh giá tốt, và rất tốt; 40% cộng đồng đánh giá tốt, 36,67% đánh giá bình thường, 23,33% đánh giá kém). Tuy nhiên, hạ tầng giao thông kết nối trực chính với các vùng chè và giao thông nội khu ở các vùng chè còn nhiều hạn chế, được đánh giá ở mức “bình thường”, “kém” và “rất kém” (58,6% khách đánh giá bình thường và kém). Các yếu tố hạ tầng cung cấp điện, cấp nước sạch, hạ tầng môi trường, thông tin - viễn thông... chủ yếu được đánh giá ở mức “bình thường”, “kém” và “rất kém” (đủ đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của người dân, nhưng hạn chế khi phục vụ khai thác phát triển du lịch).

- Đối với cơ sở lưu trú du lịch: Trong 285 khách được hỏi đã từng du lịch tại các vùng chè ở tiểu vùng Đông Bắc, có 42,8% khách không lựa chọn lưu trú qua đêm tại các vùng chè do không có cơ sở lưu trú (44,26%), cơ sở lưu trú không hấp dẫn (41,8), hoặc lý do khác (du lịch trong ngày, ở nhà người thân,...). Có 57,2% khách lựa chọn có lưu trú tại các vùng chè, loại hình lưu trú chủ yếu là khách sạn bình dân, nhà nghỉ du lịch (61,35%), homestay (26,38%), còn lại là các loại hình lưu trú khác (lều trại, nhà khách của cơ quan, nhà người thân,...). Về mức độ đáp ứng của các cơ sở lưu trú tại các vùng chè ở tiểu vùng Đông Bắc (số lượng và chất lượng), có 56,25% doanh nghiệp lữ hành đánh giá “tốt” và “rất tốt”, 43,75% doanh nghiệp đánh giá ở mức “bình thường”. Số liệu thống kê này cho thấy, hầu hết các vùng chè ở tiểu vùng Đông Bắc đều đang rất thiếu cơ sở lưu trú, khách đến tham quan các vùng chè chủ yếu lưu trú tại các nhà nghỉ,

khách sạn ở trị trấn, thị tứ trong khu vực và lân cận. Một số vùng chè có loại hình lưu trú homestay và lều trại, nhưng không đáng kể. Khách lưu trú tại các cơ sở lưu trú này hầu hết là các phân khúc khách bình dân, khách ưa trải nghiệm, không có nhiều yêu cầu về chất lượng dịch vụ lưu trú cao cấp. Đối với loại hình lưu trú homestay, lều trại thường được khách đánh giá cao và lựa chọn.



**Hình 5. Khách lưu trú và lựa chọn loại hình lưu trú tại các vùng chè**

*Nguồn: Số liệu điều tra của Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch, năm 2024*

- Đối với các cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch: Có 38,6% khách đánh giá sơ cung cấp dịch vụ ăn uống tại các vùng chè được khách du lịch đánh giá “tốt” và “rất” tốt do hầu hết các vùng chè đều gắn với các bản làng của cộng đồng dân tộc vùng cao, ẩm thực truyền thống và đặc sản địa phương miền núi luôn là yếu tố hấp dẫn khách du lịch. Tuy nhiên, cũng có 58,25% khách đánh giá “bình thường” và “3,16%” khách đánh giá “kém” do nhu cầu, sở thích ẩm thực của các đối tượng khách khác nhau, đồng thời, các cơ sở ăn uống tại các vùng chè hầu hết chưa được tập huấn kiến thức, kỹ năng ẩm thực phục vụ khách du lịch; yếu tố cơ sở vật chất phòng ăn, bàn ăn, bếp nấu và các yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm cũng là lý do khiến nhiều khách du lịch chưa hài lòng. Phần lớn khách du lịch đánh giá cơ sở vui chơi giải trí, điểm mua sắm, nhà vệ sinh công cộng, bãi đỗ xe... tại các vùng chè chỉ được khách đánh giá ở mức “trung bình” và “kém”, chưa đáp ứng được nhu cầu của khách.

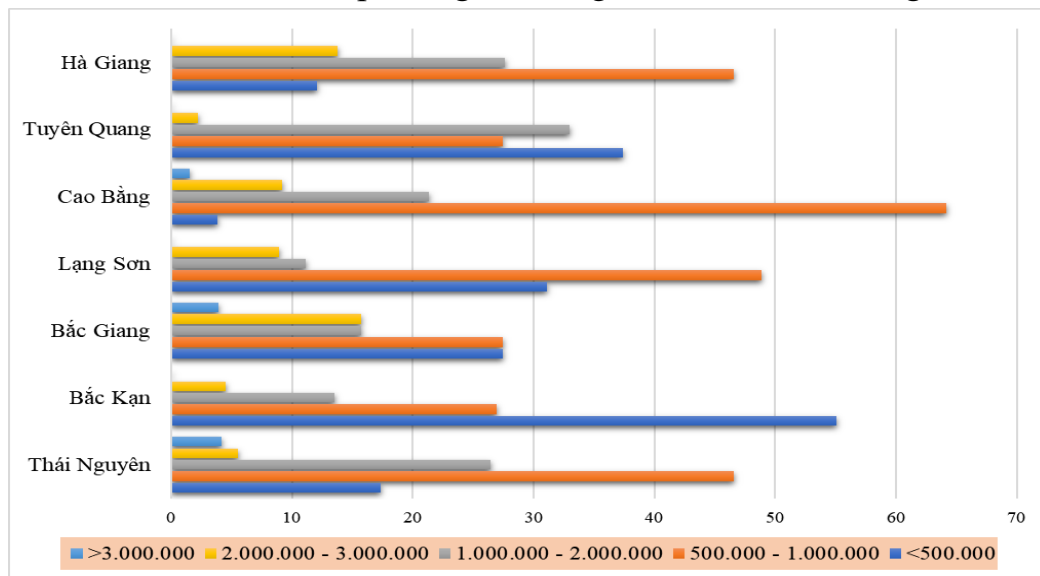
c) Về hiện trạng đi du lịch và hoạt động du lịch của khách tại các vùng chè

Trong số 285 khách được hỏi từng đến các vùng chè nào tại các tỉnh ở tiểu vùng Đông Bắc, đa số lựa chọn Thái Nguyên (55,97%), Hà Giang (44,05%), Cao Bằng (40,56%), Tuyên Quang (25,04%), Lạng Sơn 15,53%, Bắc Kạn 9,82% và Bắc Giang 7,19%. Trong đó, khách chủ yếu đi theo hình thức du lịch kết hợp (khách đi theo tour, đi tự túc nhưng kết hợp du lịch nhiều loại hình, nhiều nơi) chiếm 85,26%, chỉ có 14,74% khách đi theo hình thức du lịch chuyên đề (chỉ đi các vùng chè). Khách du lịch chuyên đề chủ yếu là các đoàn khách học sinh đi tham quan trải nghiệm, khách gia đình, khách giới trẻ đi du lịch trong ngày hoặc đi du lịch cuối tuần lên các vùng chè và một bộ phận khách nghiên cứu, tìm hiểu văn hóa trà, mua sắm các sản phẩm trà.

Thời gian đi du lịch của khách tại các vùng chè chủ yếu là đi vào ngày

ngỉ, ngày lễ, ngày tết (55,79%), đi vào cuối tuần (48,07%), đi theo sự kiện (40,7% - sự kiện văn hóa, lễ hội, hội nghị, hội thảo, hội chợ tại địa phương liên quan đến trà), chỉ có 17,54% khách đi theo sở thích.

Mức chi tiêu bình quân/ngày/khách khá thấp, chủ yếu là dưới 1 triệu đồng/ngày (chiếm 66,72%) do khách đến các vùng chè chủ yếu là đi ngắn ngày (2 ngày 1 đêm) hoặc đi trong ngày, các vùng chè ở tiểu vùng Đông Bắc chưa có nhiều dịch vụ để khách chi tiêu cao, chi phí chủ yếu cho ăn uống, lưu trú, đi lại. Có 28,6% khách chi tiêu ở mức 1-3 triệu đồng/ngày, phân khúc khách này ngoài các khoản chi phí ăn, ở, đi lại thường kèm thêm khoản chi phí cho mua sắm các sản phẩm chè và đặc sản địa phương, sử dụng dịch vụ lưu trú bungalow.



**Hình 6. Chi tiêu bình quân của khách du lịch tại các vùng chè**

*Nguồn: Số liệu điều tra của Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch, năm 2024*

Trong 285 khách được hỏi về mong muốn quay trở lại các vùng chè mà khách đã đến hoặc khám phá vùng chè mới ở tiểu vùng Đông Bắc, có 76,14% khách trả lời “có”, 2,11% khách trả lời “không” và 21,75% khách “phân vân”. Đây là tín hiệu đáng mừng để các địa phương ở tiểu vùng Đông Bắc quan tâm thúc đẩy phát triển du lịch tại các vùng chè vì hầu hết khách đều có mong muốn quay trở lại các vùng chè đã đến hoặc khám phá các vùng chè mới. Tuy nhiên, vẫn có một tỷ lệ không nhỏ khách du lịch “phân vân” về việc có quay trở lại hoặc khám phá các vùng chè mới hay không. Đây là thách thức đặt ra cho các địa phương trong việc làm tăng sức hấp dẫn của du lịch tại các vùng chè, phát triển đa dạng sản phẩm và dịch vụ du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ để đáp ứng nhu cầu và thỏa mãn sự hài lòng của khách du lịch.

### **3. Giải pháp phát triển du lịch tại các vùng chè ở tiểu vùng Đông Bắc**

#### **3.1. Nhóm giải pháp chung**

a) Chính quyền địa phương các cấp xây dựng quy hoạch phát triển các vùng chè theo hướng: vừa phát triển vùng sản xuất chè (ngành nông nghiệp) vừa

đánh giá, xác định giá trị tài nguyên, khoanh vùng tài nguyên vùng chè để phục vụ phát triển du lịch. Phát triển du lịch tại các vùng chè là cần thiết nhưng không nhất thiết phải phát triển du lịch ở tất cả các vùng chè.

b) Trên cơ sở quy hoạch chung, cơ quan tham mưu quản lý nhà nước về du lịch ở địa phương xây dựng kế hoạch phát triển du lịch tại các vùng chè theo năm và theo giai đoạn; đảm bảo công tác phát triển du lịch tại các vùng chè được quan tâm triển khai thực hiện thường xuyên, liên tục, có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, khả thi, phù hợp với nguồn lực và điều kiện thực tế tại địa phương.

c) Chính quyền địa phương các cấp quan tâm, có chính sách, cơ chế thích hợp hỗ trợ phát triển du lịch tại các vùng chè, đặc biệt là chính sách chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất thương mại dịch vụ; hỗ trợ cộng đồng làm du lịch; hỗ trợ xúc tiến quảng bá du lịch; hỗ trợ chuyển đổi số;...

d) Quan tâm phát triển kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phát triển du lịch tại các vùng chè, đặc biệt là hạ tầng giao thông kết nối các trung tâm hành chính, các khu du lịch trọng điểm, trục giao thông chính đến các vùng chè và giao thông nội khu tại các vùng chè, đảm bảo thuận tiện cho khách di chuyển.

đ) Phát triển du lịch tại các vùng chè dựa trên hai nền tảng cốt lõi: nông nghiệp sản xuất chè và văn hóa trà, coi đây là đòn bẩy, động lực, yếu tố quyết định đến sự thành công của du lịch tại các vùng chè. Trong đó:

- Chú trọng phát triển tài nguyên vùng chè được quy hoạch phát triển du lịch, làm giàu giá trị tài nguyên như phủ xanh đất trống trồng chè, tăng cường chăm sóc đảm bảo cây chè sinh trưởng tốt, không sử dụng thuốc bảo vệ thực vật; chỉnh trang cảnh quan vùng chè bao gồm cảnh quan khu vực trồng chè và cảnh quan khu vực sinh sống của cộng đồng địa phương tại vùng chè. Đa dạng hóa các sản phẩm chè, cả về chủng loại (chè xanh, chè khô, chè ô long, chè phổ nhĩ, chè shan tuyết, hồng trà, bạch trà...) và phẩm cấp (loại 1, 2,3; xếp hạng OCOP 3 sao, 4 sao, 5 sao; chè móc câu, chè tôm nõn, chè đỉnh; hoặc các phân loại khác) nhằm đáp ứng đa dạng của thị trường khách chè và khách du lịch.

- Chú trọng công tác bảo tồn, phục dựng, phát huy, quảng bá văn hóa trà Việt nói chung và văn hóa trà đặc trưng của từng dân tộc, từng vùng, địa phương đến đông đảo khách du lịch trong nước và quốc tế, một mặt quảng văn hóa của Việt Nam, văn hóa của các địa phương, mặt khác tăng cường quảng bá và xúc tiến du lịch, thu hút khách du lịch, làm tăng sự hài lòng của khách du lịch.

e) Phát triển sản phẩm du lịch tại các vùng chè vừa theo chiều sâu, vừa theo chiều rộng. Mỗi địa phương, vùng chè, căn cứ vào đặc điểm, thế mạnh tài nguyên để định hướng phát triển sản phẩm du lịch phù hợp. Trong đó:

- Phát triển du lịch theo chiều sâu (phù hợp với các vùng chè chuyên canh, tập trung, quy mô lớn, giá trị tài nguyên chè cho du lịch rất lớn): Lấy ngành chè và văn hóa trà là hạt nhân trung tâm của các sản phẩm, dịch vụ du lịch. Phát



triển sản phẩm du lịch gắn với chè là sản phẩm chủ đạo, đặc trưng của địa phương. Một số sản phẩm, dịch vụ như: Nghỉ dưỡng sinh thái tại vùng chè; làm đẹp, chăm sóc sức khỏe, chữa bệnh từ cây chè và dược liệu ở địa phương; tham quan, văn cảnh vùng chè; tham quan quy trình sản xuất và trải nghiệm sản xuất, chế biến chè; nghiên cứu về cây chè, giáo dục môi trường tại các vùng chè; nghiên cứu, tìm hiểu văn hóa trà; thưởng thức trà và ẩm thực từ trà;...

- Phát triển du lịch theo chiều rộng (phù hợp với các vùng chè không tập trung, quy mô nhỏ, giá trị tài nguyên không lớn hoặc nằm trong khu vực có nhiều giá trị tài nguyên khác nổi trội hơn): Phát triển sản phẩm du lịch gắn với chè là sản phẩm du lịch bổ trợ, kết hợp với các loại hình du lịch khác làm đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ du lịch tại địa phương. Một số sản phẩm, dịch vụ: Kết hợp tham quan, checkin, chụp ảnh, trải nghiệm vùng chè với du lịch cộng đồng; kết hợp với du lịch tại các làng nghề; kết hợp với du lịch sinh thái, khám phá thiên nhiên hang động, thác nước, hồ, rừng nguyên sinh; kết hợp với các lễ hội, sự kiện văn hóa - thể thao ở địa phương.

g) Tăng cường công tác phát triển thị trường và xúc tiến, quảng bá du lịch, chú trọng các thị trường mục tiêu (các thị trường tiêu thụ sản phẩm chè và thị trường du lịch). Đối với thị trường khách quốc tế: các nước khu vực Đông Bắc Á, các nước Tây Nam Á và Trung Đông, các nước Tây Âu và Bắc Mỹ. Đối với thị trường khách nội địa: chú trọng thị trường Hà Nội và các tỉnh vùng Đồng bằng sông Hồng, các tỉnh Bắc Trung Bộ. Đa dạng hóa các loại hình xúc tiến, quảng bá du lịch cả hình thức trực tiếp và trực tuyến, truyền thống và hiện đại, tăng khả năng cung cấp đúng, đủ thông tin đến khách du lịch và khách hàng ngành chè.

h) Đào tạo, tập huấn, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề du lịch cho cộng đồng địa phương tham gia làm du lịch nhằm nâng cao chất lượng phục vụ khách tại các vùng chè, đặc biệt chú trọng các nhóm kỹ năng liên quan đến dịch vụ lưu trú (homestay, bungalow, lều trại...), ẩm thực, hướng dẫn - thuyết minh tại điểm, biểu diễn văn nghệ và các kỹ năng khác trong tiếp đón, phục vụ khách du lịch

i) Tăng cường chuyên đổi số hỗ trợ phát triển du lịch tại các vùng chè, chú trọng số hóa giá trị tài nguyên du lịch tại các vùng chè, xây dựng bản đồ số và chỉ dẫn địa lý trên các nền tảng bản đồ trực tuyến (googlemap), tích hợp, cập nhật các vùng chè và cơ sở dịch vụ trên các nền tảng bản đồ trực tuyến và công cụ tìm kiếm trực tuyến.

### **3.2. Nhóm giải pháp cụ thể**

#### **a) Các vùng chè Thái Nguyên**

Thái nguyên là địa phương sở hữu các vùng chè lớn nhất cả nước, có thể phát triển du lịch ở nhiều vùng chè và phát triển đa dạng các sản phẩm, dịch vụ du lịch. Tuy nhiên, cần xác định phát triển du lịch gắn với các vùng chè theo

hướng có trọng tâm, trọng điểm. Chú trọng phát triển du lịch tại 04 vùng chè: Tân Cương, La Bằng, Khe Cốc, Trại Cài. Phấn đấu đến năm 2030 được công nhận ít nhất 01 Điểm du lịch nông thôn mới kiểu mẫu nâng cao, 01 khu du lịch cấp tỉnh, 02 điểm du lịch cộng đồng cấp tỉnh.

Phát triển sản phẩm đặc trưng cho mỗi vùng chè dựa trên thế mạnh tài nguyên sẵn có, tạo tiền đề để kết nối sản phẩm du lịch vùng chè toàn tỉnh:

- Phát triển vùng chè Tân Cương thành Trung tâm văn hóa trà và Trung tâm triển lãm trà của tỉnh và của cả vùng. Tăng cường tổ chức các sự kiện du lịch gắn với ngành chè và văn hóa trà theo quy mô cấp tỉnh, cấp vùng, cấp quốc gia và quốc tế. Các sự kiện có thể bao gồm: festival trà quốc tế, các lễ hội, hội nghị, hội thảo, hội chợ, triển lãm trà cấp tỉnh; các cuộc thi nghệ nhân trà, người đẹp xứ trà, thi hái chè nhanh, sao chè truyền thống, ẩm thực trà...

- Phát triển vùng chè La Bằng, Khe Cốc gắn với loại hình du lịch sinh thái nông nghiệp gắn tham quan, thắng cảnh thiên nhiên núi, rừng sườn Đông Tam Đảo, khám phá các suối, thác, hồ trên địa bàn và phụ cận.

- Phát triển vùng chè Khe Cốc gắn với loại hình du lịch nghỉ dưỡng tại các đồi chè; chăm sóc sức khỏe từ cây chè và các dược liệu miền núi; du lịch sinh thái gắn với thắng cảnh thiên nhiên núi, rừng, suối Khe Cốc; trải nghiệm văn hóa của đồng bào Sán Chay: múa Tắc Xinh, hát Sáng Cọ, hát giao duyên, nhảy sạp và thưởng thức ẩm thực đặc sản của địa phương vùng cao.

- Phát triển vùng chè Trại Cài gắn với du lịch cộng đồng, trải nghiệm nông nghiệp sản xuất chè và tìm hiểu văn hóa của đồng bào dân tộc Nùng, Sán Dìu, kết hợp tham quan, thắng cảnh tại một số điểm du lịch lân cận như đền Thác Nhật, suối Tiên, hang Chùa...

Liên kết, kết nối các điểm du lịch vùng chè với các khu du lịch, điểm du lịch trên địa bàn các huyện và tỉnh Thái Nguyên. Hình thành cung đường du lịch “*Khám phá mảnh đất Tứ đại danh trà Thái Nguyên*”, kết nối 04 vùng chè chủ đạo của tỉnh.

Khuyến khích doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, nhà hàng, khách sạn tại các vùng chè và thành phố Thái Nguyên nghiên cứu, phát triển ẩm thực, các món ăn truyền thống có sử dụng sản phẩm từ chè, như: cơm trà, mì hồng trà, trứng nấu trà, tempura trà, thạch trà, thịt kho trà, xôi matcha trà, khoai tây sốt trà, cá chiên sốt matcha trà, lá chè bao đường, búp chè chiên giòn...

#### *b) Các vùng chè Hà Giang*

Các vùng chè Hà Giang thế mạnh là chè shan tuyết cổ thụ trên các dãy núi cao Tây Côn Lĩnh, Chiêu Lầu Thi. Ngoài các giải pháp chung phát triển du lịch như tại các vùng chè, có thể xác định một số giải pháp riêng như:

- Ưu tiên phát triển các vùng chè Phìn Hồ, Thông Nguyên, Hồ Thầu, Túng Sán, Nậm Ty (Hoàng Su Phì); Cao Bò (Vị Xuyên) gắn với các loại hình du

lịch khám phá thiên nhiên, dã ngoại, leo núi, cắm trại, khám phá các vùng chè trên các dãy núi cao.

- Phát triển loại hình nghỉ dưỡng núi, chăm sóc sức khỏe và du lịch cộng đồng, nghỉ tại homestay tại các vùng chè Phìn Hồ, Thông Nguyên, Hồ Thầu, Túng Sán, Cao Bồ, tìm hiểu văn hóa cộng đồng các dân tộc vùng cao (H'Mông, Dao, La Chí,...).

- Phát triển một số loại hình du lịch mạo hiểm như dù lượn, trải nghiệm các cung đường đèo dốc hiểm trở tại các vùng chè có địa hình, địa mạo, cảnh quan phù hợp.

- Đối với các vùng chè huyện Hoàng Su Phì, phát triển du lịch kết hợp với các loại hình du lịch gắn với hệ thống ruộng bậc thang (di tích danh thắng quốc gia); đối với các vùng chè huyện Vị Xuyên, phát triển du lịch kết hợp với tham quan các di tích lịch sử - cách mạng.

- Đối với vùng chè Ngọc Linh - Vị Xuyên là vùng chè ở khu vực địa hình thấp, gần với trung tâm huyện lỵ Hoàng Su Phì và thành phố Hà Giang ưu tiên phát triển du lịch gắn với trải nghiệm nông nghiệp, hướng đến đối tượng khách học sinh, khách giới trẻ, khách gia đình du lịch cuối tuần.

### *c) Các vùng chè Tuyên Quang*

Tuyên Quang sở hữu 03 vùng chè lớn Tân Trào, Hồng Thái và Khau Mút nằm ở 3 địa phương cấp huyện khác nhau. Mỗi vùng chè có đặc trưng riêng, gắn với các giá trị tài nguyên thế mạnh riêng. Sản phẩm du lịch tại các vùng chè này khó có thể cạnh tranh để trở thành sản phẩm du lịch chủ đạo của địa phương. Do đó, giải pháp đề xuất là:

- Phát triển vùng chè Tân Trào - Sơn Dương gắn với du lịch về nguồn, tìm hiểu văn hóa lịch sử - cách mạng tại Khu di tích quốc gia đặc biệt Tân Trào; kết hợp với du lịch cộng đồng, khám phá thiên nhiên.

- Phát triển vùng chè Hồng Thái - Na Hang gắn với du lịch sinh thái hồ Na Hang và khu bảo tồn thiên nhiên Na Hang, kết hợp với du lịch cộng đồng, khám phá thiên nhiên.

- Phát triển vùng chè Khau Mút - Lâm Bình gắn với khám phá thiên nhiên hoang sơ, leo núi, dã ngoại, cắm trại; trải nghiệm các cung đường đèo hiểm trở; tham quan các vùng chè cổ thụ, trải nghiệm hái chè cây cổ thụ, trải nghiệm sao chè bằng phương pháp thủ công.

Vùng chè Khau Mút là vùng chè cổ, nằm trên các đỉnh núi cao, vị trí xa khu dân cư, khó tiếp cận, đường núi di chuyển khó khăn (đi bộ), nhiều đoạn đường nguy hiểm, dễ lạc đường. Để phát triển du lịch tại vùng chè này cần khảo sát kỹ lưỡng, chỉnh trang đường mòn lên núi, xây dựng các điểm dừng nghỉ, bố trí các biển báo, biển chỉ dẫn, phải có hướng dẫn viên là người địa phương đi cùng,... để đảm bảo an ninh an toàn cho khách.

Trong tương lai xa có thể kêu gọi sự tham gia của các nhà đầu tư, doanh nghiệp đầu tư phát triển khu nghỉ dưỡng núi hoặc mô hình lưu trú cộng đồng - homestay, đồng thời, thu hút sự tham gia của cộng đồng làm du lịch.

*d) Các vùng chè Cao Bằng*

- Đối với vùng chè Phja Đén - huyện Nguyên Bình: tiếp tục phát huy vai trò của doanh nghiệp - Công ty TNHH Kolia Cao Bằng khai thác Đồn điền chè Kolia và hỗ trợ cộng đồng sản xuất chè gắn với du lịch. Phát triển Đồn điền chè Kolia thành Khu du lịch sinh thái - nghỉ dưỡng chè cao cấp, phát triển thêm các dịch vụ lưu trú, chăm sóc sức khỏe, spa, làm đẹp, ẩm thực, tổ chức sự kiện, ... theo hướng đẳng cấp, chất lượng, hướng đến các phân khúc thị trường khách chi tiêu cao và lưu trú dài ngày.

- Đối với vùng chè Lũng Sâu, Đổng Pán - huyện Quảng Hòa: Phát triển các sản phẩm, dịch vụ du lịch gắn với các đồn/đồi chè theo hướng kết hợp với các loại hình du lịch khác ở địa phương như: làng nghề truyền thống, du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, du lịch khám phá thiên nhiên.

vùng chè Lũng Sâu, Đổng Pán thuộc xã Phúc Sen, huyện Quảng Hòa là những vùng chè mới trồng, có diện tích nhỏ (5-6 ha), sản lượng thấp, ở vị trí thung lũng (Lũng Sâu) và trên một số đỉnh núi thấp, xa khu dân cư, khó tiếp cận. Các vùng chè này nằm giữ các làng nghề truyền thống của huyện Quảng Hòa, trong đó có một số làng nghề đã được UNESCO lựa chọn là một trong những điểm trên tuyến trải nghiệm CVĐCTC UNESCO Non nước Cao Bằng. Vì thế, khó phát triển du lịch tại các vùng chè này trở thành sản phẩm du lịch chủ đạo của địa phương. Tuy nhiên, có thể khai thác để phát triển thành sản phẩm du lịch bổ trợ, kết hợp với các loại hình du lịch khác.

*e) Các vùng chè Lạng Sơn*

Tập trung phát triển du lịch tại các vùng chè huyện Đình Lập. Đây là vùng chè chuyên canh, tập trung lớn nhất của tỉnh Lạng Sơn. Theo đó:

- Chú trọng phát triển hệ sinh thái nông nghiệp tại các vùng chè, phát triển cây chè theo hướng nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao. Phủ xanh đất trống trồng chè tại một số vùng chè trên địa bàn huyện, đặc biệt là các vùng chè Khu 1, Khu 401, Đồi Tre Hóa (thị trấn Nông trường Thái Bình).

- Trước mắt đến hết năm 2025, lựa chọn phát triển thí điểm mô hình du lịch nông nghiệp nông thôn tại vùng chè Hòa An (xã Thái Bình). Phát triển các sản phẩm, dịch vụ chính: Tham quan, check-in, chụp ảnh các đồi chè; Tham quan quy trình chế biến, sản xuất chè tại Công ty cổ phần chè Thái Bình Lạng Sơn; Trải nghiệm hái chè, sao chè thủ công, đóng gói, pha chè và thưởng thức trà; Đạp xe, đi bộ, dã ngoại, cắm trại trong khu vực vùng chè; Mua sắm các sản phẩm từ chè.

- Kết hợp với phát triển du lịch cộng đồng gắn với các bản, làng của đồng

bào các dân tộc Tày, Nùng, Dao, Sán Chỉ trên địa bàn. Bảo tồn, khôi phục, phát huy giá trị văn hóa của đồng bào, đặc biệt là văn hóa văn nghệ, nếp nhà sàn, trang phục truyền thống, các phong tục, tập quán truyền thống... để phục vụ du lịch. Phát triển các sản phẩm, dịch vụ: Lưu trú tại nhà dân, tìm hiểu văn hóa cộng đồng, văn hóa trà; Tham quan các di tích văn hóa - lịch sử trên địa bàn huyện; Tham gia các sự kiện văn hóa, thể thao (giải chạy việt dã), tuần văn hóa trà Đình Lập.

- Kết hợp phát triển du lịch sinh thái gắn với các hồ nước trên địa bàn, đặc biệt là hồ Pắc Làng, hồ Khuổi In, hồ Bản Lải. Phát triển các sản phẩm, dịch vụ: Đi thuyền, khám phá cảnh quan lòng hồ một số hồ lớn trên địa bàn; cắm trại, dã ngoại, câu cá; đạp xe, đi bộ, khám phá cảnh quan ven hồ.

- Kết hợp phát triển các sản phẩm, dịch vụ khác: Tham quan, văn cảnh đầu nguồn sông Kỳ Cùng; khám phá cảnh quan núi, rừng, đường tuần tra biên giới, đồi cỏ lau,...

#### *g) Các vùng chè Bắc Kạn*

- Phát triển vùng chè Bằng Phúc - Chợ Đông gắn với các vùng chè shan tuyết cổ thụ (hơn 600 cây) theo hướng trekking, leo núi, dã ngoại, cắm trại, trải nghiệm hái chè cổ thụ; tìm hiểu quy trình sản xuất chè tại một số HTX chè trên địa bàn xã; trải nghiệm sao chè theo phương pháp truyền thống, thưởng thức các sản phẩm chè shan tuyết, chè đen, hồng trà, chè xanh. Phát triển các loại hình du lịch hỗ trợ như khám phá thiên nhiên núi, rừng, đầu nguồn sông Cầu; tham quan, tìm hiểu các nghề truyền thống (nấu rượu men lá, thuốc lá); du lịch cộng đồng gắn văn hóa của đồng bào dân tộc Tày; thưởng thức đặc sản ẩm thực địa phương.

- Phát triển các vùng chè Quảng Chu, Yên Đĩnh - Chợ mới theo mô hình sinh thái nông nghiệp; phát triển các sản phẩm, dịch vụ: du lịch tham quan, chụp ảnh các đồi chè; trải nghiệm nông nghiệp sản xuất chè; tham quan cảnh quan nông thôn và khám phá thiên nhiên, văn hóa của đồng bào các dân tộc ít người tài địa phương. Kết nối du lịch tại các vùng chè này với các điểm du lịch của huyện Chợ Mới (Bắc Kạn) và huyện Phú Lương (Thái Nguyên).

#### *h) Các vùng chè Bắc Giang*

Phát triển vùng chè Bản Ven - Yên Thế theo mô hình sinh thái cộng đồng, kết hợp giữa nông nghiệp sản xuất chè với khai thác giá trị văn hóa cộng đồng địa phương. Phát triển các sản phẩm, dịch vụ: tham quan, checkin, chụp ảnh các đồi chè; tham quan khu chế biến, khu trưng bày sản phẩm chè; trải nghiệm hái chè, sao chè; thưởng thức các sản phẩm chè của Bản Ven.

Phát triển loại hình lưu trú cộng đồng (homestay), ở tại nhà dân, trải nghiệm và tìm hiểu văn hóa cộng đồng của người Cao Lan; thưởng thức đặc sản ẩm thực địa phương (gà đồi Yên Thế...).

Phát triển các loại hình du lịch kết hợp: tham quan rừng trúc Bản Ven,



đạp xe, đi bộ, dã ngoại khám phá cảnh quan nông thôn Bản Ven và các thôn, xóm lân cận; khám phá thiên nhiên núi, rừng Yên Thế.

Kết hợp phát triển du lịch tại vùng chè Bản Ven với các khu du lịch, điểm du lịch của huyện Yên Thế như Hồ Suối Cây, Thác Ngà, Động Thiên Thai, Đền Cầu Khoai và Lễ hội khởi nghĩa Yên Thế.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1] Bộ Chính trị (2017), *Nghị quyết về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn*, số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017.
- [2] Chính phủ (2017), *Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch*, số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017
- [3] Chính phủ (2018), *Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp*, số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018
- [4] Chính phủ (2023), *Nghị định về chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại nông nghiệp* (dự thảo năm 2023)
- [5] Chính phủ (2023), *Nghị quyết về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy mạnh phục hồi, tăng tốc phát triển du lịch hiệu quả, bền vững*, số 82/NQ-CP ngày 18/5/2023
- [6] Đinh Phạm Hiền (2023), Nghiên cứu các mô hình du lịch nông nghiệp của một số nước và Việt Nam - Khuyến nghị đối với du lịch Hà Nội”, *Tạp chí Nghiên cứu khoa học và phát triển*, tr.49-58
- [7] Quốc hội (2013), *Luật Đất đai*, số 45/2013/QH13, ngày 29/11/2013
- [8] Quốc hội (2017), *Luật Du lịch*, số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017
- [9] Quốc hội (2017), *Luật Lâm Nghiệp*, số 16/2017/QH14, ngày
- [10] Quốc hội (2020), *Luật Bảo vệ môi trường*, số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020

# KHAI THÁC GIÁ TRỊ VĂN HOÁ TRÀ VIỆT PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH TẠI CÁC VÙNG CHÈ TIÊU VÙNG ĐÔNG BẮC VIỆT NAM

Trịnh Quang Dũng<sup>5</sup>

*Phó trưởng ban Bảo tồn phát triển Hiệp hội Văn hoá Ẩm thực Việt Nam*

## MỞ ĐẦU

Văn hoá – nguồn sức mạnh mềm vô biên, nguồn tài nguyên đầy tiềm năng cho phát triển kinh tế xã hội nói chung và du lịch nói riêng. May mắn thay, Việt Nam sở hữu một kho di sản văn hóa đồ sộ, trải suốt 5000 năm văn hiến của ông cha mà không nhiều quốc gia có được. Với văn hoá trà chè, Việt Nam độc chiếm một vị thế khác biệt, khi nơi đây là cái nôi, nơi khởi nguồn văn hoá trà của nhân loại. Thần Nông, Người tìm ra trà cho nhân loại từ ngót năm thiên niên kỷ trước được cả thế giới ghi nhận vinh danh công tích lớn lao ấy. Thật may mắn Thần Nông lại chính là thủy tổ của Việt tộc. Di sản trà kỳ vĩ của tổ tiên để lại với những rừng trà Shan cổ thụ ngàn năm tuổi bạt ngàn, lại những tập tục trà linh thiêng, huyền thoại trà lẫm lẫm đầy chất nhân văn tạo ra môi trường phát triển du lịch văn hoá trà sử không thể lý tưởng hơn, khiến nhiều quốc gia ghen tị, thèm muốn... Tuy nhiên, tất cả những di sản ấy còn đang bị lãng quên và đến nay vẫn chỉ là tiềm năng chưa được đánh thức, tiếc thay!

Công nghiệp Văn hóa không khỏi đang được Việt Nam ưu tiên dồn lực phát triển trên trụ cột du lịch văn hóa sử đầy tiềm năng. Du lịch văn hóa trà cần được xem là một mũi nhọn để được quan tâm đầu tư tương xứng vị thế vốn có. Đây sẽ là bộ phận giúp ngành trà, ngành du lịch vươn lên hòa nhập thế giới không chỉ mang về nhiều tỷ đô la mà còn là không gian quảng bá nền văn hóa Việt Nam đa sắc hấp dẫn, nâng vị thế đất nước trên trường quốc tế.

## I. VĂN MINH TRÀ - TÀI NGUYÊN BỊ LÃNG QUÊN

Nơi phát tích trà của nhân loại được đông đảo cộng đồng quan tâm không chỉ vì đó là thứ nước uống “quyền lực”, phổ biến nhất, lâu đời nhất trong đời sống con người. Thứ nước uống ấy, từ thừa hồng hoang đã đồng hành, mang lại sức khỏe cho con người trong suốt quá trình tồn tại và phát triển. Thật không ngẫu nhiên, khi tồn tại hàng loạt bằng chứng minh xác rằng: Cây trà, nước chè từng được phát hiện và sử dụng đầu tiên bởi người Việt. Trải qua hàng ngàn năm, thế hệ kế tiếp thế hệ, nước chè đã trở thành *quốc thủy* của người Việt! Chính đức Khổng Tử (551 - 479 TCN) từng khẳng định tộc Việt biết uống chè trước tộc Hán ít nhất cũng nhiều trăm năm, thậm chí cả thiên niên kỉ: “*Dân Bách Việt chuyên làm ruộng lúa mà ăn, không như chúng ta trồng kê và lúa mì. Họ uống nước (nấu) bằng thứ lá cây lấy trong rừng gọi là trà*”[2]. Thật thú vị khi

---

<sup>5</sup> NNC Trịnh Quang Dũng – Tác giả sách Văn minh trà Việt - ĐD: 0938999352 - Email: dongkinhcs@gmail.com

lời dạy của bậc hiền triết vĩ đại Trung Hoa lại hiển nhiên là bức thông điệp khẳng định một sự thật hiển nhiên: Cho tới thời đại Khổng Tử, người Hoa Hạ (Trung quốc) chưa biết uống trà! Bởi vậy, người Việt đã tìm trà và uống nước chè đầu tiên trong lịch sử nhân loại là điều vinh hạnh, gây tò mò, tạo nguồn cảm hứng du lịch trà tới du khách toàn cầu.

### **1. Thần Nông Thủy tổ của Việt tộc - Tổ trà của nhân loại.**

Sự kiện Thần Nông phát hiện, tìm ra trà cho nhân loại đã được các tư liệu, sách cổ cả thế giới mặc nhiên thừa nhận. Ngay cả Lục Vũ - thần trà Trung Hoa cũng khẳng định trong cuốn sách *Trà kinh* kinh điển rằng: “*Thần Nông chính là người đầu tiên phát hiện ra trà*”. Mọi sách sử, tư liệu đều dẫn ghi chép: “*Thần Nông một ngày ném thử một trăm loại thảo dược, gắp bảy mươi loại độc, uống trà giải được độc*” [3].

Tuy nhiên Thần Nông lai ai? Còn nhiều sự nhập nhằng trong lịch sử cần được soi sáng, hiểu rõ. Đại Việt sử ký toàn thư, bộ chính sử của Việt Nam chép: “*Nhâm Tuất năm 1 (2879 TCN), xưa cháu ba đời của Viêm Đế họ Thần Nông<sup>1</sup> là Đế Minh sinh ra Đế Nghi. Nhân đi tuần thú vương Nam đến núi Ngũ Lĩnh lấy con gái Vụ Tiên Sinh ra vua. Vua là bậc thánh trí thông minh... Đế Minh phong cho vua làm Kinh Dương vương cai quản phương Nam, gọi là nước Xích Quỷ*” [11]. Vương quốc của ngài bao trùm cả sông Dương Tử lẫn một phần sông Hoàng Hà và kéo dài xuống phía Nam. Như vậy, Phả hệ cho thấy Thần Nông là cụ tổ 4 đời của vua Kinh Dương Vương, 5 đời của quốc tổ Lạc Long Quân. Triều đại Thần Nông kéo dài 9 đời [1]. Ở Chiều ngược lại, truyền thuyết Trung Quốc ghi nhận tới 4 vị thủy tổ tộc Hoa Hạ gồm: Phục Hy, Nữ Oa, Thần Nông và Hoàng Đế. Dễ nhận thấy chính Hoàng Đế, thủ lĩnh liên minh bộ tộc du mục mới là tổ đích thực của tộc người Hoa Hạ. Mặt khác, mặc dù có sự mạo nhận, song dấu vết khẳng định Thần Nông là Thủy tổ trà đích thực của người Việt nằm ngay trong cách danh xưng hiện hữu mà sử sách tư liệu Trung Hoa thường ghi chép về ngài là Shen Nung (Thần Nông). Đó là cách gọi theo cấu trúc ngữ pháp tiếng Việt (Hoa ngữ phải là Nung Shen - Nông Thần) [4].

Thần Nông là đấng thần nhân, được Việt tộc ghi nhận là tổ của nhiều ngành nghề nông nghiệp. Trong dân gian có câu: “*Thần Nông thường bách thảo, giáo nhân y liệu dữ nông canh / Thần Nông ném trăm cây thuốc, dạy người chữa bệnh với cây cày*”. Ngài còn là vị Thần khởi xướng ra chợ phiên, vì thế, ngài còn được xưng tụng là Dược vương, Ngũ Cốc Tiên Đế, Thần Nông đại đế... xuất hiện trong tâm thức dân gian vào thời đại đá mới, khi người Đông Nam Á phát triển mạnh nghề trồng lúa. Các tộc dân Mông, Dao, Choang, Thái vùng Hoa Nam Trung Hoa ngày nay (*cư dân Bách Việt bị Hán hoá*) và ở Việt Nam vẫn luôn truyền tụng và suy tôn Thần Nông như vị thần riêng của tộc mình. Xét một cách khoa học biện chứng, Thần Nông chỉ có thể là thủy tổ của cư dân nông

nghiệp lúa nước mà không thể là thủy tổ tộc Hoa Hạ vốn là cư dân du mục săn bắn! Chính vì vậy, tín ngưỡng thờ cúng Thần Nông đã thành một tập tục đậm đặc bản sắc của cư dân lúa nước, Bách Việt từ ngàn xưa. Tại Việt Nam hiện có tới hàng trăm đình, đền, miếu, am thờ Thần Nông ở bốn phương theo dặm dài đất nước suốt từ Bắc chí Nam.

Luận cứ quý giá khác được học giả Nhật Bản Watabe Tadayaô phát hiện rất thú vị: “*Vùng trà hoang dã gần đồng nhất với cái nôi của cây lúa nước*”. Hay nói cách khác, vùng nguyên sản trà hoang dã trùng với vùng phát triển của nền văn minh lúa nước mà Việt Nam là một đại diện tiêu biểu. Tư duy này góp phần bổ sung một cách thú vị cho mối quan hệ hữu cơ trong truyền thuyết giữa: Thần Nông - Trà - Lúa nước (*Thủy tổ trà và Tổ nông nghiệp dậy dân Việt trồng lúa nước*)[8]. Đến đây, các minh chứng: Thần Nông ông Tổ trà - Thủy tổ Việt tộc là sự thật hiển nhiên. Từ đó đi tới kết luận: Người Việt tìm trà và uống nước chè đầu tiên trong lịch sử nhân loại là hoàn toàn logic và biện chứng.

## **2. Việt Nam quê hương của trà**

Hành trình ngược dòng thời gian về cội nguồn, dấu ấn, bóng dáng của trà len lỏi, ẩn hiện ở mọi góc ngách trong đời sống Việt. Từ truyền thuyết, huyền thoại đến những di chỉ khảo cổ học. Từ thư tịch lịch sử đến tập tục dân gian. Rồi những rừng hàng triệu cây trà cổ thụ ngút ngàn trên độ cao hàng ngàn mét nơi bốn mùa mây phủ sương bông.

Cổ tích và truyền thuyết về trà không thiếu ở Việt Nam là bằng chứng cho thấy trà có xuất xứ gắn bó với nơi đây, Đặc biệt, những truyền thuyết trà này đậm đà bản sắc Việt, định tính về “thời gian và không gian lịch sử” một cách mạch lạc. Dấu vết trà Việt ẩn hiện trong mỗi tình lãng mạn *Trương Chi - My Nương* thời cổ sử Việt. Diễn ra tại bộ Vũ Ninh (*1/15 bộ nước Văn Lang*) thời các Vua Hùng (2879 – 257 TCN), câu chuyện tình buồn trên con sông Tiêu Tương giữa chàng lái đò có giọng hát và tiếng sáo mê hoặc lòng người chạm tới trái tim nàng My Nương (*danh xưng gọi con gái Vua Hùng*). Tiếc thay, diện mạo xấu xí của Trương Chi làm nàng thất vọng khiến mối tình tan vỡ... quá nặng lòng trước sắc đẹp chim sa cá lặn của My Nương, Trương Chi đành ôm mối sầu tương tư mà chết... Chàng hóa thân thành khối ngọc và được đem tạc thành bát ngọc dâng lên vua Hùng. Truyền ngôn kể rằng: Mỗi khi nâng bát nước chè xanh sóng sánh lung linh, My Nương lại thấy bóng con đò thấp thoáng và tiếng sáo Trương Chi ngân nga du dương trầm bổng bên tai. Xót thương cho mối tình sầu bi, My Nương ân hận ứa lệ, nước mắt nàng rơi xuống bát nước chè... Bỗng dưng bát ngọc vỡ tan như thể đã hóa giải được mối sầu tương tư của Trương Chi! Không ai biết truyền thuyết này có tự bao giờ và tại sao lại là nàng My Nương nâng uống bát chè xanh như một thông điệp về trà từ thời mở nước Văn Lang của người Việt!. Nếu *Trương Chi - My nương* là loại truyền thuyết phi

vật thể, chúng ta lại có truyền thuyết khác mà vật chứng của chúng là những địa danh lưu lại từ thời kỳ Hùng Vương còn mãi với thời gian. Chuyện kể rằng, một bà quý phi của vua Hùng vương 18 đã về làng Văn Luông, vùng đất tổ Phú Thọ dạy dân trồng chè, trồng bông sinh sống. Ghi nhớ công nghiệp khai sáng ấy của bà, dân cư tụ về trồng chè, trồng bông sinh sống đã tạo dựng nên: xóm Bãi chè, xóm Bông còn tồn tại mãi tới ngày nay.

Dân tộc Bằng Long (vùng Điền Việt /Văn lang xưa) còn coi lá trà là sinh mệnh của dân tộc mình, đồng bào uống nước trà để không quên nguồn gốc tổ tông. Huyền thoại về trà của người Bằng Long truyền rằng: *“Có 102 lá trà do cuồng phong thổi tới biến hoá, 51 lá trà biến thành 51 chàng trai dũng mãnh, 51 lá trà còn lại biến thành 51 thiếu nữ xinh đẹp...”* [1]! gọi cho ta nhớ đến quốc tổ và quốc mẫu Lạc Long Quân – Âu Cơ. Không còn nghi ngờ gì nữa, họ chính là hậu nhân của tộc Lạc Việt và đã thần thánh hóa trà theo mô típ từ nguồn gốc tổ tiên.

Tuy truyền thuyết không phải là tư liệu lịch sử, song không phải ngẫu nhiên chúng tồn tại, cũng như không phải dân tộc nào cũng có truyền thuyết về trà! Trong môi liên hệ logic với chứng tích khảo cổ, chúng lại trở thành bằng chứng trong lòng đất, soi sáng cho cội nguồn Việt của cây trà một cách biện chứng. Năm 1960, phát lộ quả chè 13.200 năm tuổi ở di chỉ người Việt cổ tại hang Con Moong, tỉnh Thanh Hóa/ văn hóa Hòa Bình (VHHB) [5] và công bố tại Hội thảo quốc tế ở Pari, cùng năm [1]. Không chỉ có vậy, theo tài liệu khảo cứu của Ủy ban Khoa học Xã hội, dấu tích của lá trà và thân cây trà hóa thạch cũng được phát hiện ở Phú Thọ, vùng đất tổ các vua Hùng [1]. Hàng loạt cổ vật như: ấm trà ngọc thời nước Xích Quỷ (2879-2524 TCN), ấm đầu gà thời Văn Lang (TK7-258 TCN), trà cụ trong lăng mộ Triệu Muội thời Nam Việt (204-111 TCN) v.v... là vật chứng khảo cổ không thể thuyết phục hơn cho việc dùng trà trong đời sống Việt.

Nguồn gốc Việt của văn hoá trà hiện rõ qua các thư tịch, cổ sử. Hàng loạt thư tịch Hán cổ lưu trữ còn ghi chép lại về quê hương xuất xứ của trà từ vùng trà Lĩnh Nam - Giao Châu (tên địa danh vùng đất Việt cổ, chỉ các vùng đất thuộc cương thổ quốc gia Văn Lang trước đây). đều khẳng định việc uống trà của người Việt cổ: *“...Dân Lạc Việt trồng lúa mà ăn, dùng lá trà làm thức uống... dùng đất sét đào sâu trong lòng đất thái mỏng phơi khô làm thức ăn quý đi hỏi vợ”* [2]. *“Ở Giao Châu và Quảng Châu người ta rất quý thứ này (trà), hễ có khách đến nhà thì trước hết bày ra đãi khách”* [1]. Trong Hồng nghĩa Giác tư Y thư (Nam dược chính thảo), vị thần y Đại Việt Tuệ Tĩnh (1330 - 1400), đã ghi chép về lợi ích của nước chè: *“Trà làm cho tâm hồn sáng khoái, thanh nhiệt cơ thể, uống một bát vạn nỗi ưu phiền tan biến / Trà khả thanh tâm giải nhiệt, ẩm nhất bát, vạn lự đốn tiêu”*, thật là thứ nước uống kỳ diệu!



Việt Nam là quê hương của trà lưu dấu trong những tập tục và di sản xướng dân gian về trà. Uống chè tươi, chè cảnh một tập tục được bảo tồn ở Việt Nam là dấu vết về kiểu thức uống trà sơ khai nhất trong thời kỳ hái lượm của loài người mà ngày nay không còn tìm được ở bất kỳ đâu trên thế giới. “*Hội uống chè tươi*” còn trở thành niềm vui cộng đồng tại các ở vùng Tiên Lữ tỉnh Vĩnh Phúc Hà Đông, Thanh – Nghệ-Tĩnh và nhiều địa phương khác. Tục lệ về chè hiện diện trong suốt vòng đời người Việt: Tắm nước chè lúc sinh ra, vật phẩm hàng đầu trong cưới xin khi trưởng thành, phẩm vật không thể thiếu khi cúng lễ - tâm linh và trong tang lễ khi lìa đời.

Tục “Cúng cây Chè tổ” dưới gốc cây hàng trăm năm tuổi vượt thời gian lưu truyền hàng năm ở cộng đồng người Mông Suối Giàng hay người Dao Fìn Hò - Hoàng Su Phì lại là những minh chứng sống động khác. Đặc biệt cây chè còn in dấu qua di sản xướng giá đồng “*cô Tám đời chè*” trong tín ngưỡng đạo Mẫu của người Việt. Những tập tục dân gian này cho thấy sự trân trọng, linh thiêng với cây chè trong đời sống Việt không nơi nào có trên thế giới càng góp thêm tiếng nói khẳng định: Việt Nam là quê hương trà!

### **3. Việt Nam “cái nôi phát tích” của trà thế giới**

Rừng trà cổ thụ hoang dã ngoài thiên nhiên, bao phủ khắp cương vực Văn Lang, Âu Lạc, Đại Việt từ xa xưa. Thậm chí ngày nay, bọc theo biên giới phía Bắc, Đông Bắc Việt Nam, kéo dài theo sườn dãy Trường Sơn vào tới Tây Nguyên xuất lộ nhiều rừng trà Shan cổ thụ hoang dã có tuổi đời hàng trăm năm, đến vài nghìn năm đang hiện hữu... Chỉ riêng ở 5 tỉnh Tây Bắc Việt Nam, vùng núi rừng Hoàng Liên Sơn, người ta đã phát hiện ra còn khoảng 1,1 triệu cây trà cổ thụ hoang dã, có cây cao 20m tán lá 50 m<sup>2</sup> - 70 m<sup>2</sup> [7]. Kinh ngạc hơn, khi Phó Chủ tịch huyện Hoàng Su Phì, Thạc sĩ Lâm nghiệp Lý Chòi Nhàn còn cho biết tới rừng trà Shan cổ thụ hoang dã ước tới 7 - 8 triệu cây ở Hà Giang và vùng Đông Bắc Việt Nam. Ông Lò Giàng Páo, Tiến sĩ Văn hóa duy nhất người Lô Lô, Vụ trưởng Vụ Chính sách Ủy ban Dân tộc Miền núi bất mí: “*Ở quê tôi trên đoạn đường từ Mèo Vạc, Hà Giang đi sang Cao Bằng có một kì lão trà tuyết cổ thụ to cỡ 10 người ôm không xuể, ước tính tới vài nghìn năm tuổi. Kì lão trà cao vút, không nhìn thấy hết tán lá. Muốn tiếp cận cây, phải lội núi băng rừng suốt 16 km vô cùng gian nan*”. Những kỳ đại lão trà như thế không thiếu ở khắp rừng Việt Nam như cây chè đại thụ Bát tiên ở khu rừng nguyên sinh núi Bồng, Đại Từ - Thái Nguyên có đường kính tới 1 m, hai người ôm, cao 30 m với tán sum xuê, người đi rừng không nhận biết là cây chè cổ thụ. Kị chè ở bãi vàng Chinh Sáng, thân cây hơn 3 người ôm, tán lá trải cả trăm m<sup>2</sup>, hoa vàng to bằng cái bát ăn cơm, đọt trà dài to như ngón tay, sâu trong vùng núi rừng hiểm trở Lai Châu. Cụ lão trà cổ thụ ở rừng Quốc gia Tam Đảo cận kề Thủ đô, “*hậu duệ*” hiếm hoi còn sót lại từ rừng trà Shan hàng nghìn năm tuổi: “*Hàng năm vào tháng 3 âm*

lịch, dân địa phương vẫn vào khai thác trà xuân ở đây. Chỉ riêng cây đại lão trà này cho khoảng 50 kg búp và phải hái hai ngày mới xong” [1].

Năm 1974, Viện sĩ K. M. Djemukhatze Viện HLKH Liên Xô công bố một công trình chuyên khảo quan trọng tại “Hội nghị Thực vật học toàn cầu lần thứ 12” tổ chức tại Moscow (1974) làm đảo lộn mọi giả thuyết trước đây và phác họa “chân dung chân thực” mới về nguồn gốc cây trà. Dựa trên nền tảng *Thuyết tiến hóa của vạn vật* do nhà bác học Darwin (Anh) khẳng định: “Mọi vật đều tiến hóa từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp”. Bằng các phương tiện, thiết bị hiện đại nhất của nền khoa học tiên tiến đương thời, ông đưa ra những kết quả thực nghiệm về sự hình thành và tích lũy Casterin trên hàng loạt mẫu trà cổ thụ hoang dã lấy từ: Tứ Xuyên (Ba Thục xưa), Vân Nam (Nam Chiếu xưa-TQ ngày nay), từ Ấn Độ và cả từ nhiều vùng trà Việt Nam: Suối Giàng, Nghĩa Lộ, Phú Thọ, Lạng Sơn, Nghệ An... Kết quả phân tích, gây bất ngờ: “... Cây chè cổ Việt Nam tổng hợp các Casterin đơn giản hơn nhiều cây trà Vân Nam; ở cây trà Vân Nam chất Casterin phức tạp hơn nhiều ở cây chè Việt Nam” và Viện sĩ K.M. Djemukhatze đi đến kết luận khách quan rằng: “Cây trà vùng Vân Nam là loại hình tiến hóa sau cây trà Việt Nam”. Ông đã thiết lập sơ đồ tiến hóa hóa sinh của cây trà thế giới như sau: “*Camellia* > *Thea Wetnamica* (Chè Việt Nam) > *Thea Fuinamica* (Chè Vân Nam lá to) > *Thea sinesis* (Chè Trung Quốc lá nhỏ) > *Thea Assamica* (Chè Assam Ấn Độ)” [6]. Như vậy, Sau hàng loạt chứng cứ khoa học chặt chẽ, logic và biện chứng, công trình khoa học của Viện sĩ K.M. Djemukhatze đưa đến một kết luận đảo lộn, loại bỏ toàn bộ các giả thiết mơ hồ về nguồn gốc cây trà trước đó: “Việt Nam là cái nôi đầu tiên của cây trà thế giới” và đề xuất tên khoa học mới cho cây trà: “*Thea Wietnamica* thay cho tên khoa học *Thea Sinensis* đã tồn tại một cách lầm lẫn, sai lệch suốt hơn hai thế kỉ nay (1753-1974).!” [6]. Việt Nam là “cái nôi phát tích” của trà thế giới.

## II. VĂN HOÁ TRÀ – TÀI NGUYÊN TIỀM NĂNG CHO DU LỊCH VIỆT

Từ lâu, du lịch - nền công nghiệp không khói đã là một trong những trụ cột phát triển kinh tế mang lại tỷ lệ GDP đáng kể ở nhiều quốc gia. Thậm chí, có những quốc gia GDP chỉ dựa hoàn toàn vào du lịch đã cho thấy tiềm năng của lĩnh vực này vô cùng to lớn. Việt Nam, đất nước được thiên nhiên ưu đãi ban cho khí hậu ôn hòa, cảnh sắc tuyệt vời với núi sông hùng vĩ, biển cả mênh mông, rừng vàng bạt ngàn, đâu đâu cũng gặp chốn bồng lai tiên cảnh... Khiến ai ai đã đặt chân tới đều thích thú, si mê không rời chân... Lại là một quốc gia đa văn hóa, đa sắc tộc, có bề dày 5000 năm văn hiến và một trang sử hào hùng khiến thế giới trân trọng, ngưỡng mộ. Có thể thấy, di sản văn hoá kì vĩ, dải non sông cẩm tú, con người Việt Nam đôn hậu tạo nên nguồn tài nguyên tiềm năng bất tận cho ngành du lịch đơm hoa kết trái vươn lên bền vững. Mọi thứ như đã

sẵn sàng đón chờ kinh tế du lịch gặt hái, làm giàu cho quốc kế dân sinh, cho một Việt Nam phú cường.

### **1. Cần chiến lược liên ngành vĩ mô phát triển du lịch văn hoá trà bền vững**

Tuy gần đây đã có nhiều khởi sắc thu hút được 12,6 triệu du khách quốc tế, 108,2 triệu du khách nội địa đóng góp ngót 30 tỷ USD (2023) chiếm tỷ trọng 13% GDP quốc gia. Tuy nhiên đó còn là con số khiêm tốn trong khu vực ĐNA khi Malaysia đón 26 triệu du khách, Thái Lan 23,4 triệu du khách. Theo báo cáo từ Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF), trong khu vực Đông Nam Á, chỉ số Phát triển du lịch (TTDI) năm 2023 của Singapore cao nhất (13), tiếp theo là Indonesia (22), Malaysia (35), Thái Lan (47), Việt Nam (59), mặc dù tài nguyên du lịch của Việt Nam không hề thua kém các nước ĐNA, nếu không muốn nói là còn nhiều ưu thế hơn.

Điều đó cho thấy rất cần một chiến lược liên ngành tầm vĩ mô, tạo bệ phóng cho du lịch Việt Nam khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên văn hóa tiềm năng để cất cánh, bay cao, vươn xa. Khai thác văn hoá trà Việt phục vụ du lịch là một hướng đi mới, chưa từng được ngành du lịch Việt Nam quan tâm đúng mức. Nếu biết lấy Văn hóa sử là “chìa khoá” phát triển du lịch trà, sẽ tạo được một vị trí đặc biệt hấp dẫn du khách yêu trà trên toàn thế giới. Hẳn giới hâm mộ trà toàn cầu không thể không quan tâm đến nơi phát tích, quê hương của trà để rồi tìm đến Việt Nam. Được thưởng thức, sở hữu những phẩm trà quý hiếm từ rừng trà cổ thụ hoang dã hàng trăm năm, cả ngàn năm tuổi lại là một sức hút khác cho du lịch trà Việt. Tuy nhiên, cho đến nay, chính chúng ta chưa hề nói gì về mình để nền văn minh trà Việt rơi vào lãng quên và “câm lặng” trước thế giới. Gần đây nhất, khi hai cuốn sách về trà “*Lịch sử trà thế giới của Laura*” của C. Martin (*NXB Dân Trí 2019*) và “*Hiểu tất cả về trà*” của Brian B. Keating & Kim Long (*NXB Alpha Book & NXB Thế Giới 2024*) đều không có nổi vài dòng về trà Việt Nam, khiến những người yêu trà Việt không khỏi chạnh lòng, xót xa... Nền văn hoá trà kì vĩ trải suốt 5000 năm của Việt Nam đã được công bố trong cuốn sách “*Văn minh trà Việt*” đồ sộ 850 trang của tác giả Trịnh Quang Dũng (*NXB Phụ nữ VN/2024*) như một tuyên ngôn cho trà Việt, cần nhanh chóng truyền bá rộng rãi ra toàn cầu. Từ đó việc Bộ Thông tin Truyền thông, Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch cần vào cuộc khởi động một chiến dịch truyền thông mạnh mẽ tôn vinh trà Việt là hết sức cấp thiết. Mặt khác, Du lịch trong các rừng trà cổ thụ hoang dã nằm sát những vùng biên rất cần chính sách Visa ưu tiên của Bộ Ngoại giao. Ngoại giao trà đã cho thấy sức hút và tầm ảnh hưởng to lớn của nó trong cộng đồng, cũng như kích cầu Văn hóa – Du lịch trà phát triển. Buổi tiệc Quốc trà nơi cố Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng tiếp Chủ tịch - Tổng bí thư Tập Cận Bình tại Hà Nội, tiệc trà tiếp tỷ phú công nghệ thế giới Bilgate trên đỉnh Bàn Cờ - Đà Nẵng và tiệc trà Tea Connect tiếp 100 CEO nổi

tiếng thế giới tại Tp.HCM cho thấy sức lan toả của Văn hóa trà Việt không hề nhỏ, là nhịp cầu nối hoàn hảo cho du lịch trà nếu biết khéo léo khai thác đúng tầm. Mới đây Học viện Trà sư quốc tế liên kết với trường Đại học KHXXNV TP.HCM mở lớp đào tạo trà chính thống đầu tiên là tín hiệu đáng mừng, khai thông mở đường tạo nguồn nhân lực gồm các trà sĩ, HDV du lịch có đủ kiến thức lan toả văn hoá trà Việt ra công đồng và thế giới. Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc đều đã đi tiên phong với chính sách đưa văn hoá trà vào học đường là hồi chuông cảnh tỉnh chúng ta và tất nhiên Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam không thể đứng ngoài cuộc.

Hội chợ thương mại trà, hội thảo quốc tế về trà Việt Nam cần phải được xúc tiến, bởi đó cũng chính là một kênh Du lịch trà hữu hiệu và Viện du lịch, Hiệp hội chè và Hiệp hội Văn hoá Ẩm thực Việt Nam, các doanh nghiệp trà đầu đàn của Việt Nam không thể không gánh vác trách nhiệm này. Hiệu quả kinh tế trong lĩnh vực này đã được Nhật Bản, Hàn Quốc và đặc biệt là Trung Quốc tiến hành và chứng minh hiệu quả: Không chỉ đẩy kinh tế ngành trà của họ lên cao mà còn làm phong phú nội hàm của du lịch trà.

Du lịch mạo hiểm - trà trong những khu rừng đặc dụng hay vườn Quốc Gia rất cần sự đồng thuận của nhiều cơ quan chức năng, UBND các tỉnh ban hành những cơ chế, quy định đặc thù khuyến khích phát triển. Từ đó dễ thấy rằng: Chính sách vĩ mô liên ngành về các loại hình du lịch trà phải được nghiên cứu kỹ lưỡng và đề xuất Chính phủ một cơ chế hỗ trợ cụ thể hiệu quả. Ngoài ra, rất cần vai trò “Nhạc trưởng” của Tổng cục du lịch dẫn dắt, liên kết với các bộ các ngành khác để loại hình du lịch trà mới mẻ sớm đi vào cuộc sống.

## **2. Khai thác Văn hóa trà - Thế mạnh của Du lịch Việt Nam**

Du lịch Văn hóa trà là một thế mạnh vượt trội của Việt Nam trong du lịch khu vực Đông Nam Á bởi một lẽ đơn giản không nước nào trong khối Asean có nền Văn hóa trà như ở Việt Nam – Quốc gia trong top 5 cường quốc xuất khẩu trà thế giới. Mặt khác so với các nền văn hoá trà gạo cội ở Trung Quốc, Nhật Bản, trà Việt lại nổi trội hơn hẳn với dòng văn hoá trà dân gian có những lễ cúng cây chè tổ, hội uống chè tươi, chè đậm độc đáo, gây cảm hứng khác lạ, dễ thu hút, hấp dẫn du khách yêu mến, hâm mộ trà. Thế mạnh từ nhiều vùng trà có cảnh quan hùng vĩ, tráng lệ cũng không thể không kể tới... Tất cả tạo nên kho tài nguyên văn hóa trà Việt có thể khai thác hàng loạt loại hình du lịch trà đầy hấp dẫn.

### **2.1. Du lịch Văn hóa - Tâm linh – Trà sử**

Trong thực tế, những sự kiện này vẫn thường xuyên diễn ra như hơi thở thường nhật trong đời sống Việt. Nếu có sự dẫn dắt, tổ chức bài bản sẽ tạo thành những lễ hội tâm linh và sự kiện du lịch độc đáo mà đông đảo cộng đồng yêu trà tham gia và dần trở thành tour du lịch trà đặc hữu của Việt Nam.

▪ **Lễ cúng cây trà tổ:** là nguồn tài nguyên riêng có của du lịch trà Việt Nam chưa có trên thế giới. Tuy nhiên, nguồn tài nguyên này chưa được khai thác đúng tiềm năng. Miền chè cổ Suối Giàng càng huyền hoặc hơn khi bảo tồn được trong mình tập tục truyền đời của người xưa: “*Lễ cúng chè tổ*”. Tập tục này dường như chỉ còn ở Việt Nam mà vắng bóng ở tất cả các quốc gia có nền văn hóa trà gạo cội khác. Không hề ngẫu nhiên, khi nó vẫn vương ở nơi đang được đề nghị công nhận là nơi phát tích cây chè của nhân loại. Lễ cúng ấy chính là sợi chỉ hồng kết nối quá khứ và hiện tại, minh chứng cho một nền văn minh chè Việt cổ xưa. Lễ cúng chè tổ diễn ra hàng năm sau Tết Nguyên đán, ngày vào mùa chè đầu tiên của năm. Bàn thờ được chọn dựng ngay tại gốc cây chè tổ trên 300 tuổi (*1 trong 6 cây chè tổ trên thế giới*). Từ sáng sớm, thầy cúng cùng thanh niên trong bản cùng hành hương về gốc chè tổ mang theo vật dụng để dựng bàn thờ gồm: tre thanh làm khung dựng bàn thờ, lạt buộc, giấy màu cắt hình để trang trí, vàng mã... Phẩm vật cúng gồm một con gà trống đẹp, gạo nếp nướng mới, rượu trắng tự nấu ngon nhất. Thầy cúng phải là người được cộng đồng cư dân lựa chọn kỹ lưỡng: Có đức độ, cao tuổi được tất cả mọi người tín nhiệm. Đặc biệt phải là người thông hiểu cổ ngữ Quan Hỏa (*gần như đã thất truyền*) và nắm lòng bài văn tế truyền miệng từ các thầy cúng tiền bối! Nhận con gà trống từ hai trai bản, thầy cúng cầu khẩn: “...*Cầu thần linh, chè tổ cho búp chè to như ngón tay con trẻ... cho chúng con hái mãi không bao giờ hết búp, cầu cho ruộng nương được mùa... ai ai cũng có cuộc sống sung túc... thuốc chè chữa hết mọi bệnh tật cho dân!*”. Khẩn cầu xong, người ta hóa kiếp cho chú gà trống, các cô gái nấu xôi, luộc gà, bày rượu đặt lên bàn thờ cúng thần chè tổ. Sau lúc mọi người vái lạy xong, giấy màu trang trí trên bàn thờ tượng trưng cho vàng bạc được hóa vàng để chuyển lời cầu nguyện của thầy cúng bay tới thần linh... Lễ cúng kết thúc bằng nghi thức ban rượu cúng cho mọi người cùng ăn mừng một vụ chè bội thu và thầy cúng dẫn dân đi ra hái chè mở đầu cho vụ chè năm mới.

Ở Dao tộc xã Phìn Hồ. Ông Lý Chòi Nhàn, Phó chủ tịch huyện Hoàng Su Phì Hà Giang cho biết: “Ở Phìn Hồ, lệ này nằm trong tục cúng thần rừng. Sớm ngày đi cúng, nhóm người đi tới cây trà tổ hành lễ phải tuyệt đối im lặng, tiến thẳng phía trước, không được ngoái đầu lại, lễ vật hiến tế cũng là gà trống, nhưng phải giữ cho gà tuyệt đối không có tiếng kêu và dặn người nhà giữ bí mật, dẫn trẻ không được hỏi đi đâu, lúc nào về...”.

Tập tục này là một “báu vật” tinh thần, một nét đẹp văn hóa hiếm có của nền văn minh chè Việt cần được bảo tồn, gìn giữ cho muôn đời. Nó cũng cho thấy mối khăng khít giữa cây chè và cây lúa của cư dân Bách Việt.

Tục lệ cúng cây chè tổ có từ xa xưa trong cộng đồng Bách Việt, nó cũng được bảo lưu cùng lễ hội Lòong tòng vì đó là hai loại cây trồng duy nhất được cúng tế... đại diện cho nhu cầu quan trọng nhất của con người: Âm Thực - Ăn



và Uống! Tập tục này nếu được khai thác đúng tầm, kết hợp với cúng Thần Nông – Thủy tổ trà của nhân loại sẽ là điểm nhấn khác biệt, độc đáo, hấp dẫn riêng có của tour “Du lịch văn hoá trà sử Việt”.

▪ **Du lịch Tâm linh - Giá đồng “Cô Tám đòi chè”**: Sự tích dân gian truyền tụng cô Tám Đòi Chè là một nhân vật có thật, sinh sống vào thế kỉ XV. Khi ấy, ở vùng Thanh Hóa có cô gái Mường sinh kế bằng nghề trồng chè làm thuốc chữa trị cho rất nhiều bệnh nhân nghèo khó vượt qua trọng bệnh. Theo thần tích “*Cô Tám đòi chè*”, vào thời vua Lê Thái Tổ dấy binh khởi nghĩa, trong hàng Tứ phủ thánh cô, một vị tiên cô đã giáng trần, hóa thân vào thiếu nữ Mường đi trồng, hái chè tại vùng Phong Mục, Hà Trung, Thanh Hóa. Cô tích cực tham gia vào cuộc chiến vệ quốc thần thánh của vua Lê Thái Tổ, quét sạch quân xâm lược nhà Minh. Sau khi thác hóa về trời, dân chúng ghi công cô, lập đền thờ, trấn giữ một bên bến Đò Lèn, Phong Mục. Sinh thời, cô là cô gái duyên dáng, xinh đẹp, tần tảo, nết na. Cô cần mẫn hái chè xanh làm dược liệu chữa bệnh cho dân chúng và các nghĩa sĩ. Dân gian quý trọng, tôn hiệu “*Cô Tám*” lập đền thờ phụng và đưa vào diễn xướng tín ngưỡng dân gian. Dù là truyền thuyết, thần tích nhưng chúng đầy tính thuyết phục bởi tính chính xác về địa điểm, cụ thể thời gian, không gian mà ít khi truyền thuyết có được. Đền thờ chính của Cô Tám là đền Cô Tám Đòi Chè, tọa lạc trong Khu du lịch tâm linh Hàn Sơn thuộc đất Phong Mục, Hà Trung, Thanh Hóa. Ngoài ra Cô Tám còn được phối thờ ở một số đền. Đã thành lệ, cứ mỗi độ xuân về những người hành nghề chè, từ người trồng chè tới người buôn bán, doanh nghiệp chè, lại ghé thăm đền cô Tám với mong cầu một năm tài lộc, sức khỏe, bình an, công việc hanh thông, may mắn và hạnh phúc. Bài văn khấn Cô Tám Đòi Chè [1]:



**Giá đồng “Cô Tám Đòi Chè”**

*Trên Ba Bông dưới lại Thác Hàn  
Ai lên Phong Mục lại sang đòi chè  
Đền thờ trưởng rủ màn che  
Có Tiên Cô Tám hái chè trên non  
Lắng nghe chim hót véo von  
Có Tiên Cô Tám hái chè non trên ngàn  
Lá chè làm thuốc làm thang  
Búp chè trị bệnh trần gian cô cứu người  
Khô cần cô lại cho tươi  
Tay cô vun xới cho đời nở hoa*

Thần tích “*Cô Tám đòi chè*”, một sự kiện tiềm năng phát triển Du lịch tâm linh trà Việt và nếu biết liên kết với các di tích về khởi nghĩa Lam Sơn sẽ có ý nghĩa giáo dục lịch sử to lớn cho lớp trẻ và thu hút du khách thập phương về lễ hội.

▪ **Du lịch mạo hiểm trà**: Rừng trà Shan tuyết cổ thụ hoang dã là môi trường không thể lý tưởng hơn cho du lịch mạo hiểm trà Việt và là thế mạnh

vượt trội mà thiên nhiên ban tặng cho trà Việt. Đây là loại hình du lịch rất được ưa chuộng trên thế giới. Bài học du lịch mạo hiểm ở hang Sơn đòng Quảng Bình được du khách thế giới nô nức đăng ký trước cả năm trời hoàn toàn có thể áp dụng với những kho báu trà cổ thụ ngàn năm tuổi trên dãy Hoàng Liên Sơn mái nhà Đông Dương (3147m). Tour du lịch mạo hiểm trà tự phát đầu tiên đã từng diễn ra vào năm 2003, khi “*người rừng*” Trần Ngọc Lâm đưa chàng kỹ sư Nhật Mustaki, con rể nhà đại công thương Sony tiếng tăm tới đây. Vì si mê chè, Mustaki đã may mắn là người ngoại quốc đầu tiên được “*người rừng*” dẫn thăm rừng chè Shan cổ thụ hoang dã Hoàng Liên Sơn. Bàn hoàng trước rừng trà Shan Tuyết hoang dã có một không hai này, Mustaki đã quyết định dừng chân

hạ trại, chiêm ngưỡng rừng chè suốt cả tuần. Mustaki chấp nhận đêm lên hang ngủ, ngày xuống trèo cây hái trà Shan Tuyết cổ thụ, thưởng thức, cảm thụ hương vị lạ lẫm, tuyệt vời của loại chè Shan Tuyết nguyên bản trên nóc nhà Đông Dương. Con đường huyền thoại qua rừng trà Shan cổ thụ dẫn lên ngọn núi Ngũ Chỉ Sơn dựng đứng ở độ cao 3000 m so với mực nước biển thêm huyền hoặc, bởi khi xưa kia đoạn đường hiểm trở không dấu chân người này từng được thổ phỉ dùng vận chuyển thuốc phiện... song không một ai biết đến mỏ “*vàng xanh*” vô giá này. Kết thúc chuyến du lịch mạo hiểm, chàng trai Nhật thốt lên tiếc rẻ: “*Nếu rừng trà Shan Tuyết cổ thụ này ở Nhật, sẽ tạo ra tiền tỉ USD*”, một nhận xét khiến du lịch trà Việt phải giật mình, suy ngẫm! Không gian cho du lịch mạo hiểm trà Việt vô cùng hấp dẫn với những cánh rừng trà Shan cổ thụ nguyên sơ hoang dã cheo leo trên vách núi cao đầy chất mạo hiểm. Đường lên những cây đại lão Shan trà luôn thách thức, thoả mãn sự tò mò, mới lạ cho những ai thích mạo hiểm, khám phá.

## **2.2. Du lịch Cảnh quan - Nghỉ dưỡng:**

Đã có một vài Resort nghỉ dưỡng trà ra đời, song chưa khai thác hết tiềm năng tiềm tàng của loại hình du lịch trà Việt này. Du lịch Cảnh quan Nghỉ dưỡng phối hợp: Spa trà, Ẩm thực trà - Chữa bệnh trà thành những Combo tùy chọn là các sản phẩm được du khách ưa thích cần được nhân rộng.

Tour “*Du lịch qua những vùng trà – Tìm hiểu nghệ thuật gôm trà Việt*” lại cho du khách những cung bậc cảm hứng khác không kém phần hấp dẫn. Nhiều vùng cảnh quan trà trác tuyệt như: Long Cốc Phú Thọ, Thanh Chương Nghệ An, Mộc Châu Sơn La, Linh Sơn Lào Cai là những danh thắng kỳ ảo, tiềm năng cho du lịch trà Việt cần được ngành du lịch định hướng phát triển.

Du lịch Cảnh quan - Nghỉ dưỡng – Trị liệu trà là một thể mạnh khác từ nguồn tài nguyên trà Việt vô tận. Mẫu trà Shan Tuyết cổ thụ Hoàng Liên Sơn đã được mang về Hà Nội phân tích chất lượng, kết quả cho thấy: Lượng Tanin 9,25%, chất hòa tan 22,13%, catechin 98 mg/g, đạm 2,16%, cafein 1,75%. Các chỉ số khoa học tốt cho sức khỏe đều vượt trội và giới chuyên gia trà đưa ra

khẳng định: “*Đây là rừng trà Shan cổ thụ quý hiếm nhất Việt Nam và đến nay chưa từng được khai thác!*”. Ngài Matsuo, Chủ tịch Hiệp hội Âm thực Nhật - Việt (JVGA), nhận xét về trà Shan Tuyết cổ thụ Việt Nam: “*Trà Shan cổ thụ Việt rất giá trị, bởi đây là giống trà nguyên bản, phát triển tự nhiên nên đảm bảo sạch, an toàn, tốt cho sức khỏe. Người làm trà chỉ cần minh bạch vùng nguyên liệu, đã đủ chứng minh đẳng cấp và giá trị trà rồi*” [1]. Xu hướng tìm về lối sống gần gũi với thiên nhiên, rất phù hợp với du lịch trà nói chung và du lịch Nghi dưỡng – Trị liệu trà nói riêng. Công năng giữ gìn bảo vệ sức khỏe đã được giới y học và cả thế giới thừa nhận, đó cũng chính tiềm năng tiềm tàng mà loại hình du lịch Cảnh quan - Nghi dưỡng – Trị liệu trà còn bỏ ngỏ trên xứ sở quê hương trà – Việt Nam.

▪ **DA khu Du lịch Linh Sơn Tp.Lào Cai:** DA “Quần thể Văn hóa - Du lịch Tâm Trà” (QTVH- DL Tâm trà) đang được Tổng công ty Linh Dương đầu xây dựng, tọa lạc ngay trong Tp. Lào Cai, một khung cảnh “*Rừng trong Phố*” hết sức lạ lẫm. Xét về mặt phong thủy, đây là vùng đất địa linh - sinh tài - phát lộc, có vị trí đắc địa thuận lợi thủy - bộ, tứ xứ dẫn tài lộc về từ các trục giao thông trọng yếu bao quanh: Cao tốc và đường sắt Hà Nội - Lào Cai; Đường bộ xuyên quốc gia Côn Minh - Lào Cai; Đường thủy theo sông Hồng về xuôi. “*Quần thể Văn hóa - Du lịch Tâm Trà*” không chỉ giúp du khách được thưởng lãm vẻ đẹp thiên nhiên hùng vĩ, khí hậu ôn hòa dễ chịu, không gian yên tĩnh thanh bình mà còn được trải nghiệm, tìm hiểu văn hóa trà độc đáo Việt Nam đậm tính nhân văn, cái nôi phát sinh nền văn minh trà thế giới.

Trên đỉnh một đồi trà, chiếc ấm trà khổng lồ kết từ hàng ngàn châu hoa rực rỡ được thay đổi theo mùa rất bắt mắt, sẽ là biểu tượng, điểm check-in hấp dẫn cho những ai có thú chụp

Selfi- Tự sướng. Vòng đai bao quanh quảng trường là khu Trung tâm thương mại hân hoan đón, tiễn khách với những sản phẩm đầy ắp hương vị đại ngàn. 2 nếp nhà truyền thống vùng Tây Bắc nép mình trong sườn núi: một nếp nhà trình tường kiểu người Dao trưng bày các sản phẩm trà đặc sản của công ty như: Trà xanh Fansipan, Tâm trà ô long, hồng Tâm trà, bạch trà v.v... và không thể thiếu các loại trà dược thảo mộc, mỹ phẩm từ trà. Kề bên là nếp nhà xếp đá tiêu biểu của dân tộc Mông đầy ắp lâm thổ sản địa phương: nếp nướng Tú Lệ, rượu men Sán lũng, rượu táo mèo, rượu ngô Bắc Hà và các loại lâm thổ sản bản địa của vùng đại ngàn Hoàng Liên Sơn kì bí.

Trên không gian rộng lớn khoảng 10.000 m<sup>2</sup>, hàng loạt hạng mục tôn vinh và bảo tồn văn hóa trà sử 5000 năm của người Việt. Điểm nhấn ở nơi này là tòa tháp “Bảo tàng trà” bát giác khổng lồ mô phỏng một chiếc ấm Quy (ấm Rùa) Thổ Hà cao 25 m, đường kính 20 m, tọa lạc trên đỉnh đồi Trúc, với lối kiến trúc bán lộ thiên độc đáo. Nơi đây sẽ trưng bày, phục dựng, bảo tồn bộ sưu tập gốm trà Việt xuyên thế

ki, tranh ảnh, thư pháp, thơ văn liên quan tới văn hóa trà Việt. Bảo tàng bảo tồn lối ẩm trà truyền thống của các tộc dân Bách Việt trong quá vãng lịch sử. Phòng chiếu phim mini, “Bảo tàng số hoá” giúp du khách có thể tìm hiểu tường tận về lịch sử cây chè phát tích từ Việt Nam. Tầng hầm tòa tháp bảo tàng có địa đạo dẫn xuống hang Con Moong (phục dựng theo nguyên mẫu ở Thanh Hóa), nơi trưng bày quả trà 13.200 năm, ẩm trà Xích Quỷ, Văn Lang (bản phục chế) trong thời cổ sử Việt. Dưới chân Đồi Trúc là vườn trà kỳ hoa dị thảo, trà được bao quanh hồ sen ngan ngát hương. Bồng bênh trên mặt hồ là tòa “Kim Trà Các” rực rỡ vàng son la đà soi bóng. Đây là khu tái hiện một thời vàng son của văn hóa trà cung đình Việt, nơi trình diễn nghệ thuật pha trà, thưởng trà cao sang theo phong cách “Trà Nô” độc đáo riêng có của trà Việt. Trong “Kim trà các” đặt thất thờ Tổ Trà Nô Việt - Đức Tĩnh Đô Vương Trịnh Sâm, người khởi xướng triết lí “Trà Nô”, cung cách thưởng trà độc nhất vô nhị của người Việt vào cuối thế kỉ XVIII.

Những ai yêu thích văn hóa truyền thống sẽ không thể không ghé thăm “Làng nghề trà” cổ truyền, nơi tái hiện không gian chế biến chè theo phương pháp dân gian truyền thống, với một số công nghệ xa xưa mà nay đã vắng bóng: vò chè bằng chân, sao chè bằng tay trực tiếp trên bếp đồ lửa, lấy hương trên chảo đồng v.v... Tham gia tour “*Tôi là nghệ nhân trà*” tự mình đi hái chè, vò, sao chè làm quà lưu niệm cho riêng mình, một thú vui du khách không thể bỏ qua. Thả mình trong khung cảnh làng xã Việt Nam, du khách được trải nghiệm nấu trà tươi, trà đậm theo gu các vùng miền và cùng tham gia “Hội uống trà tươi” vùng đồng bằng Bắc Bộ. Bên lửa trại thưởng thức trà đậm, trà đựng đưa, trà nướng, trà lam của các cư dân miền Tây Bắc.

Khu Văn hóa tâm Linh - Cái hồn của QTVHDL Tâm Trà tập trung trên đồi thiêng Linh Sơn nơi tọa lạc hai tòa Phương Đình Linh Sơn 1 và Linh Sơn 2 tạo thế “*ỷ dốc*” tương hỗ giữa tâm linh và thế tục. Phương Đình Linh Sơn 1: Khu hành lễ “Ban trà” cho quan khách thụ lộc trà từ Thủy tổ trà Thần Nông. Phương Đình Linh Sơn 2: Ban thờ “Thủy tổ trà” Thần Nông, của Việt tộc, nơi hành lễ “*Dâng trà*” và phối thờ với Tiên trà núi Linh Sơn.

Khu lưu trú nghỉ dưỡng cho du khách: Trên đỉnh một đồi chè xanh mướt nơi tọa lạc khách sạn 50 phòng gồm 10 nhà sàn với đầy đủ tiện nghi đẳng cấp 5 sao chào đón viễn khách muốn hòa mình vào thiên nhiên tới nghỉ dưỡng. Với những ai thích trải nghiệm du lịch cộng đồng, đã có Khu nhà chòi, Bulgalo lưu trú theo nhóm bạn từ 5 đến 10 người. 10 villa “Biệt thự trà” tiện nghi 5 sao là nơi dành riêng cho khách VIP, những người cần không khí riêng tư, lãng mạn, thân thiện môi trường. Những “Biệt thự trà” ẩn mình trong rừng trúc hoặc trên đỉnh các đồi chè biệt lập. Chủ nhân các “Biệt thự trà” được mời tiệc ẩm thực trà - thực dưỡng hấp dẫn, sang trọng và tiệc trà sáng đón bình minh, tiệc trà chiều chào hoàng hôn tại “Kim các trà” với những danh trà thượng phẩm độc đáo. Tất nhiên không thể thiếu vắng tiệc trà nghinh trăng trong những đêm tròn trăng

đầy lãng mạn cùng thưởng chè sen ướp sỏi trong ấm bạc, chén vàng kiêu sa trên du thuyền!

▪ **Khu resort Không gian văn hoá Suối Giàng:** Nằm ở độ cao gần 1.400m trên mặt nước biển Suối Giàng - Văn Chấn - Yên Bái mát mẻ quanh năm. Một ngày có cả 4 mùa hiện diện ở Suối Giàng: Ban đêm tiết Đông se lạnh; Sáng sớm thung lũng mây bông bồng bênh mang Thu về trải mênh mông trên các bản làng; Trưa Hè trời trong xanh, lồng gió; Chiều về dải lụa nắng vàng mượt mà khắp các sườn đồi và tiết Xuân bung nở kỳ hoa dị thảo khắp khu resort. Tuy nhiên, bấy nhiêu chưa đủ để nói về Suối Giàng. Thứ trân quý nhất được gìn giữ từ ngàn năm là "vương quốc chè cổ thụ". Khi bình minh ló dạng, hãy lên sân "*săn mây - thưởng trà*" dùng bữa điểm tâm cùng bạn tri kỷ. thưởng "*Tứ đại danh trà Suối Giàng*" mà tiếng thơm đồn xa làm nóng những trang tạp chí eMagazine quốc tế, loại trà là quà Chính phủ tặng các nguyên thủ quốc gia, khách VIP. Suốt ngày du khách bận bịu với chuỗi hoạt động khám phá rừng trà Shan cổ thụ, 4,5ha, với khoảng 500 gốc chè trên đỉnh Suối Giàng, thăm cây trà tổ 300 năm, "Bản làng hạnh phúc - Nahi Village", "Làng trà-cắm trại, ẩm thực trà" hết sức độc đáo. Đến Suối Giàng mà chưa biết chè "5 cực" kể như đã uống hết công phu lặn lội tới "công trời" nên du khách phải dành thời gian tới địa điểm hấp dẫn này.

Trong không gian đêm, các fan mến mộ trà được nghe kể về về tích: Lễ cúng cây trà Tổ; khi hái trà và ẩm trà bên "bếp trà xếp đá" bập bùng khói lửa kỳ ảo, đặc hữu của Mông tộc không tìm thấy ở bất kỳ nơi đâu rồi về thả mình chìm trong giấc ngủ ở homestay 4.0 do những chàng trai Mông xây dựng thực sự cho những cung bậc cảm xúc khó quên.

▪ **Khu Nghỉ dưỡng du lịch trà Doi Dep Tea Resort & Spa Bảo Lộc:** Đến Bảo Lộc - "Thủ phủ trà Việt", viễn khách không thể bỏ qua điểm check-in độc đáo: Khu nghỉ dưỡng Trà - Doi Dep Tea Resort & Spa, quy mô bậc nhất Việt Nam. Nằm giữa lòng thành phố Bảo Lộc - trung tâm tỉnh Lâm Đồng, Doi Dep Tea Resort mang đến trải nghiệm hoàn toàn khác biệt với bất kỳ khu nghỉ dưỡng nào khác ở Việt Nam. "Không thể thiếu nhau", Slogan lạ lẫm như một lời hò hẹn gắn kết cảm xúc của Doi Dep Tea Resort với du khách, thăng hoa tình thương yêu trong gia đình giữa vợ với chồng, con cái, thêm nồng ấm và tình bạn bè tri âm, tri kỉ. Với cảnh quan vô cùng lãng mạn ngoạn mục, đủ mọi dịch vụ giải trí: thác nước, hồ bơi, bể tắm bùn, khu Spa thư giãn, tắm thảo mộc... Điểm nhấn khác biệt nơi đây tập trung ở "Khu trà thất - Tea House". Vào đây, viễn khách về với không gian thanh tịnh an bình và thỏa sức trải nghiệm nghệ thuật thưởng trà Việt đầy cảm xúc. Trong nhịp sống chậm lại, ngan ngát hương trà... thưởng một chén trà Ô long Bảo Lộc, gọi về sự an nhiên của tâm hồn. Trên nền nhạc êm dịu du dương, nghe tiếng suối róc rách reo... ta tưởng như lạc chốn bồng lai, rũ bỏ hết phiền muộn cuộc đời như trà sĩ Tuệ Tĩnh đã có lần dạy: "Trà



thanh tâm, giải nhiệt - uống một bát vụn nổi u sầu tan biến!”. Những ai có “tâm hồn ăn uống”, hoàn toàn có thể thỏa mãn tận hưởng thú Thực trà (món ăn nấu từ trà) trong nhà hàng. No nê rồi, mời các “thượng đế” sang mua sắm tại “Showroom - Gian hàng trưng bày” các loại trà đẳng cấp nhất... Khu nghỉ dưỡng nằm giữa những đồi chè xanh ngát, bạn có thể thư thái thả bộ trong khuôn viên dạo quanh những nếp nhà sàn khu nghỉ dưỡng “Trà Ô Long” dành cho khách VIP. Nơi đây được thiết kế độc đáo bằng chất liệu thảm đầm hồn Việt, thân thiện môi trường: nhà tre. Khu Vila VIP nằm biệt lập, dành trọn không gian riêng tư cho những cặp đôi uyên ương mở lòng “ríu rít” bên nhau. Mỗi căn villa chỉ 50 m<sup>2</sup>, thiết kế theo gu mỹ thuật tối giản, tạo nên một không gian ấm áp, độc lạ đầy chất sáng tạo. Vật dụng thường nhật gần gũi nhưng hiện đại, hết sức tiện nghi mang đến cho du khách những giây phút nghỉ ngơi, thư giãn không thể thoải mái, kì thú hơn... Dịch vụ tắm bùn, ngâm trà, dược liệu ngay tại phòng luôn sẵn sàng chào đón khách quý. Khi trời se se lạnh, cảm giác sáng khoái thư giãn vô cùng khi được thả mình ngâm trong bồn nước trà thảo dược ấm áp, ngan ngát hương cỏ cây tưởng không còn gì thú vị hơn! Nước tắm trà thảo dược tại Tea Resort được kết hợp từ lá trà với nhiều loại thảo mộc, cánh hoa tươi theo những công thức gia truyền giúp phục hồi sức khỏe nhanh chóng... Tắm trà không chỉ giúp thư giãn cơ thể, tẩy bỏ lớp tế bào chết, “uớp hương cơ thể”, cho làn da mịn màng, tươi mát mà trên hết là giữ cho tâm hồn thanh tịnh.

**Du lịch thương mại trà:** Ngành trà Việt đang thụ động, “dựa” vào cái bóng của các cường quốc trà khác khi chưa phát triển thị trường Du lịch thương mại trà sôi động cho riêng mình. Ngành công nghiệp du lịch trà này chẳng những nâng doanh thu cho du lịch mà còn là nền tảng, bệ phóng cho thương mại trà Việt Nam bứt phá. Cho tới nay, chưa có nổi một cuộc hội thảo văn hoá trà tầm quốc tế, cũng như giải thi trà quốc tế nào xứng tầm với những gì mà nền văn hoá trà Việt đang ở hữu. Tiền nhân có câu: “*Chuông có đánh mới kêu, đường có đi mới đến*”, bởi vậy *Hội chợ - Festival trà quốc tế*, tiền đề tiến tới *Sàn thương mại trà* là những bước đi phải được ưu tiên mà cơ quan hữu quan, doanh nghiệp trà đầu đàn cần sớm khởi sự. Có vậy, mới tạo cơ hội cho nhiều phẩm trà Việt thi thố, vươn tầm thế giới. Từ 2018 đến 2023, trà Việt đã đoạt 12 giải thế giới với 4 giải vàng, 4 giải bạc và nhiều giải khác ở nước ngoài nay có thể đăng quan ngay tại Việt Nam.

Du lịch thương mại trà Việt rất cần những cuộc thi về trà để kích cầu thị trường cho cả hai ngành du lịch và kinh doanh trà. Đã xuất hiện những tín hiệu tốt trong lĩnh vực này như cuộc đấu giá trà mới đây ở Thái Nguyên. Từ các sản phẩm trà đoạt giải tại Hội thi “Bàn tay vàng chế biến chè”, Ban Tổ chức *Lễ hội Trà Đại Từ* lần đầu tiên tiến hành phiên đấu giá. giá sản phẩm trà nhằm tôn vinh, phát triển thương hiệu trà của huyện. 2 sản phẩm trà đoạt giải Nhì của

HTX chè Tuất Thoi và HTX chè Hoàng Nông đấu giá lần lượt đạt 48 triệu đồng/kg và 45 triệu đồng/kg. Tuy kết quả rất khả quan, song tiếc rằng đây mới là sự kiện tự phát cấp huyện.

Điều này cho thấy vai trò “Nhạc trưởng” điều phối liên ngành cấp quốc gia đang vô cùng cấp thiết để khai thác những tiềm năng sẵn có nhằm phát triển du lịch – thương mại trà.

### **2.3. Thế mạnh của Du lịch trà vùng Đông Bắc Việt Nam**

Vùng Đông Bắc có đỉnh Chiêu Lầu Thi (chín tầng thang/tiếng Dao), đỉnh Tây Côn Lĩnh là nhữn kỳ quan trà Shan cổ thụ hoang dã Việt Nam, nguồn tài nguyên trời ban cho du lịch trà Việt. Hà Giang có thể coi là thủ phủ trà Shan cổ thụ Việt Nam với rừng trà cổ nhiều triệu cây hàng trăm năm, thậm trí ngàn năm tuổi. Thực sự là kho báu, mỏ vàng xanh cho ngành trà và du lịch văn hoá trà khai thác. Nơi đây có những loại trà bản địa Shan tiên – trà móng rồng quý hiếm không dễ tìm thấy ở những vùng trà khác. Mặt khác, Hà Giang từng là quê hương của trà bánh cổ Việt và còn lưu giữ được nhiều phẩm trà từ thời xa xưa như trà chi, trà chít cái hồn của trà Việt cổ.

#### *2.3.1. Quê hương của trà bánh cổ Việt Nam:*

Phẩm chè bánh được Việt tộc chế biến từ xa xưa. Tài liệu thành văn của Trương Quảng ghi nhận kĩ thuật đóng chè bánh lâu đời của người Bách Việt vùng Lĩnh Nam có từ thế kỉ III: “Hái lá làm bánh, lá chè già xát bột gạo ép ra” [12]. Sách Đại Nam nhất thống chí chép: “Làng Văn Trai (huyện Tĩnh Gia) có nghề giã chè, đúc lại thành bánh đem bán đi nhiều nơi...” [1]. Cách chế biến trà bánh này còn được bảo lưu trong cách làm chè Chi của người Mường: “chế biến từ chè mạn bằng cách hấp nước sôi trong trổ cho mềm chè. Sau đó chè được trộn hồ bột nếp vào làm chất keo dính rồi đổ vào khuôn có lót vải và ép thành bánh tròn. Các bánh chè đường kính 20 cm, dày khoảng 1 - 2 cm được mang phơi nắng, sấy khô. Bánh chè được gói bằng mo cau, rồi đóng thành cối chè. Mỗi cối gồm sáu bánh chè. Các cối chè cho vào đọ tre để mang đi bán, vận chuyển bằng thuyền bè xuôi ngược sông Hồng và bán ở Hà thành” [10]. Tài liệu Sơ lược lịch sử trà Việt Nam cũng đề cập tới cách chế biến truyền thống này: “Chè mạn Hà Giang vò, lên men nhẹ, phơi nắng, gác bếp hoặc đóng thành bánh”. Không chỉ tài liệu văn bản, sách Kĩ thuật của người An Nam của Henri Oger (Technique du pueuple Annamite 1908 - 1909) còn cung cấp cho hậu thế hình ảnh tư liệu sống động qua bức kí họa “Đóng khuôn chè bánh”. Trước thập niên 1950, những trà Mạn Hảo bánh hiệu Thanh Lợi cuối cùng còn được một tiệm trà phố Hàng Chĩnh, khu 36 phố cổ Hà Nội sản xuất. Việc phát hiện ra dòng trà bánh Biên giới của Việt Nam qua thương phẩm trà bánh Tonkin (tên gọi Bắc Việt Nam ở TK XIX) ghi rõ dùng nguyên liệu từ vùng chè Shan cổ thụ ở huyện Bắc Quang - Hà Giang là những bằng chứng hùng hồn khẳng định đây là vùng sản xuất chè

bánh cỗ của Việt Nam... Đáng tiếc, công nghệ làm ra trà bánh Việt đã thất truyền.... Những cứ liệu trên xác nhận một sự thật hiển nhiên rằng: “Chè đóng bánh từng là phẩm trà truyền thống lâu đời của Việt tộc!” và vùng chè Đông Bắc Hà Giang từng là cái nôi của trà Bánh Việt Nam. Hiện các doanh nghiệp trà ở Hà Giang như HTX Phìn Hồ; Bashtea; Công ty TNHH Thành Sơn; Công ty trà Hùng Cường đã lần lượt cho ra lò những phẩm trà bánh chất lượng đủ sức cạnh tranh sòng phẳng với loại trà bánh Phổ Nhĩ đình đám từng chiếm lĩnh tuyệt đối thị trường trà bánh ở Việt Nam. Đặc biệt, xưởng trà bánh Phìn Hồ còn có công nghệ chế tác trà bánh chân dung độc đáo, phẩm trà vừa mang tính kinh tế cao lại là những tá phẩm nghệ thuật không thể mỹ mãn hơn đối với giới mến mộ trà. Bánh trà chân dung độc lạ, đã là cảm hứng cho nhiều du khách đặt hàng, một thú chơi riêng của vương trà Đông Bắc Việt Nam. Phẩm trà “Bà cụ” đạt một trong hai giải OCOOP 5 sao duy nhất của Việt Nam là điểm nhấn về chất lượng trà vùng Đông Bắc cần quảng bá rộng rãi hơn nữa.

Quê hương trà bánh Việt là một điểm cộng cho Du lịch trà ở Hà Giang hấp dẫn giới hâm mộ trà tìm đến du ngoạn và săn lùng trà bánh sống lưu trữ như một kênh đầu tư mới.

### 2.3.2. *Đặc sản trà móng rồng, báu vật quý hiếm từ đại ngàn*

Nếu muốn “săn” được chè Shan móng rồng thì lại khác, duy nhất chỉ có cách tìm về Lũng Táo và Tham Lè mới hi vọng tìm thấy bóng dáng chúng. Đây chính là 2 thôn “trạm gác” nhân dân, bảo vệ cánh rừng trên đỉnh núi SaPo trên độ cao 2.400 m so với mực nước biển. Trà móng rồng có tên khoa học là *Camellia Crassicumma*. Dân gian vẫn coi đó là một giống chè cực quý hiếm, được vinh danh từ xa xưa. Theo giới sành trà, ưu điểm nổi bật nhất của trà móng rồng là hương. Mỗi dòng trà móng rồng, mỗi lượt nước pha, lại toát ra dải hương đa dạng đầy quyến rũ. Trà móng rồng tím, trội hương hoa hồng, móng rồng trắng có hương hoa lan nổi trội, các dòng móng rồng xanh, đỏ... lại thấy cả mùi thơm hoa quả chín, thậm chí cả mùi trầm hương quý phái kiêu sa. Chuyên gia lão luyện nghề trà Đài Loan nhiều năm lặn lội, âm thầm săn tìm trà hiếm ở vùng Hoàng Su Phì từng bật mí: “Tôi tìm thấy trà móng rồng ở Hà Giang, đúng với những gì thần trà Lục Vũ mô tả trong sách Trà kinh từ 1300 năm trước. Quả thực Việt Nam đang cất giữ một báu vật, trà móng rồng xứng đáng là một bảo vật quốc gia”. Dân bản địa nơi đây khẳng định “Chỉ ở trên cao gần đỉnh núi SaPo nơi sương mù dày đặc, đá khối lớn, mới có loại chè móng rồng sinh trưởng tự nhiên, mật độ khá dày. Lá chè Shan móng rồng to và dày hơn lá chè Shan Tuyết. Búp chồi nảy ra từ thân và cành, những búp chè cỡ bằng hạt đậu đen, có búp to bằng hạt lạc...”. Hiện giá trị trà móng rồng đắt gấp 2-3 lần trà Shan tuyết cổ thụ, hành trình săn lùng chúng vô cùng gian nan, tạo cảm hứng cho giới mê trà săn sàng theo những tour du lịch mạo hiểm cùng HDV chỉ có thể là dân bản địa.

### 2.3.3. Bức tường trà độc đáo

Hà Giang - Vùng trà Đông Bắc còn lập kỉ lục bởi căn nhà có bức tường “gạch trà” tạo tác từ 2 tấn trà Shan tuyết cổ thụ hoang dã. Vừa bước qua cổng ngôi nhà trà tọa lạc giữa trung tâm thành phố Hà Giang, gặp ngay hương trà lan tỏa khắp nơi. Bức tường này xây từ 5.334 viên gạch trà (375g/viên). Chúng được ép bánh từ búp những lão Shan Tuyết cổ thụ có tuổi đời trung bình 300 năm. Hãn hữu có những viên gạch trà ép từ búp của cây đại lão trà 700 năm tuổi. Chúng được ứng dụng công nghệ sấy lạnh hiện tại, giữ lưu hương, bền sắc và lên men từ từ, dần chuyển hóa thành dược trà, là loại thuốc quý hiếm của đồng bào Dao, Mông và nhiều dân tộc thiểu số khác và được họ hết sức trân quý. Ngôi nhà trà độc đáo này nằm trong khuôn viên khu “Homestay Maison Tea - house Bungalow” thuộc Công ty TNHH Thành Sơn. Ý tưởng thiết kế Ngôi nhà trà và bắt đầu triển khai ngay từ năm 2015 và 3 năm mới hoàn thành mở cửa đón khách tham quan và thưởng thức trà (2018). Du khách tới thăm đúng vụ sẽ hữu duyên được trực tiếp tham gia vào quá trình đóng bánh trà ở xưởng sản xuất ngay cạnh Ngôi nhà trà - Tea house. Điểm nhấn của ngôi nhà tập trung ở bức tường trà và 3 bánh trà: Phúc - Lộc - Thọ sản xuất từ năm 2015, với kích thước khung lò: đường kính bánh trà 0,69 m, nặng 12 kg/bánh, và có giá 150 triệu đồng/bánh. Thông điệp của ngôi nhà trà muốn giới thiệu về trà bánh cổ thụ Việt Nam có thể tàng trữ lâu năm, vừa là thú chơi tao nhã cho người yêu trà, lại vừa có giá trị đầu tư tài chính. Một thông điệp hết sức thú vị tôn vinh giá trị trà bánh Việt!

## KẾT LUẬN

Một vòng du ngoạn văn hoá trà Việt đã cho ta thấy tiềm năng to lớn của ngành du lịch trà Việt Nam. Để khai thác tốt tiềm năng này cho vùng trà Đông Bắc, cần tập trung khai thác triệt để thế mạnh từ đặc sản trà móng rồng quý hiếm, du lịch mạo hiểm lên rừng trà Sapo, đỉnh Chiêu Lầu Thi, đỉnh Tây Côn Lĩnh huyền bí. Quê hương của trà bánh một ưu thế vượt trội của vùng trà Đông Bắc cần được ưu tiên quảng bá tạo kênh du lịch riêng cuốn hút du khách. Mặt khác tham quan học hỏi các mô hình du lịch từ vùng trà Tây Bắc là rất hữu ích để mở rộng khai thác hiệu quả nhất nguồn tài nguyên văn hoá trà của ông cha. Vùng trà Đông Bắc – Hà Giang với nhiều phẩm trà danh tiếng, nhiều doanh nghiệp đầu đàn, nơi “đất lành” rất thích hợp trở thành thủ phủ trà Shan tuyết cổ thụ hoang dã để mở *Hội chợ thương mại trà - Sàn giao dịch trà quốc tế* tạo bệ phóng cho ngành trà và du lịch trà Việt cất cánh.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Văn Minh trà Việt / Trịnh Quang Dũng / NXB PNVN/ 2024
- [2] Hành trình tìm về cội nguồn, Hà Văn Thùy, NXB Văn học, 2008.
- [3] Hương Trà / Đỗ Trọng Huê / NXB Hoa Lư 1968.
- [4] *Trà Kinh* / Vũ Thế Ngọc / NXB Văn nghệ 2006.

- [5] Văn hóa Hòa Bình ở Việt nam/UBKHXH-Viện Khảo cổ 1989
- [6] Cây Chè miền Bắc Việt Nam/K.M. Djemukhatze NXB Nông nghiệp 1981
- [7] Kinh tế tiêu dùng và đồ uống/Hiệp hội Chè Việt nam số 95&96 tháng 10+11/2009
- [8] Ẩm thực dân gian Hà nội / Nguyễn Thị Bảy/NXB Chính trị Quốc gia 2009
- [9] Con đường trà Việt/Phim truyền hình/Báo Sài gòn Tiếp thị 2011
- [10] *Khoa học văn hóa Trà thế giới và Việt Nam*, Đỗ Ngọc Quỳ, NXB Nông nghiệp, 2008.
- [11] Đại Việt sử ký toàn thư /NCQB- Chính hòa 18 (1697), NXB Khoa học xã hội, 1993
- [12] Văn hóa Bách Việt vùng Lĩnh Nam trong quan hệ với văn hóa truyền thống ở Việt Nam, Nguyễn Ngọc Thơ, Luận văn tiến sĩ - ĐHKHXHNV, 2011

# PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA CỘNG ĐỒNG PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH TẠI CÁC VÙNG CHÈ Ở TIỂU VÙNG ĐÔNG BẮC

**PGS.TS Bùi Thanh Thủy**

*Trưởng Khoa Du lịch, Đại học Văn hóa Hà Nội*

## **Tóm tắt:**

Tiểu vùng Đông Bắc là vùng lãnh thổ thuộc một trong ba tiểu vùng địa lý tự nhiên của Bắc Bộ Việt Nam (Tây Bắc, Đông Bắc và Đồng bằng sông Hồng). Với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu phù hợp, tiểu vùng này là khu vực thích ứng bậc nhất cho cây chè sinh trưởng, trở thành vùng trọng điểm của cả nước trồng và sản xuất chè. Trong đó có bốn địa phương có tổng diện tích chè trồng và sản xuất chè lớn nhất cả nước; nhiều thương hiệu chè đã được khẳng định, nổi tiếng trong nước và thế giới. Tiểu vùng còn là một trong những khu vực có địa hình đa dạng và phong cảnh thiên nhiên đẹp nhất Việt Nam. Hệ thống trùng điệp của vách núi, triền đồi, ôm ấp xung quanh bởi những cánh rừng, ruộng bậc thang, vườn đồi, thung, khe và nhờ phát triển cây chè đã tạo nên một bức tranh cảnh quan tự nhiên kỳ tú, xanh mát, giúp nhiều địa phương trở thành những điểm đến du lịch hấp dẫn của du khách. Đây cũng là nơi tập trung sinh sống của nhiều cộng đồng dân tộc ít người mang các sắc màu văn hoá khác nhau, đa dạng về bản sắc và cá tính độc đáo. Để phát huy lợi thế của các vùng chè trong việc phát triển trở thành những điểm đến du lịch, đóng góp ngày càng nhiều giá trị kinh tế, cải thiện an sinh xã hội, nâng cao đời sống người dân, vừa quảng bá sản phẩm chè cần rất nhiều yếu tố, trong đó có vấn đề kết hợp khai thác phát huy các giá trị văn hoá cộng đồng một cách bài bản, có chọn lọc và tính toán. Bài viết này góp phần định rõ những vấn đề liên quan đến việc khai thác phát huy hiệu quả giá trị văn hoá cộng đồng, nhằm hiện thực hoá mục tiêu phát triển du lịch trong hiện tại và tương lai của vùng chè ở mỗi địa phương, cũng như toàn vùng Đông Bắc.

**Từ khoá:** *Vùng chè, Đông Bắc; giá trị văn hoá; phát triển du lịch*

## **1. Tiểu vùng Đông Bắc nơi tập trung các vùng chè nổi tiếng của cả nước dưới góc nhìn du lịch**

Tiểu vùng Đông Bắc, vùng đất của núi đá, triền đồi, rừng xanh, sắc màu văn hoá đa dạng, từng là căn cứ địa lớn nhất của cách mạng Việt Nam, được định vị về mặt địa hành chính gồm 9 tỉnh: Phú Thọ, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Cao Bằng, Hà Giang, Bắc Giang, Lạng Sơn và Quảng Ninh. Gọi là Đông Bắc để phân biệt với vùng Tây Bắc, còn thực chất nó ở vào phía Bắc và Đông Bắc của Hà Nội, rộng hơn vùng Việt Bắc. Tiểu vùng nằm trong tuyến du lịch xuyên Á, là điểm đầu du lịch Bắc – Nam, là khu vực có tiềm năng du lịch phong phú, đặc sắc để phát triển du lịch, đặc biệt là du lịch sinh thái, du lịch văn hoá và du lịch vùng biên.



Đông Bắc có tổng diện tích đất tự nhiên trên 5,661 triệu ha, so với diện tích cả nước vùng chiếm tỷ lệ là 8,9 %, dân số hơn 9 triệu người, với hơn 20 dân tộc sinh sống, chủ yếu là người Tày, Nùng, Kinh, Mông, Dao, Mường, Thái, Cao Lan, Sán Dìu, Lô Lô... Khí hậu của vùng khá khắc nghiệt, mùa đông giá lạnh, mùa hè mưa lớn, ẩm ướt; lượng mưa trung bình trong năm 1.400-1.600 mm; nhiệt độ bình quân khoảng 20-23°C, mùa đông có nơi có tuyết rơi như Hà Giang, Lạng Sơn. Diện tích rừng bao phủ chiếm 2/3 diện tích tự nhiên của toàn vùng, với những cánh rừng tự nhiên và rừng trồng, chứa đựng thảm thực vật đa dạng, phong phú. Địa hình Đông Bắc khá hiểm trở, vừa mang đặc điểm địa hình núi cao, vừa trung du miền núi, cao về phía bắc, thấp dần về phía nam và tây nam. Hệ thống núi đá xen lẫn núi đất, với các hẻm vực kỳ vĩ, điển hình là cánh cung Bắc Sơn, cánh cung Ngân Sơn và cánh cung Sông Gâm với những dãy núi nổi tiếng như Mẫu Sơn, Cao nguyên Đồng Văn. Vùng có nhiều con sông lớn: Sông Lô, sông Thao, Sông Cầu, Sông Thương, sông Lục Nam, sông Bằng, sông Kỳ Cùng..., tạo nên giá trị giao thông đường thủy từ thượng nguồn về xuôi; vùng biên đông bắc có nhiều đảo lớn nhỏ tạo thành một vùng thắng cảnh tuyệt đẹp cùng một hệ thống hồ, suối, thác, các khu bảo tồn thiên nhiên hùng vĩ, rất thuận lợi để phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, tham quan ngắm cảnh thiên nhiên.

Đường dẫn từ trung tâm đất nước - thủ đô Hà Nội đến các địa phương trong tiểu vùng Đông Bắc bằng đường bộ khá thuận lợi: có Quốc lộ 3 nối Hà Nội, Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Quốc lộ 2 nối Hà Giang, Tuyên Quang qua Việt Trì (Phú Thọ) đến Hà Nội; Quốc lộ 1 từ Hà Nội đi Bắc Giang, Lạng Sơn; Quốc lộ 18, 10 từ Hà Nội xuống Quảng Ninh. Vùng có hệ thống đường biên giới dài trên 300 km cùng hàng chục cửa khẩu với nước bạn Trung Quốc.

Đặc biệt, với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu phù hợp, tiểu vùng này trở thành khu vực thích hợp cho việc trồng chè, trở thành vùng trọng điểm của cả nước trồng và sản xuất chè. Bảy trên chín tỉnh trong tiểu vùng trồng chè với diện tích lớn; tổng diện tích chè trồng toàn vùng là trên 71.000 ha. Nhiều địa phương đã trở thành những vùng đất thương hiệu “danh bất hư truyền” về các loại trà, xuất khẩu sang nhiều nước trên thế giới như Thái Nguyên, Hà Giang. Trong 5 tỉnh dẫn đầu cả nước về tổng diện tích trồng và sản xuất trà, tiểu vùng Đông Bắc đã chiếm 4 địa phương: Thái Nguyên (18,1%), Hà Giang (8,62%), Phú Thọ (12,71%), Tuyên Quang (6,84%). Những địa hình đồi thấp trùng điệp, những mô hình đồi chè đẹp mắt biến các vùng chè thành các điểm du lịch sinh thái, thu hút nhiều du khách đến trải nghiệm, mang lại hiệu quả kinh tế cao, giúp cải thiện đời sống kinh tế, văn hoá - xã hội cho người dân.

**Bảng 1: Các vùng chè của địa phương thuộc tiểu vùng Đông Bắc**

STT	Địa phương	Diện tích trồng chè	Vùng chè	Thương hiệu chè	Cư dân sinh sống chính
1	Phú Thọ	16.000 ha	Tân Sơn, Thanh Sơn, Đoan Hùng, Thanh Ba, Phù Ninh, Hạ Hoà...	Chè đen, chè xanh	Mường, Dao
2	Thái Nguyên	22.300 ha	Tân Cương (TP Thái Nguyên), Phổ Yên, Đại Từ, Định Hoá, Đồng Hỷ	Chè Tân Cương, chè đen, chè xanh, chè vàng	Tày, Nùng, Sán Chay, Dao
3	Tuyên Quang	7.912 ha	Huyện Sơn Dương, Yên Sơn và Hàm Yên	Chè đen, chè xanh, chè vàng	Cao Lan, Sán Dìu, Mông
4	Bắc Kạn	2.000 ha	Huyện Chợ Đồn	Chè Shan tuyết	Tày, Dao, Mông
5	Hà Giang	21.500 ha	Hoàng Xu Phì, Xín Mần, Bắc Quang, Vị Xuyên, Quang Bình	Chè Shan tuyết	Nùng, Dao, Mông, Tày, La Chí
6	Cao Bằng	200 ha	Phía Oắc – Phía Đén (xã Thành Công), Lũng Sâu (xã Phúc Sen) huyện Nguyên Bình; Doong Pán, (xã Độc Lập) huyện Quảng Hoà.	Chè Ô Long	Tày, Nùng, Dao tiền, Mông
7	Lạng Sơn	200 ha	Huyện Đình Lập	Chè xanh	Tày, Nùng
8	Bắc Giang	700 ha	Huyện Yên Thế (8 xã)	Chè xanh Bản Ven, chè Thảo Xuyên, trà Thiên Lộc	Nùng, Tày, Cao Lan
9	Quảng Ninh	1.000 ha	Huyện Hải Hà	Chè Đường Hoa	Dao, Tày, Sán Dìu

*(Tác giả tổng hợp, giới thiệu)*

Vùng đất này còn tồn tại trong lòng hàng nghìn di sản văn hóa vật thể, phi vật thể, được đánh giá là khu vực có hệ thống tài nguyên du lịch nhân văn nổi trội gắn liền với các đặc trưng di sản văn hóa của vùng. Nơi đây chứa đựng môi trường sinh thái nhân văn của các cộng đồng dân tộc do con người tạo nên trên những địa bàn cư trú, sinh sống, làm ăn của mình, được hình thành, tồn tại trong suốt quá trình lịch sử với các thôn, xóm, làng, bản, cùng hệ thống các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể trong thích ứng, tương tác với môi trường tự nhiên (núi cao, đồi thấp, thung lũng, rừng rậm...) mang đậm sắc thái tộc người. Cùng với cảnh quan sinh thái đồi chè, những giá trị văn hóa truyền thống chính là mạch

nguồn tạo nên bản sắc độc đáo, có sức cuốn hút đặc biệt đối với du khách khi đến với vùng chè.

Kho tàng văn hóa phong phú, đa dạng và hết sức độc đáo của các cộng đồng cư dân vùng chè kết hợp với phong cảnh trùng điệp của đồi chè, cùng quy trình trồng, chăm sóc và phương thức sản xuất, chế biến chè đủ để tạo một hệ thống tài nguyên du lịch đặc trưng giúp các vùng chè Đông Bắc trở thành khu vực có tiềm năng kinh tế du lịch lớn. Các giá trị văn hóa có thể khai thác phục vụ du lịch trong đời sống cộng đồng rất đa dạng, tiêu biểu là các công trình kiến trúc nhà ở, trang phục, ẩm thực, nghề thủ công, phương tiện đi lại, vận chuyển, công cụ sản xuất cổ truyền, nhạc khí, lễ hội, chợ phiên, phương thức sản xuất, phong tập tục quán, tri thức dân gian, nghi lễ, văn học, nghệ thuật dân gian... và các di tích lịch sử văn hóa khác trong lịch sử hình thành và phát triển của vùng.

Những giá trị này hình thành một hệ thống tài nguyên du lịch thiên nhiên, nhân văn vô cùng phong phú, đặc sắc, hấp dẫn tạo điều kiện và môi trường để du lịch nơi đây phát sinh và phát triển. Giá trị của những cảnh quan: rừng, núi, sông hồ, suối, thác, khe, thung, vườn cây, đồi chè, cánh đồng, nương ngô mang dấu ấn của con người; của công trình kiến trúc nhà ở, trang phục, ẩm thực, các hình thức sinh hoạt văn nghệ, các tập quán, lễ hội, ngành nghề truyền thống... là những đối tượng cho du khách khám phá, thưởng thức, cho du lịch khai thác, sử dụng. Chính những tài nguyên này không chỉ tạo ra môi trường và điều kiện cho du lịch phát sinh và phát triển mà còn quyết định quy mô, thể loại, chất lượng và hiệu quả của hoạt động du lịch địa phương/ vùng.

Hiện toàn vùng có gần 4.000 cơ sở lưu trú (riêng Quảng Ninh chiếm 2.200 cơ sở), trong đó có nhiều khách sạn đạt chuẩn 3-5 sao của các tập đoàn Mường Thanh, Vingroup, Saigon tourist, Panhou...; có hàng trăm cơ sở ăn uống, nhà hàng; gần 200 doanh nghiệp lữ hành với hơn 950 xe vận chuyển khách du lịch<sup>6</sup>.

Hệ thống mạng lưới giao thông với các quốc lộ gắn kết tỉnh với thủ đô Hà Nội, toàn vùng Đông, Tây Bắc, tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư và du lịch phát triển.

Tốc độ tăng trưởng khách du lịch của vùng đạt trung bình gần 4,5%/năm; tăng trưởng bình quân đạt 11%/năm; đặc biệt một số địa phương có sự tăng trưởng đều là Quảng Ninh, Hà Giang, Lạng Sơn và gần đây là Cao Bằng. Nhiều chính sách khai thác sản phẩm được triển khai như quy hoạch các điểm du lịch, làng văn hóa dân tộc, tổ chức các lễ hội truyền thống, lễ hội hiện đại, khai thác các cảnh quan thiên nhiên nơi đồng bào dân tộc sinh sống.

---

<sup>6</sup> Tổng hợp số liệu từ các địa phương tính đến tháng 6/2023

Với những giá trị văn hoá, lịch sử tiềm năng phong phú về du lịch cảnh quan, du lịch sinh thái, du lịch văn hóa, du lịch về nguồn, du lịch vùng biên, du lịch văn hoá biển; một hệ thống di sản văn hóa vật thể, phi vật thể phong phú; nhiều khu, điểm du lịch đã nổi tiếng, việc chú trọng hướng phát triển du lịch vùng chè ở tiểu vùng Đông Bắc có ý nghĩa quan trọng, góp phần đa dạng hoá sản phẩm du lịch, thúc đẩy tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá về miền đất, con người, tiềm năng văn hóa, du lịch của các địa phương, thu hút các nhà đầu tư đến khai thác các tiềm năng và tăng khả năng thúc đẩy khách du lịch đến với mỗi địa phương nói riêng và toàn vùng Đông Bắc nói chung.

## **2. Nhận diện giá trị văn hoá cộng đồng phục vụ phát triển du lịch của các vùng chè, tiểu vùng Đông Bắc**

Những giá trị văn hoá truyền thống giao thoa giữa quá khứ và hiện tại của các cộng đồng cư dân sống thích ứng và không ngừng vươn lên với bản sắc độc đáo riêng biệt là chất liệu tạo thành hệ thống tài nguyên du lịch phong phú và hấp dẫn.

Bất cứ một đối tượng, hiện tượng nào có giá trị hấp dẫn, độc đáo đều có khả năng được đưa vào khai thác phục vụ du lịch, đặc biệt là tính khác biệt của chúng càng cao càng có giá trị thu hút. Là những cư dân sống trong hệ sinh thái vùng đồi thấp và núi cao, cảnh quan đa dạng với nhiều yếu tố sông, suối, núi, rừng..., sự mêng mê, chùng lóng của những đồi chè lại được điểm xuyết bởi những mái nhà sàn và hệ thống ruộng bậc thang, bãi đá... nên cảnh quan sinh thái là yếu tố giá trị văn hoá đầu tiên của cộng đồng được đánh giá để thu hút du khách.

Nhưng nổi bật nhất là giá trị văn hoá vật thể với những công trình kiến trúc nhà ở độc đáo, trang phục, ẩm thực, công cụ sản xuất, nhạc cụ, đồ thủ công truyền thống và giá trị văn hoá phi vật thể mà nổi lên trong đó là tập quán sản xuất, hoạt động lễ hội, sinh hoạt văn nghệ. Các giá trị này được bổ sung bởi phong cách ứng xử của chính các cư dân, là cơ sở tốt cho hoạt động du lịch.

Công trình kiến trúc bao gồm hệ thống các kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng, sinh hoạt cộng đồng (đình, đền, chùa), các công trình kiến trúc nhà ở (nhà sàn của người Tày, Nùng, Mường, Dao, Cao Lan; nhà trình tường của người Mông, Sán Dìu; nhà nửa sàn, nửa đất của người Dao)... Kiến trúc nhà truyền thống của cộng đồng cư dân sinh sống ở các vùng chè rất đặc sắc và phong phú, biểu hiện quan niệm về vũ trụ, về thiên nhiên và con người, về tập quán và quan niệm cuộc sống của mỗi dân tộc. Dân tộc Kinh cư trú xen kẽ với các đồng bào dân tộc thiểu số có nhà ở mang nét kiến trúc nhà nông thôn vùng đồng bằng Bắc Bộ. Nhà ở của đồng bào các dân tộc Tày, Nùng, Mường, Dao, Cao Lan có kiến trúc nhà sàn, tuy nhiên nhà sàn của mỗi dân tộc, mỗi ngành cũng mang những nét khác nhau. Dân tộc Mông, Sán Dìu có kiến trúc nhà trình tường, mái gỗ. Ở mỗi cộng đồng dân tộc, các giá trị kiến trúc đó biểu hiện rất sinh động, gắn bó mật

thiết với môi trường sinh thái nhân văn, hài hòa trong nếp sống tộc người...tạo nên sự hấp dẫn đối với du khách trong nước và quốc tế.

Trang phục cổ truyền các dân tộc là một kho tàng phong phú về nghệ thuật tạo dáng, trang trí, về chủng loại, thể hiện sự tài hoa, óc thẩm mỹ của người dân và góp phần quan trọng tạo nên bản sắc văn hóa tộc người, tạo nên nét hấp dẫn cho điểm đến du lịch. Với sắc màu trang phục các dân tộc Tày, Nùng, Mường, Dao, Mông...hiện diện vừa giới thiệu đến du khách nét văn hoá độc đáo, trình độ tư duy, thẩm mỹ, nghi thức, giới tính của cộng đồng, vừa tạo một nét chấm phá tô điểm cho bản làng, tạo thành sản phẩm dịch vụ đáp ứng nhiều nhu cầu của du khách.

Văn hóa ẩm thực phản ánh nghệ thuật ăn uống trong mối quan hệ ứng xử của con người nơi đây với môi trường tự nhiên và xã hội. Những món ăn, đồ uống nổi tiếng của các vùng chè như thắng cố, thịt trâu khô, thịt lợn chua, hun khói, vịt quay, khâu nhục, cá chép ruộng, xôi ngũ sắc, rượu ngô... cùng những đặc sản như mật ong, lê, mận, cam, măng khô, hạt dẻ, nấm hương, mộc nhĩ, chè đen, xanh, shan tuyết...làm nên sức cuốn hút rất lớn trong du lịch. Các công cụ sản xuất mưu sinh như liềm, cuốc, cày... trong sản xuất nông nghiệp; dao quắm, nỏ trong khai thác lâm sản; nôm, đỏ, rỏ... để đánh bắt tôm, cá; rỏ, rá, met...trong sinh hoạt thường ngày. Phương tiện đi lại, vận chuyển bằng thuyền, bè, gùi...trên các vùng núi, vùng hồ... giúp cho môi trường hoạt động du lịch thêm hấp dẫn. Mỗi cộng đồng còn có những bộ nhạc cụ độc đáo, thể hiện bản sắc văn hóa và trình độ âm nhạc độc đáo có khả năng truyền cảm như: đàn Tính, quả nhạc của dân tộc Tày; khèn, kèn lá, sáo trúc của dân tộc Mông; bộ gõ của dân tộc Dao, Cao Lan... Nghề và sản phẩm thủ công truyền thống của các dân tộc như nghề dệt thổ cẩm, đan lát (gùi, bò, rỏ, rá), làm đồ trang sức, rèn dao, đúc lưỡi cày, chạm bạc... (dệt thổ cẩm của dân tộc Dao; đan quấy tẩu của dân tộc Mông, nghề chạm bạc của người Nùng...) là những giá trị tạo nên một hệ thống sản phẩm du lịch độc đáo, riêng biệt, có sức hút cao.

Cộng đồng nơi đây còn lưu giữ một hệ thống văn hóa phi vật thể đa dạng. Đó là triết lý về vũ trụ và nhân sinh, thể hiện sinh động quan niệm của mỗi cộng đồng tộc người đối với thế giới muôn loài, vạn vật...; là các lễ hội, lễ nghi thờ cúng tổ tiên, cầu an, cầu mùa giàu giá trị lịch sử. Nếu người Tày có lễ hội Lồng tồng, người Nùng có lễ cúng rừng, người Dao có lễ cấp sắc, lễ hội Bàn Vương thì người Mông có lễ hội Gầu Tào, người La Chí có Tết Khu cù tê, người Sán Dìu có tín ngưỡng Lễ Đại Phan... và đặc biệt, nghi lễ thực hành "Then Tày - Nùng - Thái Việt Nam" ở vùng Đông Bắc được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại; các trò chơi dân gian như ném còn, đánh đu, đẩy gậy, lầy cỏ, kéo co, vật chày, đánh quay, bắn nỏ, đá cầu...; các loại hình dân ca, dân vũ (những màn hát đối, hát giao duyên, dân ca cổ, điệu

múa đặc trưng của từng tộc người như múa ngựa giấy, hát Cọi, Sli của dân tộc Nùng; múa gậy đồng xu, múa khèn của dân tộc Mông; đàn Tính, hát Then, hát Pút (hát nghi lễ tín ngưỡng tôn giáo) và các điệu múa Then, múa sênh tiền, múa nón, múa gieo hạt, múa quạt, múa bát của dân tộc Tày; hát Sinh Ca (hát đối đáp giao duyên nam nữ), các điệu múa múa chim gâu, múa xúc tép, múa khai đèn, múa cò... của dân tộc Cao Lan; hát Páo dung (hát đối đáp giao duyên nam nữ), các điệu múa cầu mùa, múa bắt ba ba, múa rùa, múa kiếm, múa chuông của dân tộc Dao; dân tộc Sán Dìu có điệu hát Soọng cô (hát đối đáp giao duyên nam nữ)... mang âm hưởng núi rừng; là kho tàng văn học truyền miệng (truyền thuyết, thần thoại, cổ tích, ngụ ngôn...), những tục ngữ ca dao về kinh nghiệm sản xuất, về triết lý cuộc sống, thấm đậm chất nhân văn là những bằng chứng phản ánh khát vọng về cuộc sống yêu lao động, yêu tự do của con người.

Ngoài ra, những tri thức dân gian như kinh nghiệm đánh bắt, những bài thuốc gia truyền chữa bệnh, chế biến, bí quyết kỹ thuật thủ công như những bài thuốc chữa bệnh của người Dao, tri thức dân gian nghệ thuật trang trí trên trang phục của người Mông Hoa, người Dao đỏ... mỗi dân tộc còn có những nét văn hóa riêng trong ứng xử gia đình và xã hội cũng là những giá trị văn hóa tinh thần quý giá trong kho tàng di sản văn hóa của cộng đồng, tạo nên những sản phẩm du lịch độc đáo, khác biệt, có sức cuốn hút, là đối tượng du lịch mà du khách tìm đến.

Ngoài ra, gắn với vùng chè còn có một hệ thống những di tích thời kỳ cận hiện đại, di tích cách mạng, kháng chiến (gắn với giai đoạn kháng chiến chống Pháp 1941 – 1954), có nhiều giá trị mang tính lịch sử, văn hóa, giáo dục và tâm linh; có các lễ hội đương đại - lễ hội Thành Tuyên, lễ hội Trà Thái Nguyên, lễ hội hoa hồi Lạng Sơn, lễ hội hoa tam giác mạch của Hà Giang vô cùng độc đáo, có sức hấp dẫn cao.

**Bảng 2: Giá trị văn hoá cộng đồng phục vụ phát triển du lịch vùng chè**

Stt	Giá trị văn hóa cộng đồng cho du lịch	Ghi chú
1	Cảnh quan bản làng, thôn xóm	Cảnh quan bao quanh bản làng (núi non, rừng cây, bãi đá, thung lũng, suối, thác, đôi chè, vườn trồng, nương rẫy, đồng ruộng); cấu trúc, khung cảnh bên trong bản làng, thôn xóm.
2	Nhà sàn; nhà đất; nhà trình tường; nhà nửa sàn, nửa đất	Kiến trúc, cách bố cục, bày trí trong không gian nhà sàn, các vật dụng.
3	Âm thực: rượu cần, thịt lợn Mường, rêu đá, cá suối nướng, cơm lam, xôi, cá, gà, rau đò; thịt trâu nấu lá nôm, cá, gà nấu măng chua, rượu cần...của người Mường; mấm cá ruộng, món thịt ướp, món cơm lam, bánh	Bao gồm cả cách thức ứng xử, giao tiếp trong ăn uống



	<p>trứng kiến... của đồng bào Tày; vịt nấu măng chua, lạp xường, khâu nhục, vịt, lợn quay với lá mắc mật... của người Nùng; các loại bánh trôi, bánh chay, bánh dày, bánh mật... của đồng bào Kinh; món thịt mỡ muối, thịt bò khô, thịt trâu khô, cá thính... của đồng bào dân tộc Sán Dìu; mèn mèn, thắng cố, rượu ngô... của dân tộc Mông...</p> <p>- Các sản vật, sản phẩm ocop</p>	
4	<p>Nghề thủ công: dệt thổ cẩm, đan lát, làm cung nỏ, lưỡi cày, chạm bạc...</p>	<p>Gồm cả sản phẩm thủ công</p>
5	<p>Lễ hội, nghi lễ: lễ hội khai hạ, cúng chiêng, mừng cơm mới, hội ném còn, hội phường sắc bùa của người Mường; lễ hội Lồng tồng của người Tày; lễ cúng rừng của người Nùng; lễ cấp sắc, lễ hội Bàn Vương của người Dao; lễ hội Gầu Tào của người Mông; Tết Khu cù tê của người La Chí; tín ngưỡng Lễ Đại Phan của người Sán Dìu; nghi lễ thực hành "Then Tày - Nùng - Thái Việt Nam...</p>	<p>Các lễ hội này thường tổ chức vào mùa xuân và không phụ thuộc vào không gian, thời gian bắt buộc.</p> <p>Bị chi phối trong chu kỳ lịch nông nghiệp và chu kỳ sinh hoạt văn hóa dòng họ và cộng đồng trong năm...</p>
6	<p>Văn nghệ dân gian:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Diễn xướng Mo-Đẻ Đất Đẻ Nước của người Mường; các câu truyện cổ; truyện thơ của người Tày, Nùng.</li> <li>+ Diễn cúng chiêng</li> <li>+ Dân ca: hát sắc bùa, hát ví, hát đúm, bộ meeng, thổi sáo ôi của người Mường; hát Cọi, Sli của dân tộc Nùng; đàn Tính, hát Then, hát Pọt (hát nghi lễ tín ngưỡng tôn giáo) của người Tày; điệu hát Sinh Ca (hát đối đáp giao duyên nam nữ) của người Cao Lan; hát Páo dung (hát đối đáp giao duyên nam nữ) của người Dao; điệu hát Soọng cô (hát đối đáp giao duyên nam nữ) của người Sán Dìu...</li> <li>+ Múa: múa trống đồng, múa đâm đuống, đón trăng của người Mường; múa ngựa giấy, múa gậy đồng xu, múa khèn của dân tộc Mông; múa then, múa sinh tiền, múa nón, múa gieo hạt, múa quạt, múa bát của dân tộc Tày; múa chim gâu, múa xúc tép, múa khai đèn, múa cờ... của dân tộc Cao Lan; múa cầu mùa, múa bắt ba ba, múa Màng của dân tộc Dao;</li> <li>+ Các nhạc cụ trình diễn</li> </ul>	<p>Có những điệu hát, điệu múa gắn với những nghi lễ, lễ hội</p>
7	<p>Nếp sống sinh hoạt, phong cách ứng xử</p>	<p>Phản nét đẹp tính cách con người, văn hoá ứng xử</p>

8	Các hoạt động sản xuất: dệt, thêu thổ cẩm, khâu vá, hái chè, giã gạo, nấu rượu, đan lát, bắt cá, làm ruộng	Bao gồm cả các công cụ lao động, sản xuất
9	Các trò chơi dân gian: tung còn, ném pao, đánh đu, đẩy gậy, lầy cỏ, kéo co, vật chày, đánh quay (tu lu), bắn nỏ, đá cầu...	Bao gồm cả các đạo cụ/dụng cụ chơi
10	Phong tục cưới, nghi lễ vòng đời...	Mang tính thời điểm, chỉ tham dự khi đúng dịp
11	Chợ, rừng nguyên sinh, hang động, suối, thác	Điểm kết nối phụ trợ

(Tác giả thiết lập)

### **3. Những vấn đề cơ bản giúp phát huy hiệu quả giá trị văn hóa cộng đồng phục vụ phát triển du lịch tại các vùng chè của tiểu vùng Đông Bắc**

- Đầu tư nghiên cứu, phân tích giá trị văn hoá cộng đồng của mỗi địa phương vùng chè phục vụ phát triển du lịch.

Giá trị văn hoá là kết quả sáng tạo, tích lũy của một cộng đồng, dân tộc được phản ánh trong các di sản, tài sản văn hoá vật thể, phi vật thể, thông qua những trải nghiệm lịch sử. Phát triển du lịch phải hướng đến xem xét một cách khoa học hệ thống các giá trị văn hoá dưới góc nhìn du lịch. Các địa phương cần đầu tư đẩy mạnh khảo sát, tổng kiểm kê các di sản, nghiên cứu các giá trị để phân loại, xếp hạng, nhận diện, xác định giá trị, chất lượng, sức sống của các giá trị văn hoá, từ đó đề xuất khả năng bảo tồn và phát huy, khai thác phục vụ du lịch. Đồng thời cơ quan quản lý nhà nước về du lịch các địa phương cần khuyến khích, hướng dẫn người dân nhận thức rõ các giá trị văn hoá cộng đồng, vai trò quan trọng cần được bảo tồn, phát huy, khai thác trong đời sống đương đại, phục vụ phát triển kinh tế.

Mặc dù các tài nguyên của vùng là đa dạng và phần nào có tính tương đồng do có sự gắn kết về mặt lãnh thổ nhưng để tạo ra được những sản phẩm mang tính đặc trưng phải phân tích, lựa chọn, để xác định được những dạng tài nguyên du lịch mang tính điển hình/nổi trội được khai thác từ các giá trị văn hoá đặc thù của mỗi địa phương, giúp tìm sự khác biệt, không trùng lặp, đảm bảo “sự riêng biệt trong đồng dạng” của các địa phương vùng chè Đông Bắc và điều này cần có sự quan tâm đầu tư nghiêm túc với sự tham gia của các nhà lịch sử, văn hoá, dân tộc học.

- Xây dựng các sản phẩm du lịch chất lượng, có giá trị gia tăng

Ngành du lịch mỗi địa phương cần xác định phải có sự phối hợp đầu tư nghiêm túc để nghiên cứu và tổ chức khai thác, phát triển sản phẩm du lịch từ các giá trị văn hoá sao có sức hấp dẫn cao và có được những khả năng độc quyền tương đối mang tính đặc thù riêng của sản phẩm, nếu không sự cạnh tranh sẽ rất cao, ít mang lại hiệu quả về mặt kinh tế. Mở rộng các tuyến, điểm du lịch bằng việc tạo lập các bản làng văn hoá du lịch mới trên cơ sở đáp ứng những

tiêu chí về du lịch. Lấy du lịch bản làng làm trung tâm, xây dựng các điểm du lịch phụ cận để kéo dài thời gian lưu trú của khách như du lịch hang động, thác, rừng... Tạo dựng mỗi cộng đồng ở mỗi vùng chèo của các địa phương tiểu vùng Đông Bắc một sản phẩm du lịch văn hóa đặc sắc mang dấu ấn riêng qua cách thức “chọn đặc sản từ di sản”. Cần phải có sự nghiên cứu kỹ lưỡng để lựa chọn được những giá trị văn hóa độc đáo và xây dựng cách thức giới thiệu đến khách một cách thật và tự nhiên nhất. Đồng thời khi tạo thành sản phẩm du lịch cũng phải chú ý đến tính đa dạng trong nhu cầu tìm hiểu của từng thị trường khách du lịch.

Tập trung phát triển dòng sản phẩm du lịch tham quan đồi chèo, trải nghiệm quy trình sản xuất, chế biến chèo, mua sắm sản phẩm gắn với các đặc trưng văn hóa cộng đồng, cảnh quan sinh thái nhân văn để tạo nên chương trình, sản phẩm du lịch tổng hợp, hấp dẫn mang tính khác biệt, tạo thương hiệu du lịch cho vùng. Điều này sẽ giúp cho các địa phương vùng chèo và toàn vùng tạo được sản phẩm du lịch mang tính đặc thù, riêng biệt, đây là nguyên tắc hàng đầu của sản phẩm du lịch. Đồng thời, đẩy mạnh phát triển du lịch văn hoá tộc người, du lịch cộng đồng, phát triển thủ công truyền thống, nghệ thuật dân gian, các đặc sản để kết hợp thu hút khách và nâng cao nguồn thu. Sáng tạo các yếu tố cảnh quan, sản phẩm du lịch mới, có sức hấp dẫn, thu hút trên nền các giá trị văn hoá truyền thống, các yếu tố đặc trưng riêng của mỗi địa phương.

Nhìn chung, từ chất liệu những giá trị văn hóa cộng đồng phải tạo nên sự đa dạng về sản phẩm để phục vụ các tầng cấp nhu cầu của du khách. Có thể tạo thành nhiều sản phẩm du lịch độc đáo như các chương trình du lịch sinh thái vườn đồi, du lịch homestay, du lịch nông nghiệp nương rẫy, du lịch trang trại, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch nghiên cứu, học tập, du lịch chữa bệnh, du lịch thể thao, du lịch đi bộ, du lịch xe đạp, du lịch xe máy... Các nhà hàng ẩm thực miền núi, cần đậm chất dân tộc từ kiến trúc, vật dụng, phong cách trang trí, các món ăn; các khách sạn “nhà sàn”, “nhà tường trình” với vật dụng và đồ trang trí từ các chất liệu, sản phẩm nghề thủ công truyền thống như thổ cẩm, mây, tre, hoa rừng... Các loại hình diễn xướng, trò chơi dân gian đặc sắc; các lễ hội, nghi thức độc đáo được thực hiện thực nhất trong thời điểm vốn có của nó và cho phép du khách tham dự; những món ăn, đồ lưu niệm do chính bàn tay của người dân làm ra từ chất liệu núi rừng; những đặc sản của vùng đất, những kinh nghiệm, tri thức dân gian trong đánh bắt, chữa bệnh... được lựa chọn, sáng tạo nên sản phẩm du lịch. Bổ sung và nâng cao chất lượng các sản phẩm, dịch vụ phục vụ du khách tại các điểm đến, như: Dịch vụ bán đồ lưu niệm, bán hàng giải khát, dịch vụ thuyết minh tại chỗ, dịch vụ vui chơi giải trí... Trong đó, mỗi địa phương cần có nhận thức mới về vai trò của cửa hàng lưu niệm. Mục tiêu của cửa hàng lưu niệm là sự tiếp nối giáo dục văn hóa trên cơ sở bản sắc địa

phương, các sự kiện lịch sử, là quảng bá giới thiệu du lịch và kinh doanh mang lại lợi nhuận. Hệ thống sản phẩm này sẽ tạo nên một vùng du lịch độc đáo, hấp dẫn, có giá trị thu hút cao.

- Khai thác các giá trị văn hoá cộng đồng phục vụ phát triển du lịch gắn liền với vấn đề bảo tồn

Cần có sự phối hợp chặt chẽ, khẩn trương và đồng bộ hơn trong phát huy giá trị văn hoá, trong việc tôn tạo cảnh quan, bảo tồn kiến trúc nhà ở, nghề truyền thống, trang phục, văn hoá phi vật thể, tri thức dân gian bản địa... Tiến hành điều tra nhu cầu, lựa chọn các giá trị văn hoá để từng bước bảo tồn, khai thác phục vụ du lịch.

Xây dựng Quy hoạch bảo tồn, tôn tạo các danh thắng, di sản văn hóa nhằm giữ gìn và phát huy các giá trị vốn có để khai thác, phát triển du lịch như: di tích, kiến trúc nhà ở, trang phục, lễ hội, nghề thủ công, nếp sống văn hoá, văn nghệ dân gian, phong tục tập quán... Nâng cao nhận thức và vai trò của cộng đồng dân cư trong công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa (vì cộng đồng chính là linh hồn, là tâm điểm của tài nguyên văn hoá, phát triển du lịch trên cơ sở các tài nguyên văn hoá không thể tách rời phát triển cộng đồng ở khu vực có tài nguyên khai thác). Làm rõ và gắn lợi ích của người dân khi tham gia vào hoạt động bảo tồn. Đây cũng chính là cách thức thu hút đông người dân tham gia lưu giữ các giá trị văn hoá, lịch sử, di sản văn hóa truyền thống của mình.

Đặc biệt, để bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá cộng đồng một cách hiệu quả, khắc phục các hạn chế về cơ sở hạ tầng, lưu trú, tạo sản phẩm du lịch đặc trưng... các địa phương cần có nguồn vốn đầu tư lớn. Bên cạnh nguồn ngân sách Nhà nước, cần chú trọng đến phương án xã hội hóa, “hợp tác công tư”, cũng như việc gây quỹ và tìm các nguồn tài trợ để bảo vệ tôn tạo công trình, cảnh quan thiên nhiên, khôi phục lại nghề thủ công, phục dựng lại các nghi lễ, điệu hát, điệu múa, mua sắm nhạc cụ, xây dựng vùng nguyên liệu... làm tài nguyên cho phát triển du lịch.

Tăng cường vai trò là chủ thể văn hoá của cộng đồng trong các hoạt động quản lý và tổ chức phát huy “sản nghiệp văn hoá” của chính họ. Động viên, khuyến khích những đóng góp về hiện vật và tham gia trực tiếp vào quá trình bảo vệ, phát huy giá trị văn hoá với vai trò là người giới thiệu, kể những câu chuyện về các di sản văn hoá đó. Chú trọng sưu tầm, kiểm kê, đánh giá các giá trị di sản văn hoá truyền thống tốt đẹp của cộng đồng cư dân sinh sống trên địa bàn. Xây dựng dự án bảo tồn cảnh quan, các làng văn hóa nhằm bảo vệ, phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử, kết hợp khai thác phát triển du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm. Đồng thời, đẩy mạnh liên kết du lịch với các khu du lịch toàn vùng và các vùng cận kề.

- Tăng cường công tác đầu tư phát triển điểm đến, sản phẩm khai thác từ giá trị văn hoá cộng đồng

Xây dựng chính sách đặc thù cho từng điểm, khu vực phát triển; chính sách thu hút đầu tư du lịch; chính sách khôi phục, phát triển các ngành nghề truyền thống..., khôi phục giữ gìn động, thực vật bản địa, phát triển các chương trình du lịch sinh thái đôi chèo gắn với bản làng dân tộc; chính sách tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức về bảo tồn văn hóa truyền thống, lễ hội của đồng bào dân tộc, nâng cao lòng tự hào của người dân...

Ngoài ra, muốn phát huy các giá trị văn hóa cộng đồng phục vụ du lịch, tạo đà tăng trưởng mạnh mẽ, trong thời gian tới các địa phương cần tăng cường kêu gọi đầu tư phát triển hạ tầng du lịch kết hợp với triển khai đồng bộ các dự án phục hồi các giá trị văn hoá đã bị mai một, tôn tạo cảnh quan, quy hoạch làng bản. Tạo điều kiện để du khách tiếp cận được điểm du lịch như giao thông đi lại thuận lợi, huy động được sự tham gia của cộng đồng vào việc bảo vệ môi trường và phục hồi văn hóa nghệ thuật truyền thống, lựa chọn các di sản, bản, làng tiêu biểu để tập trung đầu tư, phát triển thành điểm du lịch đặc sắc chứ không nên đầu tư dàn trải.

Ưu tiên đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển du lịch ở các vùng chèo, như nâng cấp, mở rộng các tuyến đường, triển khai các dự án bảo vệ môi trường sinh thái, môi trường sống gắn với phát triển du lịch; tích cực quảng bá, giới thiệu các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng, có thương hiệu của địa phương tại các khu, điểm du lịch... Cần đặc biệt lưu ý, quan tâm tới việc đầu tư và xây dựng bãi đỗ xe và nhà vệ sinh đạt chuẩn tại các khu, điểm du lịch và các bản làng du lịch.

Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng để tăng khả năng tiếp cận với các điểm du lịch, đặc biệt là đường đến các khu bảo tồn, bản làng, thôn xã vùng sâu, vùng xa với hệ thống giao thông đường thủy, đường bộ. Đối với các điểm phát triển du lịch cần xem xét lại tiêu chí mở rộng, bê tông hay cứng hóa đường giao thông theo quy định quốc gia trong xây dựng nông thôn mới, bởi điều này chưa thực sự phù hợp với tiêu chí hấp dẫn của các điểm du lịch, làm thay đổi quá mức diện mạo cảnh quan nguyên sơ của thôn bản, buôn làng; chú ý đầu tư cho cơ sở vật chất, thiết bị kỹ thuật, hạ tầng xã hội phục vụ du lịch, sao cho đáp ứng được các nhu cầu của du khách, đảm bảo sự tiện ích, an toàn trong du lịch và hỗ trợ đời sống của bà con dân cư.

- Xúc tiến, quảng bá du lịch

Thực hiện có hiệu quả công tác quảng bá, tuyên truyền, giáo dục phối hợp với các cơ quan báo chí, phát thanh truyền hình, các doanh nghiệp lữ hành... nhằm tuyên truyền, quảng bá các giá trị của cảnh quan, văn hoá vùng chèo. Cần tăng cường marketing, quảng bá qua các sách du lịch, trang web; ứng dụng công

nghệ số và sử dụng hữu hiệu các trang mạng xã hội. Thiết kế trang web với các thông tin được lựa chọn kỹ càng, hình ảnh đẹp để hấp dẫn người xem, đặc biệt là khách du lịch. Thông tin được dịch sang các ngôn ngữ phổ biến trên thế giới như: Anh, Pháp, Trung Quốc và các thị trường khách thường xuyên của Việt Nam như Hàn Quốc, Nhật Bản, dễ dàng tiếp cận với các du khách quốc tế.

Phát triển và mở rộng thị trường gắn với việc quảng bá hình ảnh du lịch và văn hóa vùng chè. Đẩy mạnh liên kết du lịch với các tỉnh, hợp tác xúc tiến, quảng bá du lịch ở quy mô cấp vùng. Nối kết với các địa phương khác để tăng dòng khách, tạo hệ thống sản phẩm hỗ trợ và giảm chi phí cho các hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch. Đồng thời, việc tổ chức thành công các sự kiện văn hóa, lễ hội đương đại tạo ra được những sản phẩm tinh thần mới, có dấu ấn sâu đậm, có sức lan tỏa rộng đối với các du khách đến tham quan cũng góp phần đẩy mạnh sự phát triển không ngừng của hoạt động du lịch.

Nâng cao nhận thức của người dân

Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân địa phương về các giá trị văn hoá cộng đồng và phát triển du lịch nói chung bởi muốn người dân chủ động tham gia vào hoạt động du lịch, chủ động bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, môi trường tự nhiên cũng như những giá trị văn hoá truyền thống của địa phương thì trước tiên bản thân họ phải nhận thức được tầm quan trọng và lợi ích thu được từ du lịch cộng đồng đối với đời sống của chính mình.

Nâng cao nhận thức cộng đồng dân cư về lợi ích phát triển du lịch và ý thức bảo vệ tài nguyên, đặc biệt là cảnh quan đồi chè và các giá trị văn hoá cộng đồng. Bên cạnh đó, cũng cần phải quan tâm đến những dự án về xúc tiến, quảng bá, đào tạo nguồn nhân lực. Đây là điều kiện cần thiết, không thể thiếu để quy hoạch được thực thi trên thực tế, và quy hoạch cần được công khai nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng về giá trị du lịch mang lại lợi ích thiết thực, sự phát triển bền vững để quá trình triển khai thực hiện quy hoạch được thông suốt. Địa phương cũng cần tổ chức giám sát theo các chỉ tiêu kinh tế du lịch, bảo vệ tài nguyên môi trường để đảm bảo quy hoạch được thực hiện theo đúng kế hoạch.

- Quản lý hoạt động du lịch khai thác từ các giá trị văn hoá cộng đồng

Đẩy mạnh công tác quản lý giám sát, đánh giá tác động của du lịch. Chú ý trong công tác quản lý để bảo tồn và phát triển sự độc đáo riêng có của từng thôn bản, về di tích, danh thắng, về nếp sống và các ngành nghề thủ công truyền thống. Định hướng, khuyến khích làng nghề sản xuất các vật phẩm lưu niệm, mỹ nghệ, tránh sao chép. Việc nâng cấp, sửa sang nhà cửa, vườn, đường sá, cầu cống, phân khu chức năng; sưu tầm các món ăn, xây dựng vùng nguyên liệu nông sản đặc trưng; phục dựng, hoàn thiện các lễ hội, các hoạt động văn hóa nghệ thuật, các trò chơi dân gian... là cần thiết để tạo thuận tiện và tăng tiện nghi đón khách, nhưng song song với đó phải giữ gìn được các di sản kiến trúc,



phong cảnh thanh bình đúng nghĩa làng bản, và nét đẹp văn hóa, thuần phong mỹ tục. Có như vậy, mới đảm bảo tạo sức hấp dẫn du lịch, cuốn hút du khách và mang tính bền vững. Đồng thời, khai thác những phương tiện thô sơ như xe bò, voi, thuyền gõ... với những nét độc đáo của từng vùng, là phương tiện vận chuyển thường ngày của người dân, nâng cấp phù hợp với tiện ích và thẩm mỹ phục vụ du khách đến tham quan, du lịch.

Tăng cường phối hợp hoạt động liên ngành trong kiểm tra, giám sát nhằm khai thác hiệu quả nền văn hóa đa dạng các cộng đồng dân tộc sinh sống, góp phần bảo tồn gìn giữ bản sắc văn hóa của họ, đồng thời thỏa mãn nhu cầu giao lưu, tìm hiểu văn hóa giữa du khách và cộng đồng nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi tư duy, cải thiện đời sống, tạo cơ hội việc làm cho cư dân bản địa.

Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng cán bộ quản lý, đội ngũ nhân viên phục vụ du lịch, thuyết minh hướng dẫn viên tại các điểm du lịch về trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, cách giao tiếp ứng xử. Chú trọng công tác sử dụng và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực tại chỗ, phát triển năng lực cho người dân địa phương tham gia du lịch cộng đồng.

Ngoài công tác quản lý, tính hiệu quả của việc khai thác phát triển du lịch còn phụ thuộc rất nhiều vào người dân và mối quan hệ phối kết hợp với các bên liên quan.

- Sự tham gia của cộng đồng trong việc bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá cộng đồng phục vụ phát triển du lịch

Cần chuyển giao quyền quyết định và kiểm soát cho người dân địa phương đối với toàn bộ hoạt động du lịch nhằm thiết lập cơ chế hoạt động và hình thành chuỗi cung cấp sản phẩm, dịch vụ du lịch một cách chuyên nghiệp nhưng, đẩy mức độ tham gia của người dân địa phương vào phát triển du lịch lên mức chủ động.

Có cơ chế giúp người dân hưởng lợi từ hoạt động du lịch một cách công bằng. Đây là một vấn đề quan trọng, thiết thực giúp người dân tự giác, tham gia tích cực vào hoạt động du lịch. Lợi ích này được thể hiện bằng giá trị vật chất cụ thể như nguồn thu, khoản lợi nhuận từ hoạt động cung cấp hàng hoá, dịch vụ cho du khách; thành lập doanh nghiệp nhỏ và vừa do chính người dân sở hữu và quản lý; làm việc cho các doanh nghiệp du lịch tại địa phương hoặc phân phối lại số tiền thu được từ thuế, phí du lịch ...

#### **4. Thực hiện mô hình thôn/bản văn hoá du lịch gắn với cây chè**

Nhìn chung các điểm đến du lịch muốn thu hút khách cần phải giải quyết được vấn đề thỏa mãn những nhu cầu, phải bán được “ấn tượng” cho khách, đem đến cho họ những bất ngờ và chạm vào cảm xúc của họ. Với đặc trưng của các vùng chè nói riêng và khu vực miền núi Đông Bắc nói chung cần tạo được những điểm đến du lịch đặc thù là các làng bản văn hoá du lịch, nơi diễn ra các

hoạt động du lịch gắn với điều kiện tự nhiên, hệ sinh thái cảnh quan cùng các giá trị văn hoá bản địa. Mỗi vùng chè cần tính toán, lựa chọn cộng đồng cư dân sinh sống để hình thành những điểm đến văn hoá du lịch cộng đồng không trùng lặp. Để tạo lập được các mô hình đạt hiệu quả, có tính hấp dẫn, thu hút cao ngay từ giai đoạn đầu của sự phát triển cần chú ý đến các khía cạnh:

- Cảnh quan môi trường sinh thái – văn hoá phải đặc sắc, có giá trị thưởng ngoạn cao, ấn tượng thị giác mạnh;

- Các cơ sở dịch vụ lưu trú, nghỉ dưỡng mang tính đặc thù về kiến trúc, trang trí, các dịch vụ, phản ánh được tính bản địa hoá trong sinh hoạt nghỉ ngơi của người dân (cách thức trang trí và không gian xung quanh phản ánh tính chất của vùng chè. Các hoạt động dịch vụ như spa, ăn uống... cần lấy nguyên liệu chè làm chủ đạo để tạo nên tính đặc trưng riêng); có không gian và điểm ngắm mang lại cảm giác thư thái, yên bình, giàu cảm xúc và sự mong muốn được chia sẻ đời sống của cộng đồng.

- Văn hoá ẩm thực phục vụ nhu cầu ăn uống của du khách phải mang tính đặc hữu: Các món ăn, đồ uống cung cấp phải mang phong vị dân tộc, được làm từ các nguyên liệu bản địa (đặc biệt chú ý đến nguyên liệu làm từ cây chè); sử dụng các vật liệu tự nhiên với các phương tiện, dụng cụ chế biến truyền thống và thưởng thức trong một môi trường không gian mộc mạc, thuần khiết của thiên nhiên, cùng cách ứng xử chân thành, nồng hậu của người phục vụ;

- Các hoạt động vui chơi giải trí, trải nghiệm mang tính đặc trưng như thưởng thức các bản dân ca, dân vũ của cộng đồng; tham gia trải nghiệm các hoạt động sản xuất, sinh hoạt của người dân như leo bộ, hái, sao chè, đóng gói, pha, thưởng thức chè...; các trò chơi dân gian tung còn, bắn nỏ, đẩy gậy... được nảy sinh trong quá trình lao động và sinh trú trong sự thích ứng với môi trường tự nhiên, nơi sinh sống, làm ăn của cộng đồng cư dân mỗi vùng.

- Tổ chức các dịch vụ mua sắm các sản vật là các sản phẩm đặc biệt được sản xuất và chỉ riêng có ở địa phương như các loại chè, các loại rau quả đặc hữu, các loại lâm thổ sản được phép khai thác: măng rừng, thảo quả, sơn tra, hồi, quế... Các khu bày bán đặc sản địa phương cũng cần được chú ý đảm bảo chất lượng sản phẩm, thương hiệu địa phương, giá thành, cách sắp xếp bày trí và giúp cho du khách dễ tiếp cận mua sắm và thưởng thức.

Cùng với đó là việc xây dựng cơ chế chính sách đặc thù cho từng địa phương vùng chè, các thôn, làng, bản được lựa chọn phát triển du lịch. Tuyên truyền nâng cao nhận thức của toàn dân; tổ chức bộ máy vận hành, thực thi hiệu quả; tổ chức đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ phù hợp, quảng bá xúc tiến du lịch...

## **5. Tạm kết**

Các vùng chè tiểu vùng Đông Bắc là khu vực có những đặc trưng riêng về cả tự nhiên và văn hóa hấp dẫn, độc đáo mang giá trị du lịch to lớn, tuy nhiên

đây cũng là địa bàn còn gặp rất nhiều khó khăn trong phát triển du lịch nói riêng và kinh tế, xã hội nói chung do hệ thống cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch còn nghèo nàn, địa hình hiểm trở, nhiều điểm đến khó tiếp cận, nguồn vốn đầu tư ít, nhận thức về du lịch của dân cư và cộng đồng địa phương chưa thực sự thấu đáo. Để phát huy tốt các giá trị văn hoá cộng đồng gắn với cảnh quan sinh thái vùng chè cho phát triển du lịch cần sự quan tâm của các cấp chính quyền với những cơ chế, chính sách đặc thù; sự định hướng, giám sát thường xuyên, liên tục của các cơ quan quản lý; sự cam kết, chủ động sáng tạo của các địa phương, doanh nghiệp; sự liên kết chặt chẽ của tất cả các bên liên quan, nhận thức và hành động của cộng đồng địa phương là những yếu tố quyết định đến sự thành công trong phát triển du lịch của các vùng chè toàn khu vực.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bùi Thanh Thuỷ (2020), *Văn hoá tộc người với phát triển du lịch văn hoá*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
2. Bùi Thanh Thuỷ (2020), *Tác động của du lịch đến đời sống kinh tế - xã hội của cộng đồng dân cư ở một số khu du lịch vùng đồng bằng Bắc Bộ*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Bùi Thanh Thuỷ (2018), *Nhận diện mô hình liên kết phát triển du lịch giữa các địa phương vùng Tây Bắc* (Trong tập: Liên kết vùng, tiểu vùng trong phát triển du lịch vùng Tây Bắc), Nxb Lao động xã hội, Hà Nội.
4. Bùi Thanh Thuỷ (2019), *Mối quan hệ giữa bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa với phát triển du lịch trong giai đoạn hiện nay*, Tạp chí Nghiên cứu văn hóa, số 29, 9/2019..
5. Bùi Thanh Thuỷ (2021), *Xác định giải pháp truyền thông hiệu quả cho du lịch tỉnh Tuyên Quang* (trong tập kỷ yếu), Nxb Đại học Thái Nguyên.
6. Bùi Thanh Thuỷ (2022), *Những ưu tiên đầu tư khai thác giá trị văn hoá, lịch sử 6 tỉnh chiến khu Việt Bắc phục vụ phát triển du lịch* (trong tập kỷ yếu), Viện Kinh tế Văn hoá, Hội đồng Dân tộc, Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức.
7. Bùi Thanh Thuỷ (2023), *Nghiên cứu đánh giá tài nguyên du lịch văn hoá của các tỉnh vùng chiến khu Việt Bắc phục vụ phát triển du lịch* (trong tập kỷ yếu), Viện Kinh tế Văn hoá, UBND tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng Dân tộc, Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức.
8. Bùi Thanh Thuỷ (2024), *Nghiên cứu phát triển loại hình, sản phẩm du lịch gắn với bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá tại tỉnh Bắc Kạn và các tỉnh chiến khu Việt Bắc* (trong tập kỷ yếu), Viện Kinh tế Văn hoá, UBND tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng Dân tộc, Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức.

# MÔ HÌNH DU LỊCH GẮN VỚI XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI VÙNG CHÈ LA BẰNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

TS. Bùi Thị Thanh Hương<sup>1</sup>, TS. Vũ Quỳnh Nam<sup>2</sup>  
<sup>1,2</sup> Trường ĐH Kinh tế & QTKD – ĐH Thái Nguyên

## Đặt vấn đề

Phát triển du lịch gắn với xây dựng nông thôn mới là một trong những giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm của Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, trên cơ sở thay đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông thôn, góp phần hỗ trợ các địa phương thực hiện hiệu quả, bền vững các tiêu chí nông thôn mới.

Đồng thời, phát triển du lịch nông thôn gắn với phát triển vùng chè đóng vai trò ngày càng quan trọng trong nền kinh tế của các tỉnh miền núi phía Bắc nói riêng cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam nói chung.

Xã La Bằng thuộc địa bàn Huyện Đại Từ - Huyện có 10 xã nằm trải dài dọc theo sườn đông dãy núi Tam Đảo. Trên địa bàn huyện có 169 điểm di tích lịch sử cách mạng, văn hoá, danh lam thắng cảnh được kiểm kê, trong đó có 10 điểm di tích đã được xếp hạng công nhận là di tích Quốc gia, 42 di tích được công nhận cấp tỉnh. Huyện có lợi thế về phát triển du lịch nổi trội trên nền tảng phát triển du lịch tại Khu vực Hồ Núi Cốc và các điểm sinh thái dọc sườn Đông dãy Tam Đảo. Ngoài ra, huyện có lợi thế phát triển du lịch văn hóa tâm linh như Thiền viện Trúc Lâm Tây Trúc và các hệ thống đình, đền, chùa,... với nền nông nghiệp lâu đời, còn lưu giữ được nhiều nét bản sắc văn hóa các dân tộc.

Việc xem xét bối cảnh và các quan điểm chính sách là rất cần thiết cho việc nghiên cứu nền kinh tế nói chung và du lịch nói riêng bởi vì trên cơ sở đó, các bên liên quan có thể đưa ra định hướng phát triển các mô hình du lịch gắn với xây dựng nông thôn mới tại vùng chè La Bằng, tỉnh Thái Nguyên

## 1. Tổng quan về về xã La Bằng và hoạt động kinh doanh du lịch tại vùng chè La Bằng

Huyện Đại Từ là một huyện trung du miền núi nằm ở phía Tây Bắc của tỉnh Thái Nguyên, cách thành phố Thái Nguyên 25 km. Phía Bắc giáp huyện Định Hóa; phía Nam giáp huyện Phổ Yên và thành phố Thái Nguyên; phía Đông giáp với huyện Phú Lương; Tây Bắc và Đông Nam giáp với tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Vĩnh Phúc. Huyện gồm 30 xã, thị trấn, 8 dân tộc anh em cùng chung sống, trên 17 vạn dân.

Xã La Bằng thuộc vùng núi Tam Đảo, nằm ở phía tây huyện Đại Từ, cách trung tâm thành phố Thái Nguyên khoảng 35 km và cách thị trấn Hùng Sơn khoảng 10 km, có vị trí địa lý:

- Phía đông giáp xã Bản Ngoại
- Phía tây giáp tỉnh Tuyên Quang

- Phía nam giáp xã Hoàng Nông
- Phía bắc giáp xã Phú Xuyên.

Nằm dưới chân núi Tam Đảo nên vùng chè La Bằng được thiên nhiên ban tặng cảnh quan tươi đẹp, xanh mát. Được bao quanh bởi những dãy núi xanh biêng biếc chạy dài bất tận, xa tít tắp. Kể từ khi cây chè lần đầu tiên xuất hiện ở La Bằng vào cuối thế kỷ thứ 19 Diện tích trồng chè tại La Bằng là gần 400ha hiện diện tại 9 xóm. Năng suất bình quân là 120 tạ/ha.

*Hoạt động kinh doanh du lịch tại Hợp tác xã (HTX) Chè La Bằng*

HTX Chè La Bằng đi vào hoạt động từ năm 2006 cùng 13 thành viên. Đến năm 2007, HTX đã chuyển từ chế biến sản phẩm chè từ sản xuất thủ công, theo quy trình thông thường sang áp dụng sản xuất theo tiêu chuẩn VietGap, áp dụng đúng các quy trình kỹ thuật từ việc chăm sóc, chế biến, bảo quản chè. HTX lấy thương hiệu Thanh Hải trà với khao khát đưa chè La Bằng lên “bản đồ” các vùng chè có tiếng của tỉnh Thái Nguyên.

Bên cạnh việc sản xuất và chế biến chè, HTX chè La Bằng còn phát triển hoạt động du lịch. Cụ thể kết quả hoạt động du lịch của HTX chè La Bằng 8 tháng đầu năm 2023 như bảng 1 dưới đây.

**Bảng 1: Du khách đến thăm quan và trải nghiệm tại HTX Chè La Bằng**

<b>Thời gian</b>	<b>Số lượng (Đoàn khách)</b>	<b>Doanh thu (Triệu đồng)</b>
Tháng 1/2023	6	99
Tháng 2/2023	5	60
Tháng 3/2023	15	482
Tháng 4/2023	14	274
Tháng 5/2023	8	292
Tháng 6/2023	8	217
Tháng 7/2023	5	133
Tháng 8/2023	14	385
<b>Tổng</b>	<b>75</b>	<b>1.942</b>

*Nguồn: Tổng hợp báo cáo của HTX Chè La Bằng, năm 2023.*

Từ Bảng 1 có thể thấy, du lịch mang lại cho hợp tác xã chè La Bằng doanh thu 1,94 tỷ đồng trong 8 tháng đầu năm 2023. Số lượng đoàn khách cũng như doanh thu tập trung chủ yếu vào tháng 3, tháng 4 và tháng 8. Theo báo cáo của hợp tác xã Chè La Bằng, doanh thu từ bán chè 8 tháng đầu năm của hợp tác xã đạt gần 3 tỷ đồng. Như vậy có thể thấy, mặc dù doanh thu từ hoạt động tham quan, trải nghiệm của du khách còn thấp hơn doanh thu từ chè (1,94 tỷ đồng so với gần 3 tỷ đồng), tuy nhiên, với một hoạt động kinh doanh mới được chú trọng

đầu tư phát triển, mức doanh thu đạt được từ du lịch cho thấy triển vọng lớn trong tương lai.

*Hoạt động kinh doanh du lịch tại một số gia đình tại vùng chè La Bằng*

Nhóm nghiên cứu tập trung khảo sát bốn hộ gia đình có hoạt động kinh doanh du lịch đầu tiên và phát triển nhất tại La Bằng. Đó là các hộ của ông Tới, ông Quyền, ông Phương, và ông Thư. Kết quả điều tra cho thấy, doanh thu từ hoạt động kinh doanh du lịch từ 4 hộ dân chủ yếu là doanh thu của hoạt động ăn uống (11,362 tỷ đồng, chiếm 90,2%), trong khi doanh thu từ hoạt động lưu trú là 1,237 tỷ đồng, chiếm 9,8%. Điều đó chứng tỏ khách chủ yếu đi tham quan trong ngày và lượng khách ở qua đêm còn hạn chế do sản phẩm du lịch của địa phương chưa đủ sức hấp dẫn để níu chân khách du lịch (Bảng 2).

**Bảng 2: Kết quả hoạt động kinh doanh lưu trú và ăn uống 7 tháng đầu năm 2023 của 4 hộ dân xã La Bằng**

*ĐVT: Tỷ đồng*

Thời gian	Doanh thu từ hoạt động ăn uống	Doanh thu từ kinh doanh lưu trú	Tổng
Tháng 1/2023	1.494.000.000	41.750.000	1.535.750.000
Tháng 2/2023	1.551.600.000	36.750.000	1.588.350.000
Tháng 3/2023	1.566.000.000	101.500.000	1.667.500.000
Tháng 4/2023	1.854.000.000	247.000.000	2.101.000.000
Tháng 5/2023	1.848.000.000	274.550.000	2.122.550.000
Tháng 6/2023	1.572.000.000	261.900.000	1.833.900.000
Tháng 7/2023	1.476.000.000	273.750.000	1.749.750.000
<b>Tổng</b>	<b>11.361.600.000</b>	<b>1.237.200.000</b>	<b>12.598.800.000</b>

*Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu, tháng 8/2023.*

**Đánh giá chung**

- Sản phẩm du lịch của La Bằng được xây dựng dựa trên lợi thế về vùng chè, tuy nhiên chưa đa dạng và tạo sự khác biệt.

- Các tour được xây dựng và đã đi vào thực hiện là một bước tiến lớn với du lịch địa phương, tuy nhiên các tour này còn chưa được biết đến rộng rãi.

- Các hộ dân đã có sự liên kết trong hoạt động du lịch, tuy nhiên số lượng các hộ tham gia còn ít và chỉ một số hộ gia đình nhận được lợi ích từ hoạt động du lịch. Theo thuyết trao đổi xã hội (Social Exchange) thì khi người dân không nhận được lợi ích từ du lịch, họ thường không ủng hộ và tham gia phát triển hoạt động này. Đây là một khó khăn trong phát triển du lịch bền vững.

- Mặc dù nhận được sự quan tâm của chính quyền và một số dự án phát triển du lịch, song sự quan tâm và những dự án này chưa đủ để thúc đẩy hoạt



động du lịch tại địa phương phát triển mạnh mẽ, từng bước đưa du lịch trở thành nguồn thu nhập chính của địa phương và giúp thay đổi diện mạo của địa phương.

## **2. Một số giải pháp đã triển khai tại huyện và xã La Bằng**

### **2.1. Quy hoạch du lịch**

Tích cực thu hút đầu tư các dự án du lịch nghỉ dưỡng tại xã Tân Thái và du lịch nghỉ dưỡng - giải trí, thể thao khu vực Hồ Núi Cốc; dự án khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, thể dục thể thao và khu ở tại thị trấn Quân Chu, xã Cát Nê.

Đã quy hoạch vùng sản xuất chè tập trung gắn với phát triển du lịch xã La Bằng, Phú Xuyên. Hiện, đang tiến hành thực hiện quy hoạch chi tiết xây dựng điểm du lịch xã La Bằng.

### **2.2. Phát triển sản phẩm du lịch**

Xây dựng Đề án phát triển khu du lịch sinh thái La Bằng, Hoàng Nông giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 với các sản phẩm du lịch chủ yếu là du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, du lịch văn hóa, lịch sử, tâm linh, du lịch cộng đồng, nông nghiệp gắn với văn hóa trà.

Đã thành lập đội văn nghệ truyền thống tại xã La Bằng để phục vụ khách du lịch. Hỗ trợ phát triển những sản phẩm, làng nghề truyền thống như: chè, nấm, cây thuốc nam, các sản phẩm OCOP.

Tại các điểm có tài nguyên du lịch cộng đồng, sinh thái và văn hóa như xã La Bằng, Hoàng Nông, Quân Chu đã có nhiều hộ gia đình đầu tư xây dựng homestay, phát triển dịch vụ lưu trú, ăn uống. Có Hợp tác xã chè đã xây dựng được khu chế biến, khu trưng bày giới thiệu và bán sản phẩm, không gian thưởng trà rộng rãi, đáp ứng các đoàn khách đông người đến tham quan, trải nghiệm.

Bên cạnh việc sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm chè theo tiêu chuẩn Vietgap, hướng hữu cơ, xây dựng thương hiệu chè đạt các tiêu chí OCOP, nhiều nơi đã đầu tư, chỉnh trang những nương chè đẹp phục vụ khách đến tham quan, trải nghiệm,

Gắn du lịch trải nghiệm với văn hóa tâm linh. Bảo tồn và phát huy các lễ hội như: lễ hội Trà Đại Từ, lễ hội Nghè, lễ hội Núi Vãn - Núi Võ; di sản văn hóa phi vật thể như hát then đàn tính của dân tộc Tày, lễ cấp sắc, tết nhảy dân tộc Dao, hát soọng cô dân tộc Sán Dìu, Sán Chay,... phục vụ khách đến tham quan, du lịch, nghỉ dưỡng.

Nâng cao chất lượng dịch vụ tại khu du lịch Hồ Núi Cốc nhằm thu hút khách du lịch trong và ngoài tỉnh.

Bước đầu đã có sự kết nối, hình thành các tour du lịch sinh thái kết hợp tham quan di tích lịch sử gắn với các tour du lịch như Hồ Núi Cốc - Di tích 27/7 - Thiền Viện Trúc Lâm Tây Trúc; Hồ Núi Cốc - Di tích 27/7 - Nơi thành lập cơ sở Đảng cộng sản đầu tiên của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên - Không gian văn hóa Trà - suối kẹm La Bằng,...

### **2.3. Phát triển nguồn nhân lực du lịch**

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ, công chức UBND huyện Đại Từ đã tổ chức các lớp tập huấn công tác du lịch cho cán bộ, công chức phụ trách công tác du lịch cấp xã; tổ chức tập huấn nghiệp vụ phát triển du lịch nông thôn tại xã La Bằng cho các trưởng xóm, bí thư chi bộ; các hạt nhân, các CLB văn hóa, văn nghệ địa phương; chủ thể hoạt động, kinh doanh du lịch nông thôn; chủ thể chương trình OCOP; cá nhân, tập thể, hộ gia đình tham gia phát triển du lịch nông thôn và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Tổ chức cho cán bộ, các chủ thể tham gia hoạt động dịch vụ du lịch, chủ thể chương trình OCOP, hạt nhân văn nghệ xã La Bằng tham gia học tập kinh nghiệm thực tế về phát triển du lịch cộng đồng, du lịch nông thôn tại bản Cát Cát; Tả Van thị trấn Sa Pa, tỉnh Lào Cai; tại huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang Pù Luông, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.

Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Thái Nguyên tổ chức Hội nghị tọa đàm về bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống và phát triển du lịch nông thôn tại xóm Tân Sơn, xã La Bằng. Tham dự Hội nghị có các chuyên gia, nhà khoa học am hiểu có kinh nghiệm trong lĩnh vực du lịch, văn hóa, các doanh nghiệp lữ hành du lịch trong và ngoài tỉnh đã tham gia các ý kiến góp ý xây dựng, phát triển du lịch cho các tổ chức, cá nhân trực tiếp kinh doanh lĩnh vực du lịch tại xã La Bằng.

### **3. Các mô hình du lịch gắn với xây dựng nông thôn mới tại vùng chè La Bằng**

#### *HTX Du lịch Cộng đồng Kẹm – La Bằng*

HTX Du lịch cộng đồng Kẹm La Bằng được thành lập từ tháng 4/2023 gồm 8 thành viên, với lĩnh vực hoạt động là kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, dịch vụ ăn uống, du lịch cộng đồng. Hiện nay, Đây là điểm có khu sinh thái suối Kẹm, bắt nguồn từ đỉnh non xanh Tam Đảo, hai bên bờ suối là những thảm cây rừng nguyên sinh của chân núi Tam Đảo, xen lẫn bãi đá, trên cung đường di chuyển, với 4 bãi tắm khá rộng và các điểm check-in đẹp bên bãi đá và các tầng thác. Trên địa bàn hiện có 5 nhà hàng phục vụ ăn uống và kinh doanh dịch vụ nghỉ lưu trú Homestay, gồm: La Bằng xanh, Huệ Phúc, La Bằng homestay, Tân Sơn quán, Nhà hàng suối Kẹm, có trang thiết bị đầy đủ như nhà tắm, nhà vệ sinh, có đủ chăn, ga, gối, đệm phục vụ du khách nghỉ lưu trú, đáp ứng trên 100 người/lượt; có với nhiều bungalow mới đảm bảo trang thiết bị phục vụ đón khách du lịch như: chăn, ga, gối đệm, điều hòa, nhà vệ sinh, nhà tắm khép kín đáp ứng trên 30 khách 1 lượt nghỉ qua đêm.

#### *La Bằng farmstay*

Ban đầu cơ sở với tên gọi là vườn hoa Tân Sơn (dịch vụ cho khách chụp ảnh check in và thưởng thức ẩm thực cá tầm). Cùng với sự phát triển của Điểm

du lịch cộng đồng xóm Tân Sơn và cũng là đáp ứng nhu cầu của du khách, La Bằng farmstay đã không ngừng cải tạo, thay đổi để phù hợp với thực tế. Đến nay, cơ sở không chỉ có không gian phục vụ ẩm thực với sức chứa đồng thời lên đến 250 khách, nhà sàn lưu trú cộng đồng, mà còn có 5 căn bungalow phục vụ nghỉ dưỡng khép kín. Những căn bungalow được thiết kế cách điệu kết hợp giữa truyền thống và hiện đại tạo không gian cổ kính, mát mẻ và tươi xanh. La Bằng Farmstay có tổng diện tích khoảng 1ha được thiết kế hài hòa với nhiều hạng mục xen kẽ. Trong đó có bể bơi diện tích trên 300m<sup>2</sup>, với nguồn nước suối tự nhiên mát lạnh, gồm bể dành cho người lớn và trẻ em. Với lợi thế tự nhiên gần sát con suối nên đến La Bằng Farmstay bạn có thể thỏa sức nô đùa, tắm mát bên dòng suối Kẹm hoặc cũng có thể cắm trại để tận hưởng cuộc sống sinh tồn hòa mình vào thiên nhiên. Cơ sở có khá nhiều ưu đãi dành cho du khách. Với những đoàn khách từ 30 người trở lên nếu thưởng thức ẩm thực buổi trưa tại cơ sở sẽ được bố trí không gian nghỉ trưa miễn phí tại nhà sàn cộng đồng. Đồng thời được đại diện của cơ sở dẫn đi tham quan và khám phá các tầng thác của suối Kẹm (Đoạn các bên tắm dành cho khách du lịch); thăm và trải nghiệm cùng bà con hái chè tại khu vực vườn chè 68 triệu đồng. Gọi như vậy là vì ở đây vườn chè có sản phẩm đạt giải Nhất tại Hội thi “Bàn tay vàng chế biến chè” tham gia đấu giá tại Lễ hội chè Đại Từ năm 2024 và đạt mức đấu giá 68 triệu đồng/1kg. Những đồi chè trải dài, xanh bát ngát thực sự ấn tượng với du khách. Tại khu vực vườn chè, bà con cũng đã tạo lối đi (đường bê tông nhỏ) để du khách thuận tiện trong quá trình di chuyển.

*Các hoạt động thăm quan trải nghiệm*

- + Thăm quan khu trung tâm văn hóa trà, thưởng thức trà tại nhà sàn
- + Thăm quan, chụp ảnh lưu niệm tại biểu tượng du lịch
- + Tham gia trải nghiệm hái chè, chế biến các sản phẩm từ trà tại các hộ gia đình, các hộ sản xuất kinh doanh
- + Thăm quan, trải nghiệm tắm suối Tiên Sa, khám phá rừng quốc gia Tam Đảo.
- + Tham gia đốt lửa trại, chơi các trò chơi dân gian : Nhảy sạp, kéo co, bắn nỏ, bịt mắt bắt dê,....
- + Tham gia chế biến các món ăn truyền thống của dân tộc như làm cơm lam, kẹo lạc, bánh lam, bánh trung, bánh gio,....
- + Thăm quan chụp ảnh tại các nương chè, các vườn hoa tại các hộ gia đình, các tảng đá liền lớn, các thác nước dọc theo dòng suối Tiên Sa.
- + Tham gia giao lưu văn hóa văn nghệ với các nghệ nhân, các thành viên câu lạc bộ và người dân địa phương như hát then đàn tính của người Tày, Nùng, hát dân ca của người Dao,....

#### **4. Một số giải pháp tăng cường sự tham gia của các bên liên quan**

- UBND Huyện, xã, HTX Tuyên truyền nâng cao nhận thức về phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn; tăng cường hợp tác về phát triển du lịch nông thôn. tổ chức các đợt tuyên truyền sâu rộng, nâng cao nhận thức về tiềm năng, vai trò, yêu cầu trong phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với vùng chè

- Các cơ quan thông tấn, báo chí, hệ thống thông tin cơ sở, các cơ quan, đoàn thể của địa phương đa dạng hóa hình thức thông tin, tuyên truyền về phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn thông qua hình thức tuyên truyền trực quan, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm, tuyên truyền miệng, tổ chức các cuộc thi, hội chợ, triển lãm, diễn đàn, chương trình, sự kiện, lễ hội...

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trên nền tảng công nghệ số thông qua Cổng/Trang thông tin điện tử, mạng xã hội, các ứng dụng số hóa thông tin tuyên truyền...; tăng cường gắn kết, lồng ghép với các hoạt động tuyên truyền trong xây dựng nông thôn mới.

- Tổ chức đội ngũ chuyên gia du lịch, nông nghiệp, nghệ nhân, công nhân kỹ thuật tay nghề cao tham gia hỗ trợ người dân khai thác phát triển các sản phẩm nông nghiệp, nông thôn, sản phẩm thủ công mỹ nghệ, sản phẩm OCOP phục vụ khách du lịch.

- Tổ chức tham quan khảo sát học hỏi kinh nghiệm giữa các điểm du lịch trên địa bàn và các địa phương khác.

- Lồng ghép quảng bá, giới thiệu về các sản phẩm du lịch nông nghiệp nông thôn trong các chương trình quảng cáo về du lịch Việt Nam trên các kênh truyền thông quốc tế, các tạp chí du lịch và các ấn phẩm du lịch như: sách hướng dẫn, sách ảnh, biển chỉ dẫn du lịch,...

## PHÁT TRIỂN DU LỊCH TẠI CÁC VÙNG CHÈ CỦA TỈNH THÁI NGUYÊN: NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ KHUYẾN NGHỊ

### Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thái Nguyên

Hôm nay, chúng tôi rất vinh dự được tham dự Hội thảo do Viện Nghiên cứu phát triển du lịch tổ chức với chủ đề *“Phát triển du lịch tại các vùng chè ở tiểu vùng Đông Bắc, Việt Nam”*. Lời đầu tiên, xin gửi tới các đồng chí lãnh đạo, các quý vị đại biểu dự Hội nghị lời kính chúc sức khỏe, hạn phúc, chúc Hội nghị thành công tốt đẹp.

Thay mặt lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thái Nguyên, chúng tôi xin phép tham luận với chủ đề *“Phát triển du lịch tại các vùng chè của tỉnh Thái Nguyên, những vấn đề đặt ra và giải pháp”*.

Thái Nguyên không chỉ là cái nôi cách mạng với những “địa chỉ đỏ” thu hút du khách về nguồn tìm hiểu các di tích lịch sử văn hóa, di chỉ khảo cổ, Thái Nguyên còn là điểm đến hấp dẫn về du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng bởi đây là vùng đất non xanh nước biếc, khí hậu mát mẻ trong lành với những danh thắng nổi tiếng như Hồ Núi Cốc, hồ Ghềnh Chè, hang Phượng Hoàng - Suối Mỏ Gà, những dòng suối, thác nước, bãi đá đẹp hoang sơ trên sườn đông Tam Đảo, những đồi chè xanh ngát thơ mộng.

Là tỉnh trung du miền núi Bắc Bộ, Thái Nguyên có nhiều lợi thế về đất đai, thổ nhưỡng để phát triển cây chè. Thái Nguyên là tỉnh có diện tích và sản lượng chè lớn nhất cả nước (với tổng diện tích 22,2 nghìn ha) với 04 vùng chè (tứ đại danh trà) nổi bật gồm Tân Cương (TP. Thái Nguyên), La Bằng (huyện Đại Từ), Trại Cài (huyện Đồng Hỷ) và Khe Cốc (huyện Phú Lương), trong đó mỗi vùng đều có những đặc điểm riêng biệt tạo nên sản phẩm trà đa dạng của Thái Nguyên. Doanh thu từ cây chè năm 2023 ước tính lên đến gần 13 nghìn tỷ đồng. Tính đến nay, tỉnh Thái Nguyên đã có 240 sản phẩm OCOP, trong đó có đến hơn 140 sản phẩm (chiếm hơn 60% số lượng sản phẩm) OCOP từ 3 đến 5 sao có nguồn gốc từ chè, trong đó có 02 sản phẩm Trà 5 sao. Toàn tỉnh hiện có 52 doanh nghiệp, gần 100 HTX sản xuất, kinh doanh chè, 230 làng nghề chè và hơn 90.000 hộ trồng chè. Thái Nguyên đã có 01 sản phẩm chè chứng nhận chỉ dẫn địa lý “Tân Cương” được công nhận bảo hộ tại Liên minh châu Âu (EU) thông qua Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-EU; 02 nhãn hiệu chứng nhận là “Chè Phú Lương” và “Chè Võ Nhai”; 09 nhãn hiệu tập thể, 96 nhãn hiệu thông thường liên quan đến sản phẩm từ cây chè của các tổ chức, cá nhân được cấp văn bằng bảo hộ. Cây chè và sản phẩm trà gắn bó với đất và người Thái Nguyên từ lâu đời, được vinh danh là “Đệ nhất danh trà”, nghệ thuật thưởng Trà đã trở thành nét văn hóa rất riêng của người Thái Nguyên. Cây chè trước kia là

cây xoá đói, giảm nghèo, hiện nay đã trở thành cây làm giàu và làm du lịch của người dân xứ Trà Thái Nguyên.

Thái Nguyên, nơi "Đệ nhất danh trà" đã được xem như một vùng tài nguyên thu hút khách du lịch, bởi nơi đây đã luôn bao hàm các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể của Trà Thái Nguyên. Từ lâu, Thái Nguyên được biết đến như một "Thủ đô chè" của Việt Nam, với những sản phẩm chè thơm ngon nức tiếng. Tỉnh Thái Nguyên xác định chè là cây trồng thế mạnh, góp phần quan trọng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Hiện nay, Thái Nguyên đã và đang thực hiện những chương trình, chính sách hỗ trợ phát triển cây chè gắn với du lịch, qua đó góp phần giúp cho nhân dân địa phương phát triển du lịch cộng đồng theo hướng bền vững, chuyên nghiệp, đem lại hiệu quả kinh tế cao, nâng cao đời sống người dân.

Thái Nguyên là vùng đất có bề dày lịch sử và truyền thống, nơi lưu giữ những di sản văn hóa vật thể, phi vật thể mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc. Đến nay, tỉnh có 550 di sản văn hóa phi vật thể được kiểm kê đưa vào danh mục, trong đó có 01 di tích lịch sử văn hóa đặc biệt và 23 di sản được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, trong đó có Tri thức trồng và chế biến chè Tân Cương. Cùng với hệ thống di tích, phong phú, giàu bản sắc văn hóa truyền thống và 189 lễ hội trải khắp địa bàn tỉnh được tổ chức định kỳ hàng năm, các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể được bảo tồn, lưu giữ, phục dựng đã, đang được phát huy giá trị, trở thành sản phẩm du lịch đặc sắc thu hút du khách đến Thái Nguyên, góp phần thúc đẩy ngành Du lịch ngày càng phát triển.

Không chỉ là bảo tồn và duy trì các nét văn hóa các dân tộc, mà trải qua thời gian các di tích lịch sử, các di sản văn hóa đã trở thành tài sản quý của người dân vùng đất danh trà Thái Nguyên, là tiềm năng là động lực để Thái Nguyên phát triển hơn nữa về du lịch gắn với phát huy các di sản văn hóa, phát triển các điểm du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số. Bên cạnh đó, tỉnh Thái Nguyên cũng định hướng phát triển du lịch cộng đồng gắn với nông nghiệp nông thôn bền vững, sản xuất nông nghiệp gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm, vừa tạo ra sản phẩm du lịch, vừa phục vụ du lịch (sản phẩm OCOP, hàng lưu niệm...) góp phần nâng cao thu nhập và sinh kế của người dân.

Hiện nay, tỉnh Thái Nguyên đã và đang tập trung xây dựng phát triển 04 dòng sản phẩm du lịch chính gồm: (1) Du lịch văn hóa, tâm linh, lịch sử, về nguồn gắn với văn hoá Trà; (2) Du lịch cộng đồng, nông thôn gắn với văn hoá Trà; (3) Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch MICE gắn với văn hoá Trà; (4) Du lịch thể thao, khám phá hàng động mạo hiểm. Với nguồn tài nguyên du lịch hấp dẫn, độc đáo cùng với các giá trị văn hoá đặc sắc hứa hẹn sẽ mang đến cho

du khách một hành trình trải nghiệm trọn vẹn với đầy đủ sắc màu về vùng đất và con người Thái Nguyên.

Có thể thấy, để phát triển du lịch từ cây chè không đơn thuần chỉ nằm ở chỗ khai thác, xây dựng điểm thăm quan tại chỗ mà cần biến các sản phẩm từ cây chè để phục vụ du lịch mang lại hiệu quả thiết thực, giúp phát triển kinh tế bền vững, bảo vệ tài nguyên môi trường sinh thái, bảo tồn và phát huy những nét văn hóa độc đáo của địa phương, tạo công ăn việc làm, cải thiện thu nhập, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, đồng thời qua đó hình thành ý thức về việc gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên và môi trường sinh thái của địa phương. Thương hiệu trà Thái Nguyên được người tiêu dùng trong cả nước và quốc tế biết đến với nhiều sản phẩm đặc sắc. Sản phẩm trà Thái Nguyên đã có mặt trên thị trường ở hầu hết tỉnh thành trên cả nước và nhiều quốc gia trên thế giới. Hai thị trường xuất khẩu chè tiềm năng của chè Thái là Pakistan và Srilanca thông qua các doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu chè trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Tuy nhiên, hiện nay cây chè trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên vẫn chưa thực sự phát huy hết giá trị để phục vụ du lịch:

- Các doanh nghiệp, công ty lữ hành du lịch, các tour, tuyến được xây dựng, tổ chức gắn với những vùng chè còn hoạt động mang tính tự phát, độc lập, mới chỉ dừng lại là những điểm dừng chân tự phát dành cho khách chụp ảnh ít có sự gắn kết, thiếu kinh nghiệm nên chưa tích cực khai thác tạo ra sản phẩm du lịch đa dạng, hấp dẫn mang tính đặc thù vùng.

- Sản phẩm chè có nhiều lợi thế trở thành sản phẩm du lịch quan trọng nhưng sự quan tâm và lượng tiêu thụ của khách du lịch còn hạn chế; các thương hiệu chè chưa được quảng bá, giới thiệu tập trung tại các khu, điểm du lịch nên khách du lịch tìm mua sản phẩm chưa được thuận lợi...

Trong thời gian tới để khai thác các vùng chè vào phục vụ phát triển cho du lịch cần sự vào cuộc mạnh mẽ, đồng bộ của cả các cấp chính quyền, người dân và doanh nghiệp trong việc tạo lập, phát triển, giữ vững nhãn hiệu “Chè Thái” cho sản phẩm chè của toàn tỉnh cũng như việc thiết lập các cơ chế bảo hộ, xây dựng cơ sở pháp lý trong kiểm soát chất lượng sản phẩm đảm bảo để cung cấp cho thị trường, trong đó có thị trường du lịch. Đồng thời để cây chè trở thành sản phẩm du lịch, nhằm phát triển du lịch làng nghề chè truyền thống tại các vùng chè đặc sản Thái Nguyên, làm cho du lịch Thái Nguyên trở thành một điểm đến an toàn, thân thiện, bản sắc, hấp dẫn, ấn tượng trong lòng du khách và bè bạn gần xa trên hành trình khám phá Thái Nguyên.

Một số giải pháp để đẩy mạnh phát triển du lịch Thái Nguyên tại các vùng chè

1. Bảo tồn và phát triển các làng nghề chè truyền thống Thái Nguyên được xây dựng, triển khai thực hiện phù hợp với quy hoạch phát triển ngành nghề, quy



hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của địa phương và cả nước; trong đó chú trọng bảo tồn và phát triển làng nghề gắn với quy hoạch vùng nguyên liệu và bảo vệ môi trường góp phần thúc đẩy du lịch tỉnh Thái Nguyên phát triển.

2. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong việc bảo tồn phát triển hoạt động du lịch làng nghề Chè: Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực du lịch cho làng nghề Chè, tập huấn giáo dục phổ biến cho các tổ chức cá nhân kinh doanh du lịch hiểu biết, nhận thức sâu về pháp luật Du lịch. Việc đầu tư phát triển nguồn nhân lực là giải pháp ưu tiên đặc biệt nhằm tạo ra sự phát triển vượt bậc trong chất lượng phục vụ du lịch và cơ cấu ngành nghề cũng như trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ để đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch trong giai đoạn mới và xu thế hội nhập kinh tế quốc tế.

3. Tăng cường gắn kết du lịch với phát triển làng nghề để đem lại lợi ích kinh tế kết hợp với tái đầu tư cho hoạt động bảo tồn làng nghề Chè trong công tác tổ chức quản lý, khai thác sản xuất và lưu thông các sản phẩm du lịch. Các doanh nghiệp kinh doanh chè cần đầu tư xây dựng các điểm tham quan từ đồi chè kết hợp với nhà máy sản xuất, phòng trưng bày, thương thức và mua sản phẩm; mở rộng hệ thống bán, giới thiệu sản phẩm ra ngoài vùng trồng, sản xuất,... nhằm tạo ấn tượng và trở thành địa chỉ tin cậy đáp ứng, kích thích nhu cầu đối với du khách. Đề cây chè, sản phẩm trà thực sự phục vụ phát triển du lịch cần đẩy mạnh giới thiệu trong các sự kiện xúc tiến thương mại, du lịch trong và ngoài nước, tiến tới tổ chức lễ hội chè thường niên giúp du khách, đối tác dễ dàng nhận diện thương hiệu, liên kết tiêu thụ sản phẩm...

4. Phát triển đa dạng các loại hình du lịch nông thôn gắn với vùng chè, như du lịch cộng đồng gắn với văn hóa trà; du lịch nông nghiệp gắn với văn hóa trà; du lịch lịch sử, văn hóa, tâm linh gắn với văn hóa trà; du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, MICE gắn với văn hóa trà; du lịch khám phá hang động, thể thao gắn với văn hóa trà. Việc phát triển du lịch gắn với văn hóa trà đã góp phần đa dạng hóa các sản phẩm du lịch, đồng thời quảng bá thương hiệu trà của các tỉnh Thái Nguyên đến đông đảo du khách trong và ngoài nước.

5. Phát huy và khai thác có hiệu quả các nguồn lực của địa phương, phát triển bền vững và ổn định, bảo vệ diện tích chè hiện có, tranh thủ nguồn lực từ bên ngoài; sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên tự nhiên, dựa trên cơ sở khai thác lợi thế về tài nguyên đất đai, khí hậu... để phát triển sản xuất chè đặc sản, có sản lượng hàng hóa tập trung. Đưa cây chè thực sự là cây trồng hàng hóa chủ lực; cây làm giàu trong phát triển kinh tế của tỉnh. Phát triển mạnh ở cả 3 khâu sản xuất, chế biến và tiêu thụ.

6. Áp dụng các quy trình canh tác và đầu tư chăm sóc theo chiều sâu, tạo vùng nguyên liệu tập trung chất lượng, an toàn, từng bước đưa các giống chè mới có chất lượng tốt, năng suất cao thay thế chè giống cũ, tạo cơ cấu giống chè phù

hợp, ứng dụng rộng rãi các tiến bộ kỹ thuật hiện có trong ngành chè để nâng cao năng suất và chất lượng chè.

7. Sắp xếp lại tổ chức sản xuất, tập trung tăng cường quy mô sản xuất thông qua liên kết, hợp tác theo hình thức nhóm hộ, hợp tác xã với doanh nghiệp.

8. Đồng bộ hoàn thiện cơ sở hạ tầng du lịch như: giao thông, nhà vệ sinh đạt chuẩn, nhà văn hóa cộng đồng, gian hàng trưng bày giới thiệu sản phẩm, hệ thống điện, nước, bãi đỗ xe.... Tăng cường công tác bảo tồn duy trì phong tục, lễ hội, các làn điệu dân ca dân vũ, trang phục dân tộc, nghề thủ công truyền thống có nguy cơ mai một, kiến trúc nhà cửa, đào tạo nguồn nhân lực kỹ năng nghề du lịch.

9. Đẩy mạnh quảng bá xúc tiến đối với các làng nghề chè: Tăng cường tuyên truyền giới thiệu quảng bá về tiềm năng, tài nguyên và sản phẩm du lịch tại làng nghề chè đến với du khách trong nước và quốc tế. Đầu tư hơn nữa việc quảng bá hình ảnh Trà Thái Nguyên trên các phương tiện truyền thông. Các hoạt động xúc tiến, quảng bá được triển khai đồng bộ, trong đó nhấn mạnh đến các hoạt động marketing như việc xây dựng website về du lịch Trà Thái Nguyên bằng nhiều thứ tiếng khác nhau cho khách du lịch có thể tra cứu thông tin dễ dàng, nhanh chóng; đầu tư quảng bá trên các trang mạng xã hội ưa chuộng sử dụng nhiều nhất như Facebook, Google+ ... Ngoài ra Thái Nguyên đang liên kết với các địa phương khác và huy động các nguồn lực của xã hội trong công tác xúc tiến, quảng bá du lịch và Đối với làng nghề chè, các doanh nghiệp chế biến, sản xuất và kinh doanh chè tiếp tục chú trọng hơn nữa trong đầu tư xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu để chè Thái Nguyên vươn xa hơn nữa.

Phát triển du lịch tại các vùng chè của tỉnh Thái Nguyên là một việc làm hết sức cần thiết trong việc khai thác nguồn tài nguyên có sẵn cùng với sự đầu tư và tư duy mới về làm du lịch cộng đồng, đưa sản phẩm trà đến với đông đảo người dân và khách du lịch. Qua đó, góp phần đa dạng hóa các sản phẩm du lịch cũng như hỗ trợ người dân phát triển kinh tế, làm giàu từ cây chè trên quê hương Xứ Trà.

Một lần nữa xin kính chúc các quý vị đại biểu mạnh khỏe, hạnh phúc; chúc Hội thảo thành công tốt đẹp.

# **PHÁT TRIỂN DU LỊCH TẠI CÁC VÙNG CHÈ CỦA TỈNH HÀ GIANG: TIỀM NĂNG, HIỆN TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG**

## **Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hà Giang**

Với những thuận lợi, thế mạnh về địa lý, địa hình, khí hậu và thổ nhưỡng đặc thù, trong những năm gần đây, tỉnh Hà Giang đã tập trung ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ cho chương trình phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp và xây dựng nông thôn theo hướng nông nghiệp đặc trưng hàng hóa chất lượng cao gắn với phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn. Hình thành các khu kinh tế, các mô hình sản xuất kinh doanh vừa và nhỏ. Tỉnh Hà Giang đã ban hành Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 02/8/2021 của BCH Đảng bộ Tỉnh về phát triển du lịch Hà Giang giai đoạn 2021-2025, Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 10/10/2021 của BCH Đảng bộ Tỉnh về phát triển nông nghiệp đặc trưng hàng hóa chất lượng cao theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2021-2025 đây là cơ sở quan trọng để thực hiện việc cụ thể hóa các mục tiêu phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn theo hướng bền vững, trong đó chú trọng việc mở rộng sản xuất chế biến sản phẩm từ chè là một trong những thế mạnh được ưu tiên phát triển.

Về tiềm năng: Chè là cây trồng đặc sản, có giá trị kinh tế cao của các địa phương tại khu vực miền núi phía Bắc và tỉnh Hà Giang. Việc kết hợp du lịch nông thôn gắn với phát triển vùng chè là một hướng đi mới, phù hợp định hướng phát triển du lịch bền vững, phát triển bền vững của khu vực miền núi phía bắc nói riêng và cả nước nói chung, không chỉ đóng vai trò thúc đẩy ngành du lịch địa phương mà còn góp phần quan trọng vào việc quảng bá kiến thức bản địa gắn với chuỗi giá trị sản phẩm chè phục vụ du lịch, cung cấp sản phẩm hàng hóa từ chè và đặc sản địa phương, dịch vụ tại chỗ sẽ tạo thêm nguồn sinh kế ổn định, cải thiện đời sống cho người nông dân trồng chè, phát triển vùng chè, thúc đẩy xuất khẩu tại chỗ, tăng cường truyền thông điểm đến, xúc tiến quảng bá sản phẩm du lịch, từ đó nâng cao giá trị và thương hiệu chè của địa phương.

Hà Giang hiện có gần 20.000 ha chè các loại. Trong đó, diện tích chè Shan tuyết hơn 18.600ha chiếm trên 90% diện tích. Cây chè Shan tuyết được phân bố ở 11/11 huyện, thành phố trong tỉnh, Năng suất 46,9 tạ/ha; Sản lượng 86.181,2 tấn trong đó, tập trung nhiều nhất tại các huyện Bắc Quang (4.833,1), Hoàng Su Phì (4.417,5 ha) Vị Xuyên (3.640,9 ha). Quang Bình (3.293,6); Xín Mần (1.647,8 ha). Có 10 làng nghề chế biến sản xuất chè đã được tỉnh công nhận, nhiều thương hiệu chè đã phát huy được hiệu quả cao trong sản xuất kinh doanh. 114 sản phẩm chè và các sản phẩm liên quan đến trà đạt tiêu chuẩn OCOP từ 3-4 sao đủ điều kiện xuất khẩu và tham gia các thị trường thương mại có tính cạnh tranh cao, đặc biệt chè Phìn Hồ (Hoàng Su Phì) đạt chuẩn OCOP 5 sao.

Hà Giang cũng là tỉnh có diện tích chè Shan tuyết lớn nhất cả nước, trong đó có trên 7.000 ha là diện tích chè Shan tuyết cổ thụ hàng trăm năm tuổi, được các nhà khoa học đánh giá là một trong những thủy tổ của cây chè, mang nhiều nguồn gen quý hiếm. Đến nay, tỉnh Hà Giang có 2 quần thể chè Shan tuyết cổ thụ được Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam công nhận Cây Di sản Việt Nam. Qua số liệu điều tra, khảo sát, trên địa bàn huyện Hoàng Su Phì hiện có hơn 10.000 cây chè Shan tuyết có tuổi đời trên 100 năm tuổi, đường kính thân cây từ 30cm trở lên. Trong đó có 1.248 cây chè Shan tuyết cổ thụ trên địa bàn 5 xã Nậm Ty, Thông Nguyên, Hồ Thầu, Tả Sử Choóng và Túng Sán đã được công nhận là Cây di sản Việt Nam.

Những cây chè Shan tuyết cổ thụ có độ tuổi hàng trăm năm là những “báu vật” đối với người trồng chè nói riêng và tỉnh Hà Giang nói chung. Từ đó, cần khai thác và phát huy tối đa giá trị của những diện tích chè cổ thụ trên địa bàn tỉnh. Đây cũng là Vùng chè Shan tuyết Di sản “vàng xanh” của đất trời cực Bắc. Nó được xem như biểu tượng của vùng đất giàu truyền thống lịch sử. Bên cạnh những giá trị lịch sử, văn hóa, hàng chục năm qua cây chè Shan tuyết cổ thụ còn được người dân ở đây khai thác, mang lại những giá trị kinh tế cao.

Với mục tiêu khai thác hiệu quả giá trị cây chè, nâng cao ý thức người dân trong việc quản lý, chăm sóc và bảo tồn cây chè Shan tuyết cổ thụ; xây dựng thương hiệu chè gắn với du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm, thời gian, qua huyện Hoàng Su Phì đã triển khai nhiều giải pháp tích cực. Trong đó địa phương tập trung chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn, các xã, thị trấn đẩy mạnh công tác tuyên truyền người dân nâng cao ý thức trong việc bảo vệ cây chè cổ thụ. Vận động người dân chăm sóc, thu hái, sao chế, bảo quản đúng quy trình kỹ thuật; tuyệt đối không sử dụng phân bón hóa học và thuốc diệt cỏ để giữ gìn thương hiệu chè Shan tuyết đã được chứng nhận đạt tiêu chuẩn hữu cơ.

Đồng thời, chỉ đạo các xã, thị trấn thực hiện nghiêm các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi xâm hại cây di sản. Khuyến khích các địa phương đưa nội dung bảo vệ cây di sản, cây cổ thụ vào hương ước, quy ước, tiến tới xây dựng, ban hành quy chế bảo vệ cây cổ thụ và cây di sản. Tăng cường phối hợp giáo dục truyền thống, văn hóa, đẩy mạnh phát triển du lịch gắn với việc bảo tồn cây di sản, hình thành ý thức quý trọng cây cổ thụ, cây di sản trong các tầng lớp nhân dân. Cây chè đã trở thành một phần không thể thiếu đối với đồng bào các dân tộc nơi đây.

Thực trạng cho thấy: Một thực tế là hiện nay đối với quần thể chè Shan tuyết được công nhận là Cây Di sản đều là những cây cổ thụ, già cỗi, một số cây có dấu hiệu sinh trưởng kém, bị sâu bệnh hại, héo lá, chết cành. Trong khi, việc bảo vệ cây di sản còn gặp khó khăn do chưa có nguồn kinh phí riêng để phục vụ cho công tác bảo vệ, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh hại cho cây ở các địa

phương. Một bộ người dân chưa có ý thức trong việc bảo vệ cây, gây nên những vết thương cơ giới tạo điều kiện cho một số vi sinh vật xâm nhập, gây bệnh cho cây... Bên cạnh đó, đôi chè chủ yếu ở các khu vực núi cao giao thông đi lại khó khăn khiến việc vận chuyển chè búp tươi hạn chế, dẫn đến năng suất lao động thấp. Đây cũng là nguyên nhân các doanh nghiệp lớn ngại đầu tư cho chế biến, tiêu thụ sản phẩm chè Shan tuyết chất lượng cao. Tập quán canh tác của người dân cũng là nguyên nhân làm giảm năng suất, sản lượng chè.

Việc đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị máy móc còn thấp, sản phẩm làm ra chủ yếu là chè vàng, chè phơi bán cho thị trường Trung Quốc nên giá thành không cao. Thời gian gần đây, việc các thương nhân Trung Quốc đẩy mạnh mua chè vàng với giá cao và yêu cầu sản phẩm hết sức đơn giản gây thiếu nguyên liệu cho các hợp tác xã sản xuất trong huyện. Về lâu dài, việc thu hoạch không đúng kỹ thuật do cung cấp nguyên liệu cho chè vàng (thường hái dài, có hộ gia đình còn thu hái cả cành không để lại lá chồi) sẽ ảnh hưởng lớn đến năng suất, chất lượng nương chè.

Hàng năm, bình quân nhân dân tại các huyện có diện tích chè Shan tuyết lớn thực hiện trồng mới, trồng dặm trung bình từ 450 - 500 ha nhưng chất lượng cây giống, thời gian kiến thiết chè lâu, tỷ lệ sống thấp. Tiềm năng của cây chè Shan tuyết vẫn chưa được khai thác hết do phương thức trồng, chăm sóc chè thường gắn liền với tập tục của đồng bào các dân tộc vùng cao và khai thác tự nhiên, không có đầu tư thâm canh, mặt khác trồng bằng hạt nên năng suất chưa cao và đặc biệt chất lượng chè không đồng đều, tạo điều kiện cho các tác nhân gây hại, tác động mạnh, làm giảm tuổi thọ, đe dọa đến sự sinh tồn của nhiều vườn chè cổ thụ.

Ngoài ra, chưa chú trọng đến việc đăng ký nhãn mác, thương hiệu nhằm quảng bá, tiêu thụ sản phẩm mở rộng thị trường. Việc đăng ký tiêu chuẩn chất lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm cho sản phẩm chè của các cơ sở trên địa bàn tỉnh còn hạn chế, mới chỉ thực hiện được ở một số công ty/doanh nghiệp và HTX trên địa bàn tỉnh; Một số diện tích các huyện vùng cao các hộ dân chưa đầu tư cơ giới hóa và sản xuất chè, chưa có máy hái, máy đốn, máy phun thuốc; máy móc phục vụ chế biến còn thô sơ lạc hậu, phần lớn là bộ sao sấy mini, máy vò.

Các vùng chè san tuyết cổ thụ có niên đại hàng trăm tuổi đã tạo ra những sản phẩm trà độc đáo được các nghệ nhân cũng như doanh nghiệp quan tâm phát triển như: Nghệ nhân Nguyễn Cao Sơn, HTX chè Tây Côn Lĩnh – Hà Giang đã đạt 15 giải thưởng Thế Giới tại Cuộc thi AVPA Paris - Cộng hoà Pháp từ năm 2018 đến 2024. Các phẩm trà đạt giải thưởng được lựa chọn nguyên liệu từ các vùng trà nổi tiếng của Hà Giang. Bạch Trà Shan Tuyết Cổ Thụ Tây Côn Lĩnh Hà Giang (đạt giải ấn tượng thế giới 2019 tại Pháp. Bạch Trà Chốt Đỉnh 2000 Shan

Tuyết Cỏ Thụ Tây Côn Lĩnh - Hà Giang - trà đạt giải vàng Thế Giới AVPA Paris. Phẩm trà được thu hái trước Tiết Thanh Minh tháng 3 âm lịch (hay còn được gọi Bạch Trà Chột Tiên Thanh Minh); Gourmet medal (Giải Ấn Tượng Thế Giới ) gồm: Bạch Trà Shan Tuyết Cỏ Thụ Tây Côn Lĩnh Hà Giang; Hồng Trà Shan Tuyết Cỏ Thụ Tây Côn Lĩnh Hà Giang Silver medal (Giải Bạc Thế Giới); Hồng Trà Shan Tuyết Cỏ Thụ Tây Côn Lĩnh Hà Giang 1 búp Gold medal (Giải Vàng Thế Giới )- Hồng Trà Shan Tuyết Cỏ Thụ Tây Côn Lĩnh Hà Giang.

Sản phẩm chè Shan tuyết được người tiêu dùng đánh giá cao chất lượng và được biết đến ở nhiều nơi, ngoài tiêu thụ tại các thị trường lớn trong nước, chè Shan tuyết Hà Giang cũng đã có mặt tại 3 châu (Châu Âu, Châu Á, Châu Mỹ) và trên 20 quốc gia. Có thể khẳng định chè Shan tuyết Hà Giang có hương vị và giá trị đặc biệt, ngoài chất liệu hoàn toàn tự nhiên thì điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu cũng tạo cho chè Shan tuyết Hà Giang những đặc trưng riêng có, như nhiều tuyết trên mỗi búp chè, hàm lượng chất tanin và khoáng chất cao nên nước chè xanh, vị ngọt và rất được nước. Cùng với cảnh quan thiên nhiên, khí hậu ôn hòa và con người hồn hậu đã tạo cho vùng đất này những nét độc đáo, thu hút rất cần được bảo vệ và phát triển gắn với du lịch nông nghiệp đa trải nghiệm.

Hà Giang nằm trong danh sách các điểm đến lý tưởng do các tạp chí du lịch uy tín trên thế giới bình chọn. The New York Times (Mỹ) đã xếp Hà Giang vào danh sách các điểm đến hấp dẫn nhất trên thế giới. Hà Giang được Tổ chức giải thưởng Du lịch Thế giới (World Travel Awards - WTA) vinh danh là: Điểm đến du lịch mới nổi hàng đầu châu Á năm 2023 (Asia's Leading Emerging Tourism Destination 2023); Điểm đến văn hóa khu vực hàng đầu châu Á năm 2024 (Asia's Leading Regional Cultural Destination 2024). Các danh hiệu trên là dư địa tốt để tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động truyền thông thu hút khách du lịch trong thời gian tới.

Từ tiềm năng về nguồn nguyên liệu vùng chè như trên Trong những năm gần đây, du lịch nông thôn đã có bước phát triển mạnh mẽ tại tỉnh Hà Giang. Nhiều điểm đến du lịch nông thôn được hình thành trên cơ sở khai thác giá trị đặc sắc, mang đậm dấu ấn của văn hóa, sinh thái vùng miền. Nhiều sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng văn hóa sinh thái nông nghiệp độc đáo, đáp ứng nhu cầu tham quan, trải nghiệm của du khách. Nhiều mô hình du lịch gắn với sinh thái nông nghiệp, nông thôn được đầu tư khai thác. như: Mô hình làng văn hóa du lịch tiêu biểu; làng du lịch cộng đồng gắn với phát triển dược liệu; du lịch cộng đồng theo tiêu chí phân hạng sản phẩm Ocop. Trong đó những mô hình du lịch gắn với những vùng chè trong tỉnh đã được trọng tâm đầu tư, bước đầu phát huy hiệu quả, như: Làng VHDL thôn Nậm Hồng, thôn Phìn Hồ xã Thông Nguyên huyện Hoàng Su Phì; Làng VHDL Lũng Táo xã Cao Bồ, thôn Xà Phìn xã Phương Tiến huyện Vị Xuyên;; Làng VHDL Nà Ràng xã Khuôn

Lùng, thôn Quảng Hạ xã Quảng Nguyên huyện Xín Mần; Điểm du lịch sinh thái trải nghiệm nông nghiệp Cam, chè Khuổi Xíu, Công ty dược liệu Bông Sen Vàng, huyện Bắc Quang...vv.

Doanh nghiệp lữ hành và các đơn vị cung ứng sản phẩm du lịch nông thôn đã có sự liên kết chặt chẽ; nhiều tour du lịch nông nghiệp, nông thôn độc đáo, chất lượng được du khách đón nhận. Sự tham gia trực tiếp của người dân và các cơ sở kinh doanh trong các hoạt động du lịch nông nghiệp đã tạo nên sự phong phú, hấp dẫn của các sản phẩm du lịch vùng chè. Cụ thể:

- Hình thành chuỗi hệ thống cơ sở dịch vụ phục vụ du lịch (40 làng văn hóa du lịch với hơn 300 homestay, cơ sở kinh doanh ăn uống) có gắn kết trên các tuyến điểm tham quan khu vực vùng chè

- Tour tham quan vùng nguyên liệu gắn với du lịch sinh thái, nhất là tại các các khu vực thuộc đỉnh Tây Côn Lĩnh có rừng chè cổ thụ như: Thông Nguyên, Nậm Ty, Túng Sán (Hoàng Su Phì) Cao Bồ (Vị Xuyên), Ngam La (Yên Minh); Nà Thác, Khuổi My –TPHG; tham gia các sản phẩm trải nghiệm, trồng, chế biến, chăm sóc, thu hái chè tại nhà dân theo cách thức truyền thống, góp phần tiêu thụ sản phẩm tại chỗ

- Hình thành, đa dạng hóa các sản phẩm từ chè và các dịch vụ du lịch gắn với tri thức, khai thác văn hóa bản địa phục vụ du lịch, các hoạt động giao lưu ẩm thực, văn hóa dân gian.

- Các cơ sở, điểm bán hàng kinh doanh sản phẩm chè tại trung tâm của tỉnh, huyện, phục vụ hoạt động quảng bá giới thiệu sản phẩm chè địa phương (*hiện 11 huyện thành phố đều có gian trưng bày điểm bán sản phẩm đặc sản địa phương, trong đó mặt hàng từ các sản phẩm chè, ngoài ra còn được bày bán trong các chuỗi siêu thị, cửa hàng, các điểm dừng chân du lịch, các cơ sở kinh doanh phục vụ du lịch*).

Mặc dù có nhiều kết quả đạt được, tuy nhiên các mô hình du lịch nông thôn gắn với phát triển vùng chè tại tỉnh còn rất hạn chế. Người dân và các cơ sở sản xuất, chế biến và kinh doanh chè chưa tận dụng được thế mạnh của vùng chè để kết hợp phát triển du lịch. Mô hình du lịch nông thôn gắn với phát triển vùng chè mới đang ở giai đoạn đầu trong quá trình phát triển, một số địa phương đã có hoạt động du lịch trải nghiệm, thưởng trà tại các vùng chè, nhưng mới chỉ đáp ứng ở mức các dịch vụ cơ bản (ăn nghỉ), chưa hình thành sản phẩm trải nghiệm có chiều sâu và được tổ chức chuyên nghiệp, hấp dẫn du khách lưu lại lâu hơn, chưa thu hút được đông đảo các bên liên quan tham gia một cách tích cực và chủ động.

Để phát huy hơn nữa hiệu quả khai thác các mô hình du lịch nông nghiệp tại địa phương vùng chè tỉnh Hà Giang, trong thời gian tới cần thực hiện đồng bộ các nhóm giải pháp như sau:



1. Huy động và lồng ghép nhiều nguồn lực hỗ trợ từ trung ương, các dự án, tổ chức phi chính phủ và các chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội vùng nông thôn, đồng bào dân tộc thiểu số cho phát triển du lịch.

2. Phát triển cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch đối với các điểm du lịch cộng đồng có tiềm năng, đảm bảo điều kiện phục vụ, thu hút khách. Đảm bảo thực hiện phù hợp giữa các tiêu chí, tiêu chuẩn về du lịch cộng đồng của tỉnh đã được ban hành và tiêu chuẩn Quốc gia.

3. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện, tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả trong triển khai các đề án dự án, kế hoạch đã được phê duyệt.

4. Nghiên cứu cơ chế hỗ trợ, chủ động mời gọi các doanh nghiệp tham gia liên kết phát triển sản xuất, tiêu thụ sản phẩm chè cho người dân, hỗ trợ phát triển hình thành gắn kết du lịch cộng đồng với các trang trại, Hợp tác xã nông nghiệp gắn với du lịch nông thôn trên địa bàn, ưu tiên, bố trí nguồn vốn để thực hiện, phát triển các sản phẩm nông nghiệp đạt chuẩn OCOP phục vụ du lịch.

5. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phát huy vai trò của các tổ chức Đảng, đoàn thể, chính trị xã hội cấp cơ sở trong nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo tồn văn hoá, phát triển du lịch gắn với phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tại cơ sở, vận động nhân dân tham gia trong các hoạt động phong trào văn hoá văn nghệ, xây dựng hạ tầng, cải tạo cảnh quan, giữ gìn vệ sinh môi trường, đảm bảo an ninh trật tự...

6. Tăng cường xúc tiến quảng bá, thu hút sự quan tâm của khách du lịch và các doanh nghiệp du lịch đối với loại hình sản phẩm du lịch cộng đồng gắn với phát triển vùng chè, kết hợp với mục tiêu quảng bá kiến thức bản địa gắn với chuỗi giá trị sản phẩm chè phục vụ phát triển du lịch./.

## TIỀM NĂNG VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH TẠI CÁC VÙNG CHÈ CỦA TỈNH TUYÊN QUANG

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Tuyên Quang

*Kính thưa Quý vị đại biểu, thưa toàn thể Hội thảo!*

Tuyên Quang là vùng núi cao phía Bắc, có diện tích tự nhiên là 5.868 km<sup>2</sup>, có 22 dân tộc anh em cùng chung sống, với nhiều tiềm năng du lịch đa dạng, phong phú và hấp dẫn đáp ứng nhiều loại hình du lịch khác nhau. Tuyên Quang – nơi có nhiều di tích lịch sử nổi tiếng: Đình Tân Trào, cây đa Tân Trào, lán Nà Lừa, khu di tích của Chính phủ Thủ đô Khu giải phóng, Thủ đô Kháng chiến, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh, Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận và nhiều các bộ, ban, ngành, cơ quan Trung ương đặt trụ sở làm việc, lãnh đạo toàn dân kháng chiến, kiến quốc thắng lợi. Nơi diễn ra nhiều đại hội, hội nghị quan trọng của Trung ương, đặc biệt là Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ II là Đại hội đầu tiên của Đảng được tổ chức ở trong nước. Bên cạnh đó, Tuyên Quang còn là vùng đất "Sơn thủy hữu tình" với cảnh quan thiên nhiên kỳ vĩ như: Danh lam thắng cảnh quốc gia đặc biệt Khu bảo tồn thiên nhiên Na Hang - Lâm Bình nằm giữa những cánh rừng nguyên sinh đại ngàn dọc đôi bờ sông Gâm và sông Năng, có hệ sinh thái đa dạng với nhiều loài động, thực vật quý hiếm, hệ thống hang động, thác nước độc đáo, kỳ thú, những dãy núi trùng điệp nối tiếp nhau; những mùa hoa Lê, mùa lúa vàng trên ruộng bậc thang Hồng Thái, huyện Na Hang; vẻ đẹp nguyên sơ, thơ mộng của danh thắng quốc gia thác Bản Ba, huyện Chiêm Hoá; Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, thành phố Tuyên Quang được các chuyên gia nghiên cứu đánh giá là một trong số ít những mỏ khoáng tốt nhất tại miền Bắc nước ta. Đồng thời, Tuyên Quang còn nơi khởi phát, hội tụ và giao thoa sắc thái văn hóa của các dân tộc vùng núi phía Bắc với nhiều di sản văn hóa vật thể, phi vật thể được bảo tồn và phát huy. Mảnh đất, con người Tuyên Quang đã gắn liền với lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc, nơi lưu giữ những giá trị lịch sử, văn hoá truyền thống quý báu, đồng thời được thiên nhiên ban tặng những cảnh quan tươi đẹp, kỳ vĩ và hấp dẫn, tất cả các yếu tố đó đã tạo nên nguồn tài nguyên du lịch phong phú, đa dạng để tỉnh tập trung khai thác, phát triển, thu hút khách du lịch.

Tuyên Quang với điều kiện diện tích đất nông lâm nghiệp lớn, với hệ sinh thái đa dạng Tuyên Quang thích hợp để triển khai nhiều dự án nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp gắn với du lịch sinh thái. Những năm gần đây, cùng với xu hướng phát triển du lịch chung của cả nước, tỉnh Tuyên Quang phát triển đầy mạnh sản phẩm du lịch nông thôn, du lịch cộng đồng, trong đó có mô hình du lịch nông thôn gắn với phát triển vùng chè. Tại tỉnh Tuyên Quang sản xuất chè được phân bố thành 2 vùng, cụ thể: Chè vùng thấp tập trung tại các huyện Yên

Sơn, Sơn Dương, Hàm Yên và thành phố Tuyên Quang, tại đây trồng các giống chè lai, chè đặc sản nhập nội, chè trung du phục vụ chế biến công nghiệp với hạt nhân là 3 Công ty CP chè Sông Lô, Mỹ Lâm, Tân Trào và trên 40 cơ sở sản xuất, diện tích trên 7.100 ha, chiếm khoảng 84 % diện tích chè toàn tỉnh; chè vùng cao tập trung tại huyện Na Hang, Lâm Bình chủ đạo là giống chè Shan tuyết với diện tích trên 1.300 ha, những năm gần đây đã được mở rộng thêm các giống chè đặc sản, chất lượng cao mới như: Kim Tuyên, Phúc Vân Tiên, Đại Bạch Trà,...Hiện nay, toàn tỉnh có trên 80% diện tích chè giống mới, trên 1.300 ha chè được áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn như Rainforest, VietGap, hữu cơ... , hiện có 35 sản phẩm chè được xếp hạng sản phẩm OCOP từ 3 - 5 sao, trong đó nhiều sản phẩm được người tiêu dùng ưa chuộng như: Chè Shan tuyết Hồng Thái, Chè nõn Tân Thái Dương 168, Chè Ngọc Thuý Kim Quan, Chè xanh Ngọc Thuý đỉnh, Chè xanh Ngọc Thuý, Chè xanh Tân Trào,...là các sản phẩm đặc sản làm quà phục vụ mua sắm cho khách du lịch. Với tiềm năng đó, một số sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp gắn với hoạt động du lịch đã được đầu tư, khai thác tại tỉnh. Các sản phẩm nông nghiệp gắn với hoạt động tham quan, trải nghiệm ở các làng quê, nông thôn của tỉnh được triển khai đưa vào hoạt động, trong đó có loại hình du lịch gắn với phát triển vùng chè như: trải nghiệm với Làng nghề chè Vĩnh Tân (Sơn Dương); *trải nghiệm đồi chè ở Mỹ Bằng (Yên Sơn); vùng chè cổ thụ ở xã Sinh Long, huyện Na Hang...* đã kết nối thêm các tour, tuyến du lịch trên địa bàn để thu hút khách du lịch tham quan, trải nghiệm, du khách được mua các sản phẩm chè ngon, an toàn được sao thủ công truyền thống; được trải nghiệm đi hái chè, tham gia quy trình sao, đóng gói chè. Ban Quản lý các khu du lịch tỉnh, các công ty du lịch cũng đã xây dựng 1 số tua du lịch kết hợp với vùng chè: tua du lịch Tân Trào (*Lán Nà Nưa - Bơi Mảng Nghe Hát Then - Ngâm chân lá thuốc dân tộc - Cây đa Tân Trào - Thưởng thức Com kháng chiến - Đình Tân Trào - Khu Tưởng Niệm Các Vị Tiền Bối Cách Mạng - Làng chè Vĩnh Tân; Đình Hồng Thái - Làng chè Vĩnh Tân - Lán Nà Nưa - Bơi Mảng Nghe Hát Then - Chèo sup - Ngâm chân lá thuốc dân tộc - Cây đa Tân Trào - Thưởng thức Com kháng chiến - Đình Tân Trào - Khu Tưởng Niệm Các Vị Tiền Bối Cách Mạng - Làng chè Vĩnh Tân*). Tua du lịch suối khoáng Mỹ Lâm (*Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm - Chùa Phật Lâm - Di tích lịch sử Làng Ngòi - Đá Bàn - Đồi chè Mỹ Bằng*)...

Có thể nói mô hình du lịch này đem lại hiệu quả kinh tế, xã hội, tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho người dân, cơ sở kinh doanh thông qua việc tạo thu nhập trực tiếp từ sản phẩm, cung cấp sản phẩm dịch vụ cho du khách, đồng thời giúp nâng cao ý thức trong xây dựng môi trường, văn hoá, cảnh quan ở vùng nông thôn. Tỉnh Tuyên Quang đã ban hành các chính sách để phát triển du lịch nông thôn: Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND về chính sách hỗ trợ phát triển

sản xuất nông, lâm thủy sản hàng hoá, sản phẩm OCOP và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND về chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 7/12/2022 của UBND tỉnh Tuyên Quang về thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 để phát triển mô hình nông thôn gắn với phát triển du lịch.

Tuy nhiên, phát triển du lịch gắn với phát triển vùng chè là loại hình mới, chưa được khai thác bài bản, các dịch vụ phục vụ du lịch còn ít, sản phẩm du lịch còn hạn chế, chưa đủ sức hấp dẫn đối với du khách, số lượng khách tham quan còn ít. Chưa có sự liên kết chặt chẽ giữa các hộ gia đình trồng chè, các cơ sở sản xuất và các đơn vị kinh doanh du lịch.

Để phát triển loại hình du lịch gắn với phát triển vùng chè hiệu quả, chúng tôi đề xuất một số giải pháp sau:

1. Rà soát quy hoạch, định hướng phát triển sản phẩm du lịch gắn với vùng chè. Phát triển các mô hình sản xuất chè kết hợp với phát triển du lịch để làm mô hình điểm điển hình.

2. Xây dựng chính sách hỗ trợ, lồng ghép đầu tư, đào tạo nguồn nhân lực, chính sách thu hút đầu tư mô hình du lịch nông thôn gắn với vùng chè.

3. Tiếp tục khẳng định việc đẩy mạnh gia tăng giá trị trong sản xuất, xây dựng sản phẩm OCOP chất lượng cao, bảo tồn các làng nghề chè truyền thống, hình thành và phát triển làng nghề chè gắn kết với phát triển du lịch.

4. Tăng cường công tác quản lý, sự phối hợp, kết hợp giữa các cấp, các ngành trong công tác chỉ đạo, hướng dẫn, trong đó ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn và ngành văn hoá, thể thao và du lịch là chủ đạo.

5. Tăng cường phát huy vai trò, kết nối các công ty lữ hành với các chủ thể hoạt động du lịch gắn với vùng chè trong việc xây dựng tua, tuyến đưa du khách đến tham quan, trải nghiệm, kết nối làng nghề chè với các điểm đến khác để làm phong phú, hấp dẫn đối với du khách. Cần chú ý chia sẻ lợi ích các bên tham gia đem lại hiệu quả cao trong hoạt động du lịch.

6. Thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền, quảng bá trên các kênh truyền thông về sản phẩm du lịch vùng chè. Truyền thông về lợi ích hiệu quả kinh tế xã hội và môi trường của mô hình sản xuất chè gắn với phát triển du lịch. Xây dựng thương hiệu cho chè Tuyên Quang.

7. Các chủ thể tham gia du lịch gắn với vùng chè cần đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch tốt, tôn tạo cảnh quan, đầu tư phục hồi và phát triển làng nghề, xây dựng sản phẩm du lịch đa dạng và hấp dẫn, tăng cường các dịch vụ bổ trợ, các hoạt động níu kéo du khách lưu trú qua đêm, nâng cao nghiệp vụ trong công tác phục vụ chuyên nghiệp đáp ứng nhu cầu của khách.

Tuyên Quang có tiềm năng rất lớn để phát triển du lịch vùng chè, với những đồi chè xanh mướt, không chỉ là nguồn cung cấp nguyên liệu quý giá mà còn có tiềm năng trở thành điểm đến du lịch hấp dẫn. Với những giải pháp phù hợp, du lịch chè góp phần bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, phát triển kinh tế xã hội địa phương.

# **PHÁT TRIỂN KINH DOANH LƯU TRÚ DU LỊCH TẠI CÁC VÙNG CHÈ Ở TIỂU VÙNG ĐÔNG BẮC: NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH**

**ThS. Nguyễn Thanh Bình**

*Phó Trưởng phòng Quản lý lưu trú du lịch*

*Cục Du lịch quốc gia Việt Nam*

## **Tóm tắt:**

Hệ thống cơ sở lưu trú du lịch (CSLTDL) vùng chè ở tiểu vùng Đông Bắc của Việt Nam giai đoạn 2019 – 2023 có sự phát triển về số lượng và chất lượng, nhưng thấp hơn các khu vực khác. Hoạt động đầu tư tập trung vào các khu nghỉ dưỡng núi và nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê, góp phần phát triển hoạt động du lịch cộng đồng, tạo việc làm, chia sẻ lợi ích cho cộng đồng địa phương, góp phần xóa đói giảm nghèo. Số cơ sở có quy mô lớn không nhiều, khó khăn trong phát triển du lịch MICE. Một số xu hướng của khách du lịch đã tác động mạnh mẽ đến hoạt động đầu tư lưu trú du lịch, các CSLTDL đã mở rộng dịch vụ bổ sung như chăm sóc sức khỏe, chăm sóc sắc đẹp, thể thao, phục vụ hội nghị, hội thảo, vui chơi giải trí... Để hoạt động lưu trú du lịch khu vực này phát triển phù hợp với định hướng chiến lược phát triển du lịch Việt Nam, cần đề xuất một số khuyến nghị chính sách nhằm phát triển nguồn nhân lực du lịch, hỗ trợ các đơn vị khắc phục khó khăn như giảm giá đầu vào, hỗ trợ về thuế, hỗ trợ về công nghệ, hỗ trợ cho các hoạt động phục vụ cộng đồng theo xu hướng mới như chăm sóc sức khỏe.

## **1. Tình hình đầu tư cơ sở lưu trú du lịch Việt Nam tại vùng chè ở tiểu vùng Đông Bắc**

Vùng chè ở tiểu vùng Đông Bắc của Việt Nam gồm 7 tỉnh: Bắc Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Hà Giang, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Thái Nguyên - là một miền đất hùng vĩ được thiên nhiên ưu ái ban tặng nhiều danh lam thắng cảnh và là những vùng trồng chè nổi tiếng trong cả nước. Khu vực này có nhiều điểm tương đồng về điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội với địa hình đa dạng, hệ sinh thái phong phú, đặc sắc; các dân tộc anh em có truyền thống gắn kết với nhau lâu đời. Đây là những điều kiện vô cùng thuận lợi để phát triển các loại hình du lịch, nhất là du lịch trải nghiệm, du lịch khám phá tự nhiên, du lịch cộng đồng.

Hệ thống cơ sở lưu trú du lịch (CSLTDL) tiểu vùng Đông Bắc của Việt Nam có sự phát triển về số lượng và chất lượng, nhưng chưa đa dạng về loại hình. Từ năm 2019 đến năm 2023, CSLTDL tại khu vực này Việt Nam tăng 36,7%, sức chứa chỉ tăng 8,77% (số cơ sở tăng từ 2738 lên 3317, sức chứa tăng từ 31.300 buồng lên 34.000 buồng), chủ yếu là nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê, khách sạn dưới 3 sao, nhà nghỉ du lịch.

**Bảng 1: Số cơ sở lưu trú du lịch vùng chè tiêu vùng Đông Bắc Việt Nam***Đơn vị tính: số buồng*

Địa phương	2019	2020	2021	2022	2023	Tăng trưởng bình quân	Tỷ trọng năm 2023 so với toàn quốc
Bắc Giang	514	479	493	502	445	-13.42%	1.09%
Bắc Kạn	212	225	228	174	248	16.98%	0.60%
Cao Bằng	256	275	368	392	303	18.36%	0.74%
Hà Giang	711	831	818	833	960	35.02%	2.34%
Lạng Sơn	219	224	357	283	297	35.62%	0.72%
Thái Nguyên	486	81	460	461	535	10.08%	1.30%
Tuyên Quang	340	393	489	451	529	55.59%	1.29%
Tổng cộng 7 tỉnh	2738	2508	3213	3096	3317	21.15%	8.09%
Toàn quốc	30000	38000	34700	37000	41000	36.67%	-
<b>7 tỉnh so với toàn quốc</b>	<b>9.13%</b>	<b>6.60%</b>	<b>9.26%</b>	<b>8.37%</b>	<b>8.09%</b>	-	-

*Nguồn: Cục Du lịch quốc gia Việt Nam, 2023***Bảng 2: Sức chứa CSLT du lịch vùng chè tiêu vùng Đông Bắc Việt Nam***Đơn vị tính: số buồng*

Địa phương	2019	2020	2021	2022	2023	Tăng trưởng bình quân	Tỷ trọng năm 2023 so với toàn quốc
Bắc Giang	6921	5731	5879	6377	5800	-16.20%	14.15%
Bắc Kạn	1119	2173	2196	1722	2305	105.99%	5.62%
Cao Bằng	3192	3416	3144	4120	2880	-9.77%	7.02%
Hà Giang	6578	7193	11629	7348	7873	19.69%	19.20%
Lạng Sơn	2874	3586	3000	3954	3803	32.32%	9.28%
Thái Nguyên	6782	2383	6677	6670	7273	7.24%	17.74%
Tuyên Quang	3796	4012	4013	4262	4071	7.24%	9.93%
Tổng cộng 7 tỉnh	31262	28494	36538	34453	34005	8.77%	82.94%
Cả nước	650000	780000	668000	702000	811000	24.77%	-
<b>7 tỉnh so với toàn quốc</b>	<b>4.81%</b>	<b>3.65%</b>	<b>5.47%</b>	<b>4.91%</b>	<b>4.19%</b>	-	-

*Nguồn: Cục Du lịch quốc gia Việt Nam, 2023*

Số lượng nhà nghỉ trong khu vực chiếm tỷ trọng cao nhất (1896 cơ sở với hơn 17000 buồng), tiếp đó là nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (homestay) gồm 936 cơ sở với 5636 buồng. Hệ thống khách sạn bước đầu được nâng cấp, cả vùng có 19 khách sạn 3 sao với 1148 buồng, 4 khách sạn 4 sao với 609 buồng, riêng Lạng Sơn có 2 khách sạn 5 sao với 357 buồng. Khối khách sạn từ 3 sao trở xuống là 403 cơ sở với 8800 buồng. Các cơ sở lưu trú ngoài thực hiện theo điều kiện quy định tại Luật Du lịch còn được hướng dẫn thực hiện theo các tiêu chuẩn quốc gia Tiêu chuẩn nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê TCVN 7800:2017, tiêu chuẩn nhà nghỉ du lịch TCVN 7799:2017, tiêu chuẩn Du lịch



cộng đồng - Yêu cầu về chất lượng dịch vụ TCVN 13259:2020 và các tiêu chuẩn của ASEAN về homestay, CBT, sản phẩm du lịch bền vững để nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu hội nhập. Dịch vụ tại các CSLTDL cũng ngày càng đa dạng hơn. Du khách không chỉ lưu trú mà có thể cùng học và tham gia chế biến món ăn, được chăm sóc sức khỏe, chăm sóc sắc đẹp, thư giãn, vui chơi giải trí, tham gia các hoạt động thể thao, vui chơi giải trí... Các địa phương Hà Giang, Thái Nguyên đã có cơ sở được trao giải thưởng homestay ASEAN, du lịch cộng đồng ASEAN, khách sạn xanh ASEAN, trong đó Thái Hải ở Thái Nguyên liên tục được nhiều giải thưởng quốc tế.

Tuy nhiên, hệ thống cơ sở lưu trú vùng chè còn một số bất cập sau: chưa phân bố đều, tập trung chủ yếu tại các khu vực đô thị, đồng bằng; tại các vùng núi cao, cung còn thấp, chất lượng nhân lực còn yếu.

Những năm gần đây, xu hướng nhu cầu du lịch có một số thay đổi đòi hỏi sự thay đổi tương ứng về đầu tư cơ sở lưu trú du lịch. Đó là (1) xu hướng tự đi du lịch bằng phương tiện cá nhân, không thông qua doanh nghiệp lữ hành và giảm sử dụng phương tiện công cộng đòi hỏi CSLTDL bố trí đủ nơi đỗ xe và cung cấp thông tin cập nhật, bổ sung nhân sự chăm sóc khách, (2) xu hướng đặt sức khỏe lên lựa chọn hàng đầu, đặc biệt sau đại dịch covid-19 đòi hỏi CSLTDL điều chỉnh các sản phẩm cung ứng, nhấn mạnh những nội dung có lợi cho sức khỏe, bổ sung các dịch vụ chăm sóc sức khỏe và nhắc đến trong các thông điệp marketing; (3) Nhu cầu tiếp xúc với thiên nhiên đòi hỏi các CSLTDL hạn chế can thiệp vào thiên nhiên, mang đến cho khách sự yên bình tĩnh lặng, tận dụng thế mạnh về cảnh quan thiên nhiên; (4) cá nhân hóa dịch vụ đòi hỏi CSLTDL quan tâm đến sở thích cá nhân khách, (5) nhu cầu nghỉ ngơi kết hợp làm việc online đòi hỏi CSLTDL cung ứng tiện ích để có thể hội họp và làm việc trực tuyến, đặc biệt là đường truyền internet tốc độ cao, (6) nhu cầu sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường đòi hỏi CSLTDL quan tâm đến các giải pháp môi trường và đăng ký các nhãn hiệu du lịch bền vững, nhãn xanh; (7) nhu cầu đóng góp cho cộng đồng, xã hội đòi hỏi CSLTDL có những chương trình hoạt động có ý nghĩa mà khách có thể tham gia, hành xử có trách nhiệm với xã hội, quan tâm hơn tới sự tồn vong của mọi người và đẩy mạnh du lịch cộng đồng; (8) nhu cầu về sử dụng các tiện ích của cách mạng 4.0 đòi hỏi CSLTDL đầu tư thay đổi về công nghệ trong vận hành và cung ứng sản phẩm...

Bên cạnh những thành công bước đầu, CSLTDL Việt Nam cần tiếp tục hoàn thiện, phát triển bền vững, khắc phục những hạn chế, thách thức về môi trường và biến đổi khí hậu, về chất lượng nhân lực, về đảm bảo chất lượng phục vụ khách. Những CSLTDL là nhà dân, giao dịch với khách qua mạng cần có sự kiểm soát chặt chẽ về an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm.

## **2. Một số khuyến nghị về chính sách đối với cơ sở lưu trú du lịch Việt Nam**

Từ năm 2018, CSLTDL thực hiện theo Luật Du lịch số 09/2017/QH14 công bố năm 2017 (sau đây gọi là Luật Du lịch 2017) với các quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ cho từng bên tham gia, cùng các văn bản hướng dẫn Luật Du lịch 2017. Hoạt động kinh doanh lưu trú liên quan đến nhiều ngành như công an, y tế, thể thao, văn hóa..., do đó bên cạnh những văn bản quản lý của cơ quan quản lý chuyên ngành du lịch, còn có những văn bản quản lý liên quan đến lưu trú do các Bộ, ngành khác ban hành.

Luật Du lịch 2017 tạo điều kiện cho đầu tư kinh doanh lưu trú du lịch, tăng trách nhiệm của cơ quan quản lý du lịch địa phương và tổ chức xã hội nghề nghiệp về du lịch. Việc xếp hạng CSLTDL chuyển từ yêu cầu bắt buộc sang tự nguyện tạo chủ động cho cơ sở. Điều kiện kinh doanh lưu trú du lịch được giảm ở tất cả các loại hình. Các tiêu chuẩn của CSLTDL được soát xét và xây dựng mới: soát xét tiêu chuẩn Khách sạn – xếp hạng, Căn hộ Du lịch – Xếp hạng, Tàu thủy lưu trú du lịch – xếp hạng, Nhà nghỉ du lịch, Nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê, Biệt thự Du lịch; xây dựng mới tiêu chuẩn địa điểm du lịch MICE áp dụng cho khách sạn. Năm 2020, 2021 đã ban hành các văn bản hướng dẫn CSLTDL thực hiện phòng, chống dịch Covid-19. Các tiêu chuẩn du lịch ASEAN được phổ biến và nhiều địa phương áp dụng, đạt kết quả bước đầu.

Nhìn chung các CSLTDL đã cố gắng tuân thủ các chính sách, pháp luật của nhà nước nhưng vẫn còn đơn vị chưa đáp ứng một số điều kiện về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường. Một số nơi gặp khó khăn để đảm bảo các quy định về phòng cháy và chữa cháy. Sự thiếu kinh nghiệm của một số chủ đầu tư dẫn đến những sai lầm trong quá trình đầu tư, tuyển nhân sự, duy trì chất lượng và xúc tiến quảng bá

Trong giai đoạn 2010-2020, Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới được triển khai trên nhiều khu vực địa bàn nông thôn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Vừa qua, tại Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Chính Phủ, trong các giải pháp thực hiện đã chỉ rõ đầu tiên là giải pháp rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách về phát triển du lịch nông thôn, trong đó có nội dung Rà soát, bổ sung các chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư, phát triển du lịch nông thôn, gồm: (i) các chính sách về sử dụng quỹ đất đai cho phát triển du lịch nông thôn phù hợp với quy hoạch vùng và địa phương, và quy hoạch nông thôn đảm bảo tính kết nối giữa các điểm đến; (ii) chính sách đầu tư phát triển hạ tầng du lịch nông thôn; (iii) chính sách hỗ trợ (nguồn lực, đào tạo, thông tin, tư vấn...) cho từng đối tượng chủ thể (hộ dân, cộng đồng, hợp tác xã, trang trại, doanh nghiệp, thanh niên, phụ nữ, người dân tộc thiểu số...) tham gia đầu tư, cung cấp dịch vụ du lịch nông thôn; (iv) chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đưa khách du lịch về khu vực nông thôn; (v) chính

sách hỗ trợ cơ sở đào tạo, doanh nghiệp tham gia vào đào tạo nguồn nhân lực du lịch tại khu vực nông thôn, đào tạo nghề du lịch cho lao động nông thôn; (vi) chính sách khuyến khích cộng đồng tham gia bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống, các sản phẩm tiêu thủ công nghiệp, duy trì phát triển đội ngũ nghệ nhân, các kỹ năng biểu diễn và dàn dựng các tiết mục, phục dựng mô hình sản xuất truyền thống phục vụ du lịch nông thôn; (vii) chính sách hỗ trợ liên kết, hợp tác sản xuất, chế biến, tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng phục vụ du lịch tại khu vực nông thôn; (viii) chính sách hỗ trợ tiếp cận tài chính, vốn vay ưu đãi cho đầu tư vào du lịch nông thôn...; Tăng cường huy động các nguồn lực xã hội, nguồn tài trợ của các tổ chức hợp tác quốc tế, đầu tư của doanh nghiệp, các tổ chức hợp tác nông nghiệp, đóng góp của cộng đồng (tài chính, sức lao động...) và các nguồn hợp pháp khác cho phát triển du lịch nông thôn. Ưu tiên bố trí vốn từ ngân sách nhà nước cho công tác đào tạo nguồn nhân lực, phát triển hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật ngành du lịch tại khu vực nông thôn phù hợp với định hướng thị trường

Thực hiện các chính sách trên, cơ sở hạ tầng du lịch được đầu tư đã tạo điều kiện thuận lợi cho du khách đến với các địa bàn khó khăn và làm thay đổi cơ cấu kinh tế ở các địa phương vùng sâu, vùng xa.

Triển khai Nghị định về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, một số địa phương đã áp dụng các hình thức vay vốn ưu đãi cho một số dự án kinh doanh du lịch, đặc biệt vay vốn từ Ngân hàng Chính sách Xã hội. Nhờ nguồn vốn vay ưu đãi không phải thế chấp (*dưới 50 triệu đồng/hộ*), nhiều hộ kinh doanh nhỏ lẻ tại một số địa phương đã chủ động triển khai phương án kinh doanh, đầu tư phương tiện, sản phẩm phục vụ du lịch, đặc biệt là *Hà Giang*.

Nhìn chung, các chính sách của địa phương được ban hành tương đối sát với nhu cầu thực tiễn, bước đầu đáp ứng được một phần yêu cầu đặt ra để hỗ trợ phát triển du lịch.

Tuy nhiên các địa phương cũng gặp khó khăn sau:

Nguồn vốn hỗ trợ cơ sở hạ tầng còn hạn hẹp, phân bổ nguồn đầu tư còn dàn trải (*hàng năm trung bình mỗi tỉnh hỗ trợ khoảng 14 tỷ đồng; có tỉnh bố trí thấp chỉ 6-7 tỷ đồng/năm*). Một số nội dung đầu tư hạ tầng du lịch còn chưa rõ và chồng chéo với các nguồn vốn đầu tư khác như dự án giao thông, chống xói mòn của sông, biển, bảo vệ tôn tạo tài nguyên du lịch. Bên cạnh đó, đối tượng hỗ trợ của các Chương trình khá hẹp, không hỗ trợ cho các khu du lịch, điểm du lịch thuộc quy hoạch tổng thể của các địa phương và rất ít dành cho các điểm du lịch nông thôn.

Khu vực chèo thuộc nông thôn nhìn chung có mức thu GRDP thấp so với các khu vực khác, nên việc bố trí vốn đầu tư cho phát triển du lịch còn hạn chế,

chưa thu hút được nhiều nhà đầu tư; chưa có sự hỗ trợ đặc lực đầu tư cơ sở hạ tầng theo chương trình hành động quốc gia về du lịch.

Tổng nguồn lực đầu tư cho phát triển du lịch nông thôn nhìn chung còn rất hạn chế (*nhiều tỉnh chỉ mới huy động được vài tỉ đồng từ ngân sách cho phát triển du lịch nông thôn*). Cụ thể các nguồn:

- Nguồn lực huy động của các địa phương hiện nay chủ yếu là từ ngân sách nhà nước: các dự án đầu tư cho các công trình hạ tầng như đường, điện, nước... chủ yếu từ nguồn vốn xây dựng NTM; lồng ghép các dự án bảo tồn di sản; chương trình mục tiêu của ngành văn hóa, thể thao và du lịch hỗ trợ xây dựng thiết chế văn hóa, nhà văn hóa truyền thống phục vụ du lịch.

- Nguồn vốn từ các dự án quốc tế hỗ trợ, chủ yếu tập trung vào các tỉnh vùng miền núi khó khăn, ví dụ Caristas và Helvetas ở Hà Giang,

- Nguồn vốn huy động xã hội hóa từ người dân để phát triển du lịch nông thôn, du lịch cộng đồng còn rất hạn chế còn hạn chế.

- Nguồn lực từ tín dụng và đầu tư của doanh nghiệp còn nhiều hạn chế.

Chính sách ưu đãi đầu tư, tín dụng chưa tạo thuận lợi cho phát triển du lịch cộng đồng gắn với phát triển nông thôn. Luật Du lịch quy định, Nhà nước có chính sách khuyến khích, hỗ trợ cho một số hoạt động có liên quan đến du lịch nông thôn, phát triển sản phẩm du lịch chủ đạo đối với từng vùng và trong phạm vi toàn quốc theo từng giai đoạn. Tuy nhiên, hiện nay chưa có chính sách cụ thể cho phát triển du lịch nông thôn. Luật Đầu tư quy định, Chính phủ quy định một số hình thức ưu đãi đầu tư, hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp khi đầu tư vào một số lĩnh vực. Tuy nhiên, hiện nay hầu hết các ưu đãi đầu tư cho ngành nông nghiệp, chưa có ưu đãi cụ thể cho đầu tư vào kinh doanh du lịch nông thôn. Nghị định về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn: Một số địa phương đã áp dụng các hình thức vay vốn ưu đãi cho một số dự án kinh doanh du lịch, đặc biệt vay vốn từ Ngân hàng Chính sách Xã hội. Tuy nhiên, phần lớn nguồn vốn vay tập trung cho sản xuất nông nghiệp, các dự án đầu tư cho phát triển du lịch chưa nhiều, việc tiếp cận nguồn vốn vay còn khó khăn. Hơn nữa, để đầu tư du lịch nông thôn, với vốn vay 50 triệu đồng/hộ thì rất khó để đầu tư và phát triển du lịch. Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; du lịch, dịch vụ du lịch không có trong danh mục 19 ngành, nghề được ưu đãi đầu tư trong nông nghiệp, nông thôn. Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp chưa có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích liên kết phát triển nông nghiệp, nông thôn với phát triển du lịch.

Phối hợp liên ngành và việc triển khai các chính sách liên ngành trong

quản lý, phát triển du lịch tồn tại nhiều bất cập, chưa phát huy được sức mạnh tổng thể trong vùng, chưa tạo được hoạt động liên kết trong công tác quản lý, chia sẻ thông tin, kinh nghiệm và đào tạo. Các thủ tục để nhận hỗ trợ từ các Chương trình mục tiêu còn phức tạp, một số nội dung chưa rõ ràng như việc hỗ trợ đào tạo khiến triển khai khó khăn.

Vấn đề môi trường chưa được quan tâm đúng mức.

Một số Điểm yếu của cơ sở lưu trú du lịch trong vùng:

Về khai thác thị trường và xúc tiến quảng bá du lịch: Chưa có chính sách và cơ chế phù hợp để nghiên cứu, khai thác thị trường và thu hút khách du lịch đến khu vực du lịch nông thôn đặc biệt là khách quốc tế. Khách quốc tế đến khu vực nông thôn hiện nay có Hà Giang, Lạng Sơn chiếm tỷ trọng cao, các tỉnh khác còn nhiều khó khăn.

Về nâng cao chất lượng dịch vụ: Chất lượng cơ sở vật chất và nhân sự còn thấp. Chưa có chính sách hợp lý để đa dạng hóa và nâng cao chất lượng dịch vụ. Sự kết nối giữa các nhà cung cấp dịch vụ du lịch trong vùng để xây dựng các chương trình liên vùng và tạo sự dễ dàng tiện lợi cho khách du lịch còn hạn chế; mức chi tiêu của khách du lịch hằng năm tăng chậm; khách du lịch chủ yếu chỉ tiêu các dịch vụ cơ bản;

Về việc hoạch định chiến lược: Việc hoạch định chiến lược thị trường, chính sách du lịch chưa được kịp thời điều chỉnh trước những biến động của du lịch thế giới và khu vực. Một số nơi quy hoạch du lịch đã bị lạc hậu.

Về thu hút đầu tư: Chưa thu hút được các tổ chức du lịch lớn đầu tư để thu hút khách, học hỏi kinh nghiệm, chuyển giao công nghệ, góp phần đào tạo nguồn nhân lực, tăng cường quản trị kinh doanh du lịch đối với mô hình du lịch cộng đồng... Cơ sở hạ tầng dịch vụ du lịch các địa phương một số nơi còn hạn chế, chất lượng phục vụ chưa chuyên nghiệp dẫn đến chưa đáp ứng được phân khúc khách cao cấp.

Thiếu cơ chế, chính sách đặc thù để thu hút đầu tư theo hướng xã hội hóa có hiệu quả; chưa chủ động bố trí vốn phần ngân sách nhà nước tham gia đầu tư phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của Khu du lịch. Chưa có sự đồng bộ giữa cơ chế, chính sách đề ra với bố trí nguồn lực; thiếu những giải pháp mang tính đột phá để huy động tối đa các nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước.

Chính sách phát triển du lịch nông thôn của các địa phương tập trung chủ yếu hỗ trợ các hộ dân làm du lịch cộng đồng tuy nhiên, các định mức hỗ trợ khác nhau, phạm vi hỗ trợ có nhiều nơi còn dàn trải, quy mô manh mún, thiếu sự tập trung đồng bộ; chưa có tiêu chí, định mức hỗ trợ đủ, phù hợp để tạo ra các sản phẩm du lịch nông thôn có chất lượng cao; chưa có chính sách hỗ trợ cho các liên kết phát triển du lịch và nông nghiệp... dẫn tới chưa có sản phẩm đồng bộ, tương xứng và có khả năng cạnh tranh cao. Để nâng cấp nhà ở hiện tại làm

dịch vụ lưu trú tại gia homestay, ít nhất cũng cần phải đầu tư khoảng 100-250 triệu thì mới có thể đáp ứng được yêu cầu của khách.

Về phát triển sản phẩm: Chính sách liên kết phát triển sản phẩm, phát triển nguồn nhân lực, liên kết trong hoạt động quản lý, đầu tư phát triển du lịch... chưa thực sự được quan tâm; hình thức hợp tác công - tư chưa được vận dụng hiệu quả; hệ thống công cộng (phương tiện, nhà vệ sinh...) tại các trung tâm du lịch chưa đáp ứng nhu cầu; Tình trạng manh mún trong du lịch vẫn còn khá phổ biến. Chính sách sản phẩm du lịch chưa rõ ràng khiến sản phẩm chưa thật sự đặc sắc, sản phẩm chung của vùng chưa rõ nét, chậm đổi mới, thiếu sáng tạo, chưa tạo nhiều điểm nhấn thu hút khách du lịch.

Vì vậy chúng tôi có một số khuyến nghị chính sách đối với cơ sở lưu trú du lịch khu vực chè ở tiểu vùng Đông Bắc Việt Nam như sau:

Thứ nhất, việc ban hành chính sách cần gắn với việc triển khai thực hiện, giám sát triển khai thực hiện và đánh giá hiệu quả của chính sách;

Thứ hai, quan tâm đến tính kết nối, liên ngành và hệ thống giữa các chính sách để tăng cường hiệu quả trong thực tế, như các chính sách về phát triển sản phẩm du lịch, phát triển thương hiệu cơ sở lưu trú du lịch gắn với quảng bá, giới thiệu và kết nối với lễ hội; chính sách hỗ trợ cho người dân vay vốn gắn với đào tạo, tập huấn cho các hộ dân để nâng cao chất lượng dịch vụ.

Thứ ba, Về tổ chức thực hiện các chính sách hiện có: Cần đổi mới trong tư duy, xây dựng hành lang pháp lý, tổ chức thực hiện du lịch. Vai trò của cộng đồng trong phát triển du lịch cần được đề cao. Cần phát huy sáng tạo, không chỉ khai thác những điều kiện tự nhiên sẵn có. Các giá trị văn hóa, lịch sử, bản sắc dân tộc riêng có cần được phát huy tối đa trong hướng dẫn hỗ trợ đầu tư cơ sở lưu trú để biến thành nguồn lực, thành sản phẩm. Các sản phẩm về chè cần khuyến khích đưa vào phục vụ trong cơ sở lưu trú du lịch.

Thứ tư, cải tiến chính sách đào tạo nguồn nhân lực du lịch: Chính sách hỗ trợ đào tạo chưa rõ nét khiến nhân lực du lịch trong nhiều điểm du lịch cộng đồng thuộc khu vực chè tiểu vùng Đông Bắc còn thiếu chuyên nghiệp cả chuyên môn, nghiệp vụ và ngoại ngữ. Việc triển khai các chương trình hỗ trợ đào tạo gặp khó khăn, không chỉ được cho học viên nên khó tổ chức tập huấn cho người dân các vùng sâu vùng xa làm du lịch.

Thứ năm, quan tâm chính sách về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, khắc phục tính mùa vụ trong du lịch. Đặc biệt là hỗ trợ người dân vùng gặp thiên tai, bão lũ.

Thứ sáu, có các chính sách hỗ trợ khách du lịch tại chỗ chưa được quan tâm đúng mức khiến hệ thống trung tâm thông tin du lịch, trạm nghỉ chân du lịch, nhà vệ sinh chưa đạt yêu cầu về số lượng cũng như chất lượng.

**Thứ bảy, dành nguồn ngân sách phù hợp cho các chương trình kích cầu**

du lịch, phát triển các loại hình du lịch mới dựa trên lợi thế từng khu vực để nâng cao công suất cho cơ sở lưu trú du lịch.

**Thứ tám**, có chính sách hỗ trợ các cơ sở lưu trú du lịch trong công tác chuyển đổi số.

**Thứ chín**, tổ chức các hoạt động tôn vinh, khen thưởng các tập thể, cá nhân có sáng kiến cải tiến chất lượng, cung cấp dịch vụ lưu trú du lịch chất lượng tốt, được khách du lịch đánh giá cao, phối hợp Ban Thư ký ASEAN trao giải thưởng du lịch ASEAN hàng năm.

**Thứ mười**, Bộ Công thương sớm có chính sách giảm giá điện để giảm giá đầu vào cho các cơ sở lưu trú du lịch.

**Thứ mười một**, áp dụng mức thuế hợp lý hơn đối với các cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

**Thứ mười hai**, hỗ trợ về công nghệ cho cơ sở lưu trú du lịch.

Trong thời gian tới, các nhà đầu tư trong lĩnh vực lưu trú du lịch tiểu vùng Đông Bắc Việt Nam cần nắm rõ luật pháp, yêu cầu hội nhập, nhu cầu, xu hướng thị trường, khắc phục điểm yếu để nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo dựng thương hiệu mạnh trong khu vực, góp phần đạt được mục tiêu trong khối ASEAN nói chung và Chiến lược của ngành Du lịch Việt Nam nói riêng./.